

Lời giới thiệu

Tam Tạng (Tipitaka) là ba phần cốt tuỷ của kinh sách đạo Phật, gồm **Kinh Tạng** - các bài giảng của chính đức Phật hoặc các đại đệ tử; **Luật Tạng** - lịch sử phát triển của Tăng-già và các giới luật của người xuất gia, được xem là tạng sách cổ nhất, ra đời chỉ vài mươi năm sau khi Phật nhập Niết-bàn; **Thắng Pháp Tạng, (Abhidhamma, A Tỳ Đàm, Vi Diệu Pháp, Luận Tạng)** - các quan niệm đạo Phật về triết học và tâm lý học, được hình thành tương đối trễ, có lẽ là sau khi các trường phái đạo Phật chia tách, không còn giữ tính thống nhất.

Trọn bộ Tam Tạng Pali Nikaya được kết tập qua 6 kỳ. **Kết Tập Lần 1** - ba tháng sau khi Đức Phật tịch diệt, một đại hội các vị Tỳ khuru (Bhikkhu) được tổ chức, ngày nay được gọi là Đại Hội Tăng Già I, tại vùng đồi núi ngoại thành Rajagaha (Vương Xá). Mục đích là để kết tập các bài kinh giảng và các điều luật thành một hệ thống chặt chẽ hơn.¹ Chủ trì phần Luật là Tỳ khuru Upali, và chủ trì phần Kinh là Tỳ khuru Ananda, là người cận sự với Đức Phật và vì thế có nhiều dịp nhất để nghe và ghi nhớ các bài giảng của Ngài. Đại hội gồm khoảng 500 vị cao tăng duyệt lại các giới luật và các bài thuyết pháp, sắp xếp thành hai nhóm chính: Luật Tạng và Kinh Tạng. Qua những thu thập lúc đó, Kinh Tạng được phân chia làm 4 Bộ chính: Trường bộ, Trung bộ, Tương ưng bộ, và Tăng Chi bộ. **Kết Tập Lần 2** - trong 45 năm hoằng dương đạo pháp, Đức Phật đã đi nhiều nơi, giảng đạo cho nhiều người và kết nạp nhiều đệ tử. Các đệ tử của Ngài ở rải rác khắp nơi, không thể nào cùng về tham dự Đại hội đầu tiên. Do đó có thể có một số bài thuyết giảng và giới luật phụ do Đức Phật đặt ra đã không được kết tập trong kỳ Đại hội đó.² Vì vậy mà khoảng 100 năm sau, năm 383 trước CN, một đại hội kết tập kinh điển được tổ chức, theo yêu cầu của tăng chúng thành Vesali và Vajji.³ Sau lần kết tập này, Luật Tạng được mở rộng với các giới luật mà các đại biểu cho rằng đã không được kết tập trong kỳ Đại Hội I, và một số các bài kinh giảng khác chưa kết tập, tạo thành một bộ kinh thứ 5 của Kinh Tạng (Tiểu Bộ). Sau lần kết tập này, Luật Tạng và Kinh

¹ Bodhesako (1984), Beginnings: The Pali Suttas, Buddhist Publication Society, Sri Lanka.

² Bodhesako (1984), Beginnings: The Pali Suttas, Buddhist Publication Society, Sri Lanka.

³ Thích Đức Nhuận (1983), Phật Học Tinh Hoa, Phật Học Viện Quốc Tế, USA.

Tạng xem như đã thành hình, và các bài giảng có lẽ cũng giống như bài giảng mà chúng ta có được trong bộ Đại Tạng hiện nay.¹ **Kết Tập Lần 3** - một trăm ba mươi năm sau đó, năm 253 trước CN, vua Asoka (A Dục) của Ấn Độ cho triệu tập Đại hội lần thứ III. Tiểu Bộ của Kinh Tạng lại được mở rộng và kết tập thêm nhiều bài kinh giảng khác. Quan trọng hơn hết là việc Đại hội đã đúc kết các bài giảng về tâm lý, thể tính và sự tương của vạn pháp, tạo thành Thắng Pháp Tạng, (Abhidhamma, A Tỳ Đàm, Vi Diệu Pháp, Luận Tạng). **Kết Tập Lần 4** - khoảng năm 20 trước CN, 500 năm sau ngày Phật nhập Đại Niết Bàn, vua Vattagamani của Tích Lan (Sri Lanka) triệu tập Đại Hội Tăng Già IV tại Aluhivihara, gần thành phố Kandy ngày nay,² kết tập lại các phần Kinh, Luật, và đúc kết phần Thắng Pháp Tạng.³ Để gìn giữ các bài giảng của Đức Phật dù đã kết tập nhưng chỉ truyền khẩu trong 500 năm qua, ba tạng kinh điển được cho viết lại trên một loại giấy bằng lá bói-đa khô.⁴ Từ đó Tam Tạng Pali được thành hình, và không còn thay đổi nào khác. **Kết Tập Lần 5** (1870) và **Lần 6** (1954) do Miến Điện tổ chức chỉ để làm sáng tỏ các điểm chính trong kinh, nhưng không thay đổi gì trong bộ Tam Tạng.⁵

¹ Bodhesako (1984), *Beginnings: The Pali Suttas*, Buddhist Publication Society, Sri Lanka.

² Narada Mahathera (1980), *The Buddha and His Teachings*, Buddhist Publication Society, Sri Lanka (Đức Phật và Phật Pháp, bản dịch Việt ngữ của Phạm Kim Khánh).

³ Christmas Humphrey (1962), *Buddhism*, Penguin Books, UK.

⁴ Bodhesako (1984), *Beginnings: The Pali Suttas*, Buddhist Publication Society, Sri Lanka.

H.W. Schuman, *The Historical Buddha* (Đức Phật Lịch Sử, bản dịch Việt ngữ của Trần Phương Lan, Viện Nghiên Cứu Phật Học, Sài Gòn, 1997).

⁵ Thích Đức Nhuận (1983), *Phật Học Tinh Hoa*, Phật Học Viện Quốc Tế, USA.

Bình Anson (2006), *Tam Tạng Kinh Điển*. <https://www.budsas.org/uni/1-bai/phap011.htm>

Bài 1

Luật Tạng (Vinaya Pitaka)

Luật Tạng gồm các giới luật và nghi lễ cho nam tu sĩ (Bhikkhu, Tỳ khuru) và nữ tu sĩ (Bhikkhuni, Tỳ khuru ni), cách thức gia nhập tăng đoàn, truyền giới luật, sinh hoạt tăng chúng, cách hành xử trong các trường hợp vi phạm giới luật, vv. Luật Tạng thường được chia làm 3 phần chính: 1) Phân tích giới bốn (Suttavibhaṅga), 2) Hợp phần (Khandhaka), và 3) Tập yếu (Parivāra); 5 bộ:¹ 1) Phân Tích Giới Tỳ Khuru (Parajika), 2) Phân Tích Giới Tỳ Khuru Ni (Pacittiya), 3) Đại Phẩm (Mahavagga), 4) Tiểu Phẩm (Cullavagga), 5) Tập Yếu (Parivara).²

Phần 1

Phân tích giới bốn (Suttavibhaṅga)

SUTTAVIBHAṅGA (Phân Tích Giới Bốn) trình bày về giới bốn Pātimokkha của tỳ khuru gồm có 227 điều và của tỳ khuru ni gồm có 311 điều. Suttavibhaṅga được chia làm hai bộ:

Bộ Pārājika (Phân Tích Giới Tỳ Khuru) mở đầu là Chương Verañjā giới thiệu việc ngài Sāriputta thỉnh cầu đức Phật quy định giới ở xứ Verañjā. Kế đến là các chương ghi lại các điều học theo thứ tự: 4 Pārājika (bất cộng trụ), 13 Saṅghādisesa (tăng tằng), 2 Aniyata (bất định), 30 Nissaggiya Pācittiya (ung xả đối trị).

Bộ Pācittiya (Phân Tích Giới Tỳ Khuru Ni) gồm: 92 Pācittiya (ung đối trị), 4 Pāṭidesanīya (ung phát lộ), 75 Sekhiyā dhammā (ung học pháp), 7 Adhikaraṇasamathā dhammā (các pháp dần xếp tranh tụng), Bhikkhunīvibhaṅga (Phân Tích Giới Tỳ Khuru Ni).

Mục lục tổng quát

¹ Narada Mahathera (1980), The Buddha and His Teachings, Buddhist Publication Society, Sri Lanka (Đức Phật và Phật Pháp, bản dịch Việt ngữ của Phạm Kim Khánh).

Russell Webb (1991), An Analysis of The Pali Canon, Buddhist Publication Society, Sri Lanka.

² Bình Anson (2006), Tam Tạng Kinh Điển. <https://www.budsas.org/uni/1-bai/phap011.htm>

Bhikkhuvibhaṅga I (Phân Tích Giới Tỳ-khuru I):

Chương Verañja (Verañjakaṇḍam)

I. Chương Pārājika thứ nhất (Paṭhamapārājikakaṇḍam): Tội thực hiện việc đôi lứa

II. Chương Pārājika thứ nhì (Dutiyapārājikakaṇḍam): Tội trộm cắp

III. Chương Pārājika thứ ba (Tatiyapārājikakaṇḍam): Tội giết người

IV. Chương Pārājika thứ tư (Catutthapārājikakaṇḍam): Tội khoe pháp thượng nhân không thực chứng

V. Chương Mười ba pháp (Terasakaṇḍam)

VI. Chương Bất Định (Aniyatakaṇḍam)

Bhikkhuvibhaṅga II (Phân Tích Giới Tỳ-khuru II):

VII. Chương Ứng Xả Đối Trị (Nissaggiyakaṇḍam)

VIII. Chương Ứng Đối Trị (Pācittiyakaṇḍam)

IX. Chương Ứng Phát Lộ (Pāṭidesanīyakaṇḍam)

X. Chương Ứng Học Pháp (Sekhiyakaṇḍam)

XI. Chương Các Pháp Dàn Xếp Tranh Tụng (Adhikaraṇasamathā Dhammā)

Bhikkhunīvibhaṅga (Phân Tích Giới Tỳ-khuru Ni):

I. Chương Pārājika (Pārājikakaṇḍam)

II. Chương Mười Bảy Pháp (Sattarasakaṇḍam)

III. Chương Ứng Xả Đối Trị (Nissaggiyakaṇḍam)

IV. Chương Ứng Đối Trị (Pācittiyakaṇḍam)

V. Chương Ứng Phát Lộ (Pāṭidesanīyakaṇḍam)

VI. Chương Ứng Học Pháp (Sekhiyakaṇḍam)

VII. Chương Các Pháp Dàn Xếp Tranh Tụng (Adhikaraṇasamathā Dhammā)

Phần 2

Hợp phần Khandhaka

KHANDHAKA (Hợp Phần): gồm các vấn đề có liên quan đã được sắp xếp thành từng chương. Khandhaka được chia làm hai bộ:

Mahāvagga (Đại Phẩm): gồm 10 chương, mở đầu là sự chứng ngộ đạo quả của đức Phật, kể đến là các nhiệm vụ quan trọng của các tỳ khưu như lễ xuất gia, lễ Uposatha (Bồ Tát), việc an cư mùa mưa, lễ Pavāraṇā (Tự Tứ), v.v.

Mục lục tổng quát

MAHĀVAGGA I (ĐẠI PHẨM 1)

I. CHƯƠNG TRỌNG YẾU (MAHĀKHANDHAKAM):

1. Tụng phẩm thứ nhất:

- [1] Phần nói về sự Giác Ngộ
- [4] Phần nói về cội cây si của những người chần dề
- [5] Phần nói về cội cây Mucalinda. Câu chuyện về rắn chúa Mucalinda
- [6] Phần nói về cội cây Rājayatana. Câu chuyện về các thương buôn Tapussa và Bhallika. Bốn bình bát của bốn vị Đại Thiên Vương
- [7] Đức Thế Tôn không có ý định thuyết giảng Giáo Pháp
- [8] Sự thỉnh cầu của Phạm Thiên. Ví dụ về hoa sen
- [11] Câu chuyện về đạo sĩ lửa thể Upaka
- [12] Câu chuyện về các tỳ khưu nhóm năm vị
- [13] Kinh Chuyển Pháp Luân: Hai điều cực đoan, bốn Chân Lý Cao Thượng, v.v...
- [16] Koṇḍañña chứng Pháp nhãn
- [18] Sự xuất gia của các tỳ khưu nhóm năm vị
- [20] Kinh Vô Ngã Tướng
- [24] Sự chứng đắc A-la-hán của các tỳ khưu nhóm năm vị

2. Tụng phẩm thứ nhì:

- [25] Câu chuyện về người con trai nhà danh giá tên Yasa
- [27] Cha của Yasa trở thành nam cư sĩ quy y Tam Bảo đầu tiên
- [28] Sự chứng đắc A-la-hán và sự xuất gia của Yasa
- [29] Mẹ và người vợ cũ thứ nhì của đại đức Yasa trở thành hai nữ cư sĩ đầu tiên
- [30] Sự xuất gia của bốn người bạn của đại đức Yasa
- [31] Sự xuất gia của năm mươi người bạn của đại đức Yasa
- [32] 61 vị A-la-hán ra đi thuyết giảng.
- [33] Ma Vương đến gặp đức Thế Tôn lần thứ nhất
- [34] Phần nói về sự tu lên bậc trên bằng Tam Quy

[35] Ma Vương đến gặp đức Thế Tôn lần thứ nhì

[36] Câu chuyện về những người bạn thuộc nhóm các vương tử

3. Tụng phẩm thứ ba:

[37] Câu chuyện về các đạo sĩ bện tóc. Điều kỳ diệu thứ nhất

[40] Điều kỳ diệu thứ nhì. Điều kỳ diệu thứ ba. Điều kỳ diệu thứ tư

[42] Điều kỳ diệu thứ năm. Buổi đại lễ cúng tế

[44] Y paṃsukūla của đức Thế Tôn

[45] Những điều kỳ diệu khác

[51] Sự xuất gia của Uruvelakassapa, Nadīkassapa, Gayākassapa

[55] Bài kinh "Bị Cháy Rực"

[01b] 4. Tụng phẩm thứ tư:

[56] Đi đến thành Rājagaha. Đức vua Seniya Bimbisāra đi đến yết kiến

[58] Tế độ đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha và mười ngàn cư sĩ

[59] Năm điều ước nguyện của đức vua được thành tựu

[61] Bài kệ của chúa chư thiên Sakka

[63] Sự cúng dường Veluvana (Trúc Lâm)

[64] Câu chuyện về Sārīputta và Moggallāna. Câu chuyện về trưởng lão Assaji

[70] Sārīputta và Moggallāna đi đến với đức Thế Tôn

[73] Lời đồn đãi về đức Thế Tôn

5. Tụng phẩm thứ năm:

[77] Nguyên nhân dẫn đến việc quy định về thầy tế độ

[81] Phận sự đối với thầy tế độ

[82] Phận sự đối với đệ tử

[83] Giảng về sự đuổi đi đệ tử

[84] Năm điều kiện của người đệ tử

[85] Sự xuất gia của người bà-la-môn bằng tuyên ngôn

[86] Nghi thức cầu xin sự tu lên bậc trên. Tuyên ngôn tu lên bậc trên

[87] Cho phép giải thích về bốn vật nương nhờ

6. Tụng phẩm thứ sáu:

[88] Quy định về thời điểm giải thích bốn vật nương nhờ

[89] Quy định về việc tu lên bậc trên với nhóm mười tỳ khưu hoặc hơn

[90] Câu chuyện về vị tỳ khuru Upasena con trai của Vaṅganta

[91] Quy định về thầy tế độ

[92] Cho phép về thầy dạy học. Thỉnh cầu thầy dạy học

[93] Phận sự đối với thầy dạy học

[94] Phận sự đối với học trò

7. Tụng phẩm thứ bảy:

[95] Giảng về sự đuổi đi học trò. Năm điều kiện của người học trò

[96] Quy định về thầy dạy học

[97] Các trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy tế độ và thầy dạy học

[98] Mười sáu nhóm năm của phần "Nên ban phép tu lên bậc trên"

[99] Mười sáu nhóm sáu của phần "Nên ban phép tu lên bậc trên"

[100] Giảng về Parivāsa cho người trước đây là ngoại đạo

[01c] 8. Tụng phẩm thứ tám:

[101] Câu chuyện về năm thứ bệnh

[102] Không nên cho xuất gia binh sĩ của đức vua

[103] Không nên cho xuất gia kẻ cướp có mang biểu tượng, kẻ cướp phá ngục, kẻ cướp bị cáo thị tâm nã, kẻ bị hành phạt đánh bằng roi, kẻ bị hành phạt đóng dấu, kẻ thiếu nợ, kẻ nô tỳ

[110] Thông báo đến hội chúng về việc cạo tóc (bhaṇḍukamma)

[111] Câu chuyện về nhóm mười bảy thiếu niên: không cho tu lên bậc trên người dưới hai mươi tuổi

[113] Cho xuất gia sa di đưa trẻ có thể đuổi được quạ

[114] Một vị không nên để cho hai sa di phục vụ

[115] Cho phép vị tỳ khuru kinh nghiệm đủ năng lực sống nương nhờ năm năm

[116] Năm điều kiện. Sáu điều kiện của vị sống không nương nhờ

9. Tụng phẩm thứ chín:

[118] Việc xuất gia sa di của Rāhula. Được phép của cha mẹ cho xuất gia

[119] Cho phép vị có khả năng để cho nhiều sa di phục vụ.

[120] Mười điều học của sa di

[121] Câu chuyện về hành phạt của các sa di

[124] Mười điều trực xuất sa di

[125] Chuyện về các hạng người không được tu lên bậc trên: Kẻ vô căn. Kẻ trộm tướng mạo (tỳ khuru). Kẻ bỏ theo ngoại đạo. Loài thú. Kẻ giết mẹ. Kẻ giết cha. Kẻ giết A-la-hán. Kẻ làm nhơ tỳ khuru ni. Kẻ chia rẽ hội chúng. Kẻ làm chảy máu đức Phật. Kẻ lường căn.

[133] Các trường hợp không được làm thầy tế độ cho tu lên bậc trên.

[134] Y và bình bát của vị tu lên bậc trên

[135] Ba mươi hai trường hợp không nên cho xuất gia.

10. Tụng phẩm thứ mười:

[136] Giảng giải về sự nương nhờ

[140] Việc tu lên bậc trên của hai vị, ba vị

[141] Hai mươi tuổi tính theo thai bào

[142] Hành sự tu lên bậc trên

[143] Bốn vật nương nhờ

[144] Bốn điều không nên làm

[145] Trường hợp các vị bị án treo hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại

[146] Bài kệ tóm lược

[02] II. CHƯƠNG LỄ UPOSATHA (UPOSATHAKKHANDHAKAM):

1. Tụng phẩm thứ nhất:

[147] Đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha và các ngoại đạo

[148] Việc thuyết giảng Giáo Pháp

[149] Việc đọc tụng giới bốn. Giảng giải về phần mở đầu

[153] Câu chuyện về trưởng lão Mahākappina

[154] Việc ấn định ranh giới. Các điểm mốc của ranh giới

[155] Ranh giới quá rộng lớn. Ranh giới đến bờ bên kia của giòng sông

[157] Chỉ định nhà hành lễ Uposatha

[158] Hủy bỏ nhà hành lễ Uposatha

[159] Ấn định mặt tiền của nhà hành lễ Uposatha

[162] Câu chuyện về trưởng lão Mahākassapa. Việc xa lìa ba y.

[163] Ấn định ranh giới. Hủy bỏ ranh giới

[164] Ranh giới của ngôi làng, của thị trấn

[165] Ấn định ranh giới sai Luật.

- [166] Hai lễ Uposatha. Bốn loại hành sự Uposatha
- [167] Năm cách đọc tụng giới bốn Pātimokkha. Nghi thức tiến hành. Cho phép đọc tụng giới bốn Pātimokkha một cách tóm tắt khi có sự nguy hiểm
- [170] Thỉnh ý trước khi buộc tội
- [171] Phản đối. Bày tỏ quan điểm. Khẳng định về hành sự sai Pháp.
- [172] Liên quan đến việc đọc tụng giới bốn Pātimokkha

2. Tụng phẩm thứ nhì:

- [175] Giới bốn Pātimokkha là trách nhiệm của vị trưởng lão
- [177] Việc tính toán (ngày) của nửa tháng, đếm số tỳ khuru
- [178] Việc thông báo lễ Uposatha
- [179] Các phạm sự trước lễ Uposatha
- [181] Giảng giải về việc chuyển đạt sự trong sạch của vị bệnh
- [182] Giảng giải về việc chuyển đạt sự tùy thuận của vị bệnh
- [183] Gìn giữ sự hợp nhất của hội chúng khi hành lễ Uposatha
- [184] Câu chuyện về tỳ khuru Gagga. Sự đồng ý về bệnh điên
- [185] Sự thực hiện lễ Uposatha bởi bốn, ba, hai, một vị
- [186] Giảng giải về sự sám hối

3. Tụng phẩm thứ ba:

- [191] Mười lăm trường hợp đọc tụng giới bốn được vô tội
- [192] Mười lăm trường hợp phe nhóm lại tưởng là hợp nhất
- [193] Mười lăm trường hợp nghi ngờ
- [194] Mười lăm trường hợp có sự ngần ngại
- [195] Mười lăm trường hợp có dự tính chia rẽ
- [197] Lễ Uposatha liên quan đến các vị thường trú và vắng lai
- [199] Nơi không nên đi đến vào ngày lễ Uposatha
- [201] Không nên đọc tụng giới bốn Pātimokkha khi có tỳ khuru ni, v.v...
- [204] Bài kệ tóm lược

[03] III. CHƯƠNG VÀO MÙA MƯA (VASSŪPANĀYIKAKKHANDHAKAM):

1. Tụng phẩm thứ nhất:

- [205] Câu chuyện về nhiều vị tỳ khuru. Cho phép việc vào mùa (an cư) mưa
- [206] Hai thời điểm vào mùa (an cư) mưa. Các vấn đề liên quan

[209] Đức vua Seniya Bimbisāra yêu cầu dời ngày vào mùa (an cư) mưa

[210] Câu chuyện về nam cư sĩ Udena. Việc đi trong bảy ngày có liên quan đến bảy hạng người

[211] Việc đi trong bảy ngày có liên quan đến năm hạng người và bảy hạng người

2. Tụng phẩm thứ nhì:

[214] Các trường hợp vô tội cho việc dứt mùa (an cư) mưa

[217] Việc vào mùa (an cư) mưa ở khu rào gia súc, trong xe tải, trong chiếc thuyền

[218] Các chỗ không được vào mùa (an cư) mưa

[220] Câu chuyện về người cháu trai của bà Visākhā mẹ của Migāra

[221] Câu chuyện về đại đức Upananda con trai dòng Sākya. Giảng giải về mùa (an cư) mưa thời điểm trước

[222] Giảng giải về mùa (an cư) mưa thời điểm sau

[223] Bài kệ tóm lược

[04] IV. CHƯƠNG LỄ PAVĀRAṆĀ (PAVĀRAṆĀKKHANDHAKAṀ):

1. Tụng phẩm thứ nhất:

[224] Câu chuyện về nhiều vị tỳ khưu ở xứ Kosala

[226] Cho phép tiến hành lễ Pavāraṇā. Cách thức tiến hành lễ Pavāraṇā

[227] Giảng giải về cách thức tiến hành lễ Pavāraṇā

[228] Hai lễ Pavāraṇā. Bốn loại hành sự Pavāraṇā

[229] Giảng giải về việc chuyển đạt lời thỉnh cầu của vị bệnh

[230] Gìn giữ sự hợp nhất của hội chúng khi hành lễ Pavāraṇā

[231] Sự thực hiện lễ Pavāraṇā bởi năm, bốn, ba, hai, một vị

[232] Giảng giải về sự sám hối vào ngày lễ Pavāraṇā

2. Tụng phẩm thứ nhì:

[233] Mười lăm trường hợp được vô tội

[234] Mười lăm trường hợp phe nhóm lại tưởng là hợp nhất

[235] Mười lăm trường hợp nghi ngờ

[236] Mười lăm trường hợp có sự ngần ngại

[237] Mười lăm trường hợp có dự tính chia rẽ

[238] Lễ Pavāraṇā liên quan đến các vị thường trú và vắng lai

[241] Nơi không nên đi đến vào ngày lễ Pavāraṇā

[243] Không nên thỉnh cầu khi có tỳ khuru ni, cô ni tu tập sự, v.v...

3. Tụng phẩm thứ ba:

[244] Các trường hợp tiến hành lễ Pavāraṇā khi có sự bận rộn và nguy hiểm

[245] Đình chỉ lễ Pavāraṇā

[246] Lễ Pavāraṇā đã không bị đình chỉ, đã bị đình chỉ

[247] Giảng giải về sự đình chỉ lễ Pavāraṇā của vị tỳ khuru

[248] Các trường hợp sám hối tội trong ngày lễ Pavāraṇā

[250] Câu chuyện về các vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, v.v...

[251] Sự đồng thuận về lễ Pavāraṇā (Pavāraṇāsaṅgaha)

[252] Bài kệ tóm lược

[05]

MAHĀVAGGA II (ĐẠI PHẨM 2)

V. CHƯƠNG DA THỨ (CAMMAKKHANDHAKAM):

[1] Câu chuyện về thanh niên Soṇa Koḷivisa, câu chuyện về trưởng lão Sāgata

[2] Thanh niên Soṇa Koḷivisa xin xuất gia, ví dụ về dây đàn

[3] Trưởng lão Soṇa Koḷivisa công bố sự chứng ngộ

[5] Quy định về dép

[8] Việc mang dép trong tu viện

[10] Quy định về guốc gỗ, giày

[14] Di chuyển bằng xe bò kéo

[15] Chỗ nằm cao và rộng lớn

[16] Giảng về da thú

[17] Câu chuyện về vị tỳ khuru xấu xa

[20] Câu chuyện về trưởng lão Soṇa Kuṭikaṇṇa

[21] Năm điều yêu cầu của ngài Mahākaccāna

[23] Đức Thế Tôn ban năm đặc ân cho các xứ thuộc vùng biên địa

[24] Bài kệ tóm lược

[06] VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM (BHESAJJAKKHANDHAKAM):

1. Tụng phẩm thứ nhất:

[25] Giảng về năm loại dược phẩm

[27] Giảng về các loại dược phẩm: mỡ thú, rễ cây, nước sắc, lá cây, v.v...

[34] Câu chuyện về trưởng lão Velatṭhasīsa

[36] Bệnh liên quan đến phi nhân, bệnh ở mắt, thuốc bôi ở mắt, v.v...

[38] Các loại bệnh của trưởng lão Pilindavaccha: bệnh nóng đầu, bệnh gió, bệnh phong thấp, bệnh thấp khớp, bệnh chân nứt nẻ

[42] Một số bệnh và cách chữa trị: bệnh mụn nhọt, bị rắn cắn, bị độc dược, bị yểm bùa, bệnh trĩ, bệnh vàng da, v.v...

[45] Câu chuyện về trưởng lão Pilindavaccha và vua Seniya Bimbisāra: Sự cho phép về người giúp việc tu viện. Thị hiện thần thông. Thời hạn bảy ngày cho năm loại được phẩm

2. Tụng phẩm thứ nhì:

[48] Câu chuyện về trưởng lão Kaṅkhārevata

[49] Bệnh đau bụng bão của đức Thế Tôn. Cấm tỳ khuru chuẩn bị và nấu thức ăn. Cho phép hâm thức ăn

[51] Một số quy định vào thời kỳ có khó khăn về vật thực.

[55] Câu chuyện về trưởng lão Sāriputta: bệnh sốt toàn thân

[57] Cấm mổ xẻ ở chỗ kín

[58] Câu chuyện về nữ cư sĩ Suppiyā.

[59] Chuyện liên quan đến thịt người, thịt voi, ngựa, chó, v.v...

3. Tụng phẩm thứ ba:

[61] Câu chuyện về người bà-la-môn. Mười lợi ích của cháo

[62] Kệ tùy hỷ về sự bố thí cháo

[64] Câu chuyện về vị quan đại thần mới có đức tin: chuyện cháo đặc

[65] Câu chuyện về Velatṭha Kaccāna: Sự bố thí đường

[67] Câu chuyện ở Pāṭaligāma. Năm lợi ích của việc giữ giới

[71] Câu chuyện về Sunīdha và Vassakāra

[75] Ở Koṭigāma. Giảng về Tứ Diệu Đế

[77] Câu chuyện về kỹ nữ Ambapālī. Câu chuyện về các vương tử dòng Licchavi. Sự cúng dường vườn xoài

4. Tụng phẩm thứ tư:

[78] Câu chuyện về tướng quân Sīha. Cá và thịt: ba điều thanh tịnh

[81] Hủy bỏ các sự cho phép trong thời kỳ có khó khăn về vật thực

- [82] Chỉ định khu vực cho phép (kappiyabhūmi)
- [83] Câu chuyện về gia chủ Meṇḍaka: Năng lực thần thông
- [85] Cho phép sự tiên liệu về hành trình đường xa
- [86] Câu chuyện về đạo sĩ bện tóc Keṇiya. Cho phép tám loại thức uống.
- [87] Bài kệ về sự cúng dường
- [88] Câu chuyện về Roja dòng Malla
- [89] Câu chuyện về vị xuất gia lúc tuổi già nguyên là thợ cạo
- [91] Phân chia sự thâu hoạch về trồng trọt
- [92] Bốn pháp dung hòa
- [93] Sử dụng các loại vật thực
- [94] Bài kệ tóm lược

[07] VII. CHUỖNG KATHINA (KATHINAKKHANDHAKAM):

1. Tụng phẩm thứ nhất:

- [95] Câu chuyện về ba mươi vị tỳ khưu xứ Pāvā
- [96] Sự cho phép Kathina. Năm điều cho phép
- [97] Hai mươi bốn điều Kathina không thành tựu
- [98] Mười lăm điều Kathina được thành tựu
- [99] Tám điều hết hiệu lực của Kathina
- [100] Giảng giải về sự hết hiệu lực của Kathina

2. Tụng phẩm thứ nhì:

- [113] Tiếp tục giảng giải về sự hết hiệu lực của Kathina
- [122] Giảng giải về sự hết hiệu lực của Kathina bằng các câu chuyện
- [126] Hai điều vương bận và không vương bận của Kathina

[08] VIII. CHUỖNG Y PHỤC (CĪVARAKKHANDHAKAM):

1. Tụng phẩm thứ nhất:

- [128] Câu chuyện về thầy thuốc Jīvaka Komārabhacca
- [130] Chữa bệnh cho người vợ nhà đại phú
- [131] Chữa bệnh cho vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha
- [132] Chữa bệnh cho nhà đại phú ở thành Rājagaha
- [133] Chữa bệnh cho con trai nhà đại phú ở Bārāṇasī
- [134] Chữa bệnh cho vua Pajjota xứ Ujjenī

[135] Chữa bệnh cho đức Thế Tôn

[136] Việc cho phép nhận y của gia chủ

2. Tụng phẩm thứ nhì:

[138] Cho phép về tắm mền len. Cho phép sáu loại y

[140] Chuyện các vị tỳ khưu đi vào bãi tha ma để kiếm vải dơ bị quăng bỏ

[141] Chỉ định vị tiếp nhận y (cīvarapaṭiggāhaka)

[142] Chỉ định vị cắt giữ y (cīvaranidāhaka)

[143] Chỉ định nhà kho chứa đồ (bhaṇḍāgāraṃ)

[144] Chỉ định vị quản lý nhà kho (bhaṇḍāgārika)

[146] Chỉ định vị chia y (cīvarabhājaka)

[147] Giảng giải về việc nhuộm y

[149] Nhân duyên của việc y được cắt thành nhiều mảnh

[150] Sự cho phép ba y

[151] Quy định về y phụ trội

[153] Câu chuyện bà Visākhā mẹ của Migāra xin dâng tám vật trọn đời

3. Tụng phẩm thứ ba:

[156] Sự cho phép tọa cụ (nisīdanam), ngọa cụ (paccattharanam)

[157] Sự cho phép y đắp ghê (kaṇḍupaṭicchādī)

[158] Sự cho phép khăn lau mặt (mukhapuñchanacolakaṃ).

[159] Sự cho phép lấy do sự thân thiết

[160] Giảng giải về sự chú nguyện các loại y. Giảng giải về sự cắt y

[163] Đi vào làng với ba y

[164] Giảng giải về y phát sanh thuộc về hội chúng

[165] Câu chuyện về trưởng lão Upananda con trai dòng Sākya

[166] Giảng giải về việc phục vụ người bệnh. Giảng giải về sự thừa kế

[168] Giảng giải về xu hướng sai trái trong vấn đề phục sức

[170] Giảng giải về việc chia phần y phát sanh sau mùa (an cư) mưa

[171] Giảng giải về việc lấy y đúng đắn, về việc lấy y sai trái

[172] Tám tiêu đề về việc phát sanh y

[173] Bài kệ tóm lược

[09] IX. CHƯƠNG CAMPĀ (CAMPEYYAKKHANDHAKAṀ):

1. Tụng phẩm thứ nhất:

- [174] Câu chuyện về vị tỳ khuru Kassapagotta ở làng Vāsabha
- [175] Hành sự của các tỳ khuru ở Campā. Bốn loại hành sự
- [178] Hành sự của các tỳ khuru nhóm Lục Sư. Sáu loại hành sự
- [180] Giảng giải về sáu loại hành sự
- [187] Năm loại hội chúng: bốn vị, năm vị, mười vị v.v...
- [188] Hành sự liên quan đến năm loại hội chúng
- [193] Giảng giải về các trường hợp: Phản đối, Mời ra, Phục hồi

2. Tụng phẩm thứ nhì:

- [196] Giảng giải về các hành sự sai Pháp, đúng Pháp
- [199] Những câu hỏi của ngài Upāli về hành sự đúng Pháp đúng Luật và hành sự sai Pháp sai Luật
- [203] Giảng giải về các hành sự

3. Tụng phẩm thứ ba:

- [204] Hành sự khiển trách
- [209] Hành sự chỉ dạy.
- [210] Hành sự xua đuổi
- [211] Hành sự hòa giải.
- [212] Hành sự án treo
- [213] Thu hồi các hành sự: Khiển trách, Chỉ dạy, Xua đuổi, v.v...
- [218] Tranh cãi về hành sự khiển trách
- [223] Tranh cãi về hành sự chỉ dạy. Tranh cãi về hành sự xua đuổi, v.v...
- [227] Tranh cãi về sự thu hồi hành sự khiển trách
- [232] Tranh cãi về sự thu hồi các hành sự: Chỉ dạy, Xua đuổi, v.v...
- [237] Bài kệ tóm lược

[10] X. CHUỖNG KOSAMBĪ (KOSAMBIKKHANDHAKAM):

1. Tụng phẩm thứ nhất:

- [238] Câu chuyện về vị tỳ khuru bị treo tội, khởi đầu về sự tranh cãi của các tỳ khuru ở Kosambī
- [239] Không nên ban án treo nếu có quan tâm về sự chia rẽ
- [240] Hai nền tảng của việc không đồng cộng trú và đồng cộng trú

[242] Sự tranh cãi đưa đến ấu đả

[243] Câu chuyện về hoàng tử Dīghāvu

[244] Bài học của đức vua Dīghīti dạy hoàng tử Dīghāvu

2. Tụng phẩm thứ nhì:

[247] Các lời kệ của đức Thế Tôn trước khi ra đi

[248] Việc đi đến làng Bālakaṇṇakāraka và khu vườn cây Pācīnavamsa.

[249] Đức Thế Tôn và con long tượng ở Pārileyyaka

[251] Phản ứng của các cư sĩ ở Kosambī

[252] Sự nhận biết người nói sai Pháp hoặc đúng Pháp do mười tám sự việc

[253] Sự quan tâm của các tỳ khuru trưởng lão ở thành Sāvatthi

[257] Các vị tỳ khuru ở Kosambī đi đến thành Sāvatthi để gặp đức Thế Tôn

[258] Sự phục hồi vị tỳ khuru bị án treo. Sự hợp nhất hội chúng

[259] Các câu hỏi của ngài Upāli về sự hợp nhất hội chúng

[260] Bài kệ của ngài Upāli

[261] Bài kệ tóm lược

Cullavagga (Tiểu Phẩm): gồm 12 chương đề cập đến việc hành xử các tỳ khuru phạm tội, giải quyết các sự tranh tụng, việc chia rẽ hội chúng, và các vấn đề khác liên quan đến đời sống xuất gia. Đặc biệt chương 10 đề cập việc xuất gia của tỳ khuru ni và hai chương cuối 11 và 12 nói về hai lần kết tập Tam Tạng đầu tiên ở Ấn Độ.

Mục lục tổng quát

CULLAVAGGA I (TIỂU PHẨM 1)

I. CHƯƠNG HÀNH SỰ (KAMMAKKHANDHAKAṀ):

1. Hành sự khiển trách (Tajjanīyakamma):

[1] Câu chuyện về các tỳ khuru nhóm Paṇḍuka và Lohitaka

[3] Thực thi hành sự khiển trách

[4] Hành sự khiển trách không đúng Pháp, không đúng Luật

[16] Hành sự khiển trách đúng Pháp, đúng Luật

[28] Thực thi hành sự khiển trách nếu muốn

[34] Mười tám phạm sự của vị tỳ khuru thực thi hành sự khiển trách

[36] Hành sự khiển trách không nên thu hồi

[39] Hành sự khiển trách nên được thu hồi

[42] Thu hồi hành sự khiển trách

2. Hành sự chỉ dạy (Niyassakammam):

[43] Câu chuyện về tỳ khuru Seyyasaka

[44] Thực thi hành sự chỉ dạy

[45] Hành sự chỉ dạy không đúng Pháp, không đúng Luật

[57] Hành sự chỉ dạy đúng Pháp, đúng Luật

[69] Thực thi hành sự chỉ dạy nếu muốn

[75] Mười tám phạm sự của vị tỳ khuru thực thi hành sự chỉ dạy

[77] Hành sự chỉ dạy không nên thu hồi

[80] Hành sự chỉ dạy nên được thu hồi

[83] Thu hồi hành sự chỉ dạy

3. Hành sự xua đuổi (Pabbājanīyakammam):

[84] Câu chuyện về các tỳ khuru Assaji và Punabbasuka

[87] Thực thi hành sự xua đuổi

[89] Hành sự xua đuổi không đúng Pháp, không đúng Luật

[93] Hành sự xua đuổi đúng Pháp, đúng Luật

[105] Thực thi hành sự xua đuổi nếu muốn

[119] Mười tám phạm sự của vị tỳ khuru thực thi hành sự xua đuổi

[122] Hành sự xua đuổi không nên thu hồi

[125] Hành sự xua đuổi nên được thu hồi

[128] Thu hồi hành sự xua đuổi

[01b] 4. Hành sự hòa giải (Paṭisāraṇīyakammam):

[129] Câu chuyện về tỳ khuru Sudhamma

[134] Thực thi hành sự hòa giải

[135] Hành sự hòa giải không đúng Pháp, không đúng Luật

[147] Hành sự hòa giải đúng Pháp, đúng Luật

[159] Thực thi hành sự hòa giải nếu muốn

[163] Mười tám phạm sự của vị tỳ khuru thực thi hành sự hòa giải

[164] Cách thức yêu cầu thứ lỗi của vị tỳ khuru Sudhamma

[167] Hành sự hòa giải không nên thu hồi

[170] Hành sự hòa giải nên được thu hồi

[173] Thu hồi hành sự hòa giải

5. Hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội

(Āpattiya adassane ukkhepanīyakammaṃ):

[174] Câu chuyện về tỳ khuru Channa

[175] Thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội

[176] Hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không đúng Pháp, không đúng Luật

[188] Hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đúng Pháp, đúng Luật

[200] Thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nếu muốn

[206] Bốn mươi ba phạm sự của vị tỳ khuru thực thi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội

[208] Hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi

[216] Hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi

[224] Thu hồi hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội

6. Hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi

(Āpattiya appaṭikamme ukkhepanīyakammaṃ):

[225] Câu chuyện về tỳ khuru Channa

[226] Thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi

[227] Hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi không đúng Pháp, không đúng Luật

[239] Hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi tội đúng Pháp, đúng Luật

[251] Thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi nếu muốn

[257] Bốn mươi ba phạm sự của vị tỳ khuru thực thi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi

[259] Hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi không nên thu hồi

[267] Hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi

[275] Thu hồi hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi

7. Hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác

(Pāpikāya diṭṭhiya appaṭinissagge ukkhepanīyakammaṃ):

[276] Câu chuyện về tỳ khuru Ariṭṭha

[277] Giảng về sự tai hại của dục tình

- [278] Thực thi hành sự án treo trong việc không chịu từ bỏ tà kiến ác
- [279] Hành sự án treo trong việc không chịu từ bỏ tà kiến ác không đúng Pháp, không đúng Luật
- [291] Hành sự án treo trong việc không chịu từ bỏ tà kiến ác đúng Pháp, đúng Luật
- [303] Thực thi hành sự án treo trong việc không chịu từ bỏ tà kiến ác nếu muốn
- [309] Mười tám phạm sự của vị tỷ khưu thực thi hành sự án treo trong việc không chịu từ bỏ tà kiến ác
- [312] Hành sự án treo trong việc không chịu từ bỏ tà kiến ác không nên thu hồi
- [315] Hành sự án treo trong việc không chịu từ bỏ tà kiến ác nên được thu hồi
- [318] Thu hồi hành sự án treo trong việc không chịu từ bỏ tà kiến ác
- [319] Bài kệ tóm lược

[02] II. CHƯƠNG PARIVĀSA (PARIVĀSAKKHANDHAKAM):

1. Phạm sự của vị thực hành parivāsa (Parivāsikavattam):

- [320] Câu chuyện về vị thực hành parivāsa
- [322] Chín mươi bốn phạm sự của vị thực hành parivāsa
- [331] Ba sự dứt đêm của vị thực hành parivāsa
- [332] Sự ngưng hành phạt parivāsa, sự ngưng phạm sự
- [333] Sự thọ trì lại hành phạt parivāsa, sự thọ trì lại phạm sự

2. Phạm sự của vị xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu

(Mūlāya paṭikassanārahavattam):

- [334] Câu chuyện về các vị xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu
- [336] Phạm sự của vị xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu

3. Phạm sự của vị xứng đáng hành phạt mānatta (Mānattārahavattam):

- [344] Câu chuyện về các vị xứng đáng hành phạt mānatta
- [345] Phạm sự của vị xứng đáng hành phạt mānatta

4. Phạm sự của vị thực hành mānatta (Mānattacārikavattam):

- [354] Câu chuyện về các vị thực hành mānatta
- [356] Phạm sự của vị thực hành mānatta
- [365] Bốn sự dứt đêm của vị thực hành mānatta
- [366] Sự ngưng hành phạt mānatta, sự ngưng phạm sự
- [367] Sự thọ trì lại hành phạt mānatta, sự thọ trì lại phạm sự

5. Phận sự của vị xứng đáng sự giải tội (Abbhānārahavattam):

[368] Câu chuyện về vị tỳ khru xứng đáng sự giải tội

[370] Phận sự của vị xứng đáng sự giải tội

[376] Bài kệ tóm lược

[03a] III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI (SAMUCCAYAKKHANDHAKAM):

[377] Câu chuyện về tỳ khru Udāyi

[378] Việc cầu xin hành phạt mānatta của tội không có che giấu

[379] Việc ban cho hành phạt mānatta của tội không có che giấu

[381] Cầu xin sự giải tội

[382] Tuyên ngôn giải tội

[384] Hành phạt parivāsa của tội che dấu một ngày

[387] Hành phạt mānatta của tội che dấu một ngày

[389] Việc giải tội

[393] Hành phạt parivāsa của tội che dấu năm ngày

[395] Sự phạm thêm một tội không có che giấu

[396] Việc cầu xin sự (thực hành) trở lại từ đầu của tội không có che dấu

[397] Việc ban cho sự (thực hành) trở lại từ đầu của tội không có che dấu

[398] Lại phạm thêm một tội không có che giấu

[402] Việc ban cho hành phạt mānatta của ba tội

[404] Lại phạm thêm một tội không có che giấu

[409] Hoàn thành hành phạt mānatta, lại phạm thêm tội thứ năm

[414] Ban cho sự giải tội

[416] Việc cầu xin hành phạt parivāsa nửa tháng

[417] Việc ban cho hành phạt parivāsa nửa tháng

[421] Việc ban cho hành phạt parivāsa kết hợp (samodhānaparivāsa), v.v...

[03b] [440] Câu chuyện về vị tỳ khru phạm nhiều tội

[444] Việc ban cho hành phạt parivāsa kết hợp với giá trị (agghena samodhānaparivāsa) của tội che giấu dài ngày nhất

[446] Câu chuyện về vị tỳ khru phạm hai tội che giấu hai tháng chỉ xin hành phạt cho một tội

[447] Việc cầu xin hành phạt parivāsa hai tháng cho tội còn lại

- [449] Giảng về các trường hợp thực hành parivāsa hai tháng
- [456] Giảng về trường hợp phạm tội che giấu hai tháng mà chỉ cầu xin hành phạt parivāsa một tháng
- [466] Câu chuyện về vị tỳ khuru phạm nhiều tội
- [467] Việc ban cho hành phạt parivāsa hoàn toàn trong sạch (suddhantaparivāsa)
- [471] Câu chuyện về vị tỳ khuru hoàn tục, v.v... Hành phạt parivāsa không có hiệu quả
- [480] Sự (thực hành) trở lại từ đầu, v.v... không có tác dụng đối với vị hoàn tục, v.v...
- [489] Giảng về hành phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây
- [508] Giảng về trường hợp vị phạm tội, hoàn tục, v.v... rồi lại tu lên bậc trên
- [529] Giảng về trường hợp vị đang thực hành parivāsa, hoàn tục, v.v... rồi lại tu lên bậc trên
- [555] Giảng về trường hợp hai vị phạm tội
- [566] Không được trong sạch với các tội
- [575] Được trong sạch với các tội
- [584] Bài kệ tóm lược
- [04] IV. CHƯƠNG DÀN XẾP (SAMATHAKKHANDHAKAM):
1. Hành xử Luật với sự hiện diện (Sammukhāvinayo):
- [585] Câu chuyện về các tỳ khuru nhóm Lục Sư
- [586] Trường hợp không đúng Pháp
- [588] Trường hợp đúng Pháp
2. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ (Sativinayo):
- [589] Câu chuyện về ngài Dabba Mallaputta
- [592] Chỉ định vị phân bố sàng tọa và sắp xếp các bữa ăn
- [594] Câu chuyện về các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka
- [595] Câu chuyện gia chủ là người có bữa ăn ngon, chuyện tỳ khuru ni Mettiyā
- [597] Việc ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ
- [599] Năm sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ
3. Hành xử Luật khi không diện cuồng (Amūḷhavinayo):
- [600] Câu chuyện về tỳ khuru Gagga
- [601] Việc ban cho cách hành xử Luật khi không diện cuồng
- [602] Việc ban cho không đúng Pháp của cách hành xử Luật khi không diện cuồng

[605] Việc ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng

4. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận (Paṭiññātakaraṇaṃ):

[608] Câu chuyện về các tỳ khuru nhóm Lục Sư

[609] Sự phán xử theo tội đã được thừa nhận không đúng Pháp

[610] Sự phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng Pháp

5. Thuận theo số đông (Yebhuyyasikā):

[611] Chỉ định vị phân phát thẻ

[612] Sự phân phát thẻ không đúng Pháp

[613] Sự phân phát thẻ đúng Pháp

6. Theo tội của vị ấy (Tassapāpiyasikā):

[614] Câu chuyện về tỳ khuru Upavāḷa

[615] Năm sự thực thi đúng Pháp của hành sự theo tội của vị ấy

[616] Hành sự theo tội của vị ấy không đúng Pháp, không đúng Luật

[617] Hành sự theo tội của vị ấy đúng Pháp, đúng Luật

[618] Thực thi hành sự theo tội của vị ấy nếu muốn

[624] Phận sự của vị tỳ khuru thực thi hành sự theo tội của vị ấy

7. Cách dùng cỏ che lấp (Tiṇavatthārakaṃ):

[626] Giải quyết bằng cách dùng cỏ che lấp

[627] Sự sám hối (desanā) theo cách dùng cỏ che lấp

8. Sự tranh tụng:

[632] Câu chuyện về tỳ khuru Channa. Bốn loại tranh tụng

[633] Giảng về bốn loại tranh tụng

[637] Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi

[641] Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách

[648] Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tội

[649] Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ

[650] Sự tranh tụng có thể là tốt, có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu

[664] Giảng về sự liên quan

9. Chỉ định cách dàn xếp sự tranh tụng:

[672] Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được lắng dịu bởi hai cách dàn xếp

[675] Chỉ định vị tỳ khuru hội đủ mười điều kiện làm đại biểu

- [681] Ba cách phân phát thẻ
- [682] Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp
- [683] Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ
- [685] Hành xử Luật khi không điên cuồng
- [687] Hành xử theo tội của vị ấy
- [689] Sự tranh tụng liên quan đến tội được lắng dịu bởi ba cách dàn xếp
- [691] Hành xử bằng cách dùng cỏ che lấp
- [694] Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được lắng dịu bởi một cách dàn xếp
- [05]

CULLAVAGGA II (TIỂU PHẨM 2)

V. CHƯƠNG CÁC TIỂU SỰ (KHUDDAKAVATTHUKKHANDHAKAM):

1. Tụng phẩm thứ nhất và thứ nhì:

- [1] Câu chuyện về các tỳ khru nhóm Lục Sư: Trong khi tắm.
- [12] Đeo hoa tai. Đeo râu chuỗi
- [13] Việc để tóc dài. Việc chải tóc. v.v...
- [15] Việc nhìn nét mặt ở gương soi, v.v... Việc thoa dầu khuôn mặt, v.v...
- [19] Việc xem lễ hội. Việc ngâm nga Pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài-
- [21] Thuyết giảng với giọng có âm điệu. Áo choàng có phủ lông ở phía ngoài
- [23] Việc thọ dụng xoài. v.v... Năm cách làm cho (trái cây) đúng phép sa-môn.
- [26] Chuyện tỳ khru bị rắn cắn. Kinh Rắn Chứa
- [28] Việc cắt bỏ dương vật
- [29] Bình bát bằng gỗ đàn hương. Chuyện sáu vị giáo chủ
- [31] Câu chuyện trưởng lão Piṇḍolabhāradvāja
- [34] Giảng về bình bát. Vòng để bình bát. Bảo quản và sử dụng bình bát
- [55] Việc sử dụng cán dao. Việc may y. Giảng về tắm y mẫu
- [70] Cho phép túi đựng thuốc, dây mang vai, túi mang dép
- [72] Việc lược nước. Đồ lược nước hai lớp. Lều chống muỗi
- [78] Chuyện Jīvaka Komārabhacca. Giảng về đường kinh hành và nhà tắm hơi
- [90] Giảng về người không nên được đánh lễ
- [91] Trong nhà tắm hơi
- [94] Giếng nước. Hồ nước tắm. Hồ trữ nước

- [103] Việc lìa xa tọa cụ. Ngủ ở giường có rãi hoa
- [106] Thảm len. Gối kê được rắc dầu thơm. Giá đỡ bình bát
- [109] Việc sinh hoạt chung chạ như ăn, uống, ngủ, v.v...
- [110] Câu chuyện Vaḍḍha Licchavī liên quan đến ngài Dabba Mallaputta
- [112] Việc úp ngược bình bát
- [116] Việc mở lại bình bát
- [120] Câu chuyện vương tử Bodhi. Việc trải tấm thảm bằng vải
- 2. Tụng phẩm thứ ba:
- [126] Câu chuyện bà Visākhā mẹ của Migāra
- [131] Chuyện liên quan đến ô dù
- [135] Câu chuyện vị tỳ khưu mang cây gậy và sợi dây
- [136] Đồng ý về (việc sử dụng) gậy. Đồng ý về (việc sử dụng) dây
- [144] Câu chuyện vị tỳ khưu có tật nhai lại. Nhặt thức ăn bị rơi vãi
- [146] Câu chuyện vị tỳ khưu có móng dài. Việc liên quan đến móng (tay chân)
- [149] Việc liên quan đến râu tóc
- [157] Việc lấy ráy tai
- [159] Việc tích trữ đồ vật làm bằng đồng
- [160] Thuốc cao. Ngồi ôm đầu gối. Vải băng bó
- [163] Việc không buộc dây thắt lưng. Các dây thắt lưng. Khóa thắt lưng
- [166] Hột nút, cái nơ buộc
- [169] Sử dụng y phục của kẻ tại gia. Túi quàng ở hai vai
- [172] Việc nhai gỗ chà răng. Điều lợi ích
- [176] Việc đốt đám lửa lớn. Việc tạo nên ngọn lửa nghịch chiều để ngăn lửa
- [178] Việc trèo lên cây
- [180] Việc chuyển đổi lời dạy của đức Phật sang dạng có niêm luật
- [181] Việc giải đoán điềm lành dữ . Kiến thức nhằm nhí. Việc hắt hơi
- [187] Việc ăn tỏi
- [189] Liên quan đến nhà vệ sinh
- [195] Hành động xấu xa của các tỳ khưu nhóm Lục Sư
- [196] Quy định về đồ vật bằng kim loại, bằng gỗ, và bằng gốm sứ
- [197] Bài kệ tóm lược

[06] VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA (SENĀSANAKKHANDHAKAM):

1. Tụng phẩm thứ nhất:

- [198] Ở thành Rājagaha. Câu chuyện nhà đại phú
- [201] Sự dâng cúng trú xá (vihāra). Bài kệ về sự dâng cúng trú xá
- [205] Chuyện liên quan đến trú xá: Cánh cửa, Khóa, Mái lợp, Cửa sổ
- [208] Cho phép giường nằm. Các loại giường ghé
- [218] Liên quan đến gối, nệm, v.v...
- [222] Trang hoàng trú xá: Việc sơn màu trắng, đỏ, đen, v.v... Hình ảnh gọi cảm
- [227] Việc kiến thiết trú xá: Nền, Lan can để vịn, Màn che, Ba loại phòng, v.v...
- [235] Việc xây dựng: Hội trường, Nhà nước uống, Mái che chỗ nước uống, v.v...
- [237] Hàng rào của trú xá. Cổng rào của trú xá
- [239] Nhà để đốt lửa. Hàng rào của tu viện. Cổng của tu viện. Năm loại mái che

2. Tụng phẩm thứ nhì:

- [241] Câu chuyện gia chủ Anāthapiṇḍika: Nghe danh đức Phật
- [246] Câu chuyện dạ xoa Sīvaka. Bài kệ của dạ xoa Sīvaka
- [250] Thuyết Pháp theo thứ lớp. Pháp nhân của Anāthapiṇḍika
- [255] Thịnh đức Phật an cư (mùa mưa) ở Sāvatti. Việc xây dựng Jetavana
- [258] Việc xây dựng công trình mới
- [260] Chuyện giành chỗ trú xá
- [261] Chỗ ngồi tốt nhất. Nước uống tốt nhất. Vật thực tốt nhất
- [262] Câu chuyện chim đa đa, khỉ, và voi
- [263] Bài kệ về sự kính trọng
- [264] Mười hạng không nên được đánh lễ. Ba hạng nên được đánh lễ
- [267] Các chỗ ngồi cao và rộng đã được sắp xếp bởi gia chủ
- [269] Dâng cúng Jetavana. Bài kệ về sự dâng cúng trú xá
- [272] Sự bảo đứng dậy khi chưa ăn xong. Sự xâm chiếm chỗ nằm ngồi
- [276] Câu chuyện về các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư. Việc lôi ra khỏi trú xá
- [277] Chỉ định vị phân phối sàng tọa. Cách thức phân phối sàng tọa

3. Tụng phẩm thứ ba:

- [283] Câu chuyện về tỳ khưu Upananda chiếm giữ hai chỗ trú ngụ
- [284] Sự ngợi khen về Luật. Giảng về việc ngồi, ghé ngồi

- [291] Xử lý các vật dụng không được phép dùng
- [292] Sự phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng, năm vật không thể phân tán
- [293] Câu chuyện về các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka, năm vật không thể phân chia
- [295] Câu chuyện về các tỳ khuru ở Ālavī. Giảng về việc cho phép công trình mới
- [309] Sử dụng đồ đạc của nơi này ở nơi khác. Việc di chuyển vật dụng
- [312] Việc trao đổi vật dụng
- [314] Vật chùi chân. Việc bước lên chỗ nằm ngồi với chân chưa rửa
- [320] Cho phép ống nhổ. Bảo quản nền tường
- [325] Các loại bữa ăn dâng đến hội chúng
- [326] Chỉ định vị sắp xếp bữa ăn. Cách thức sắp xếp bữa ăn
- [329] Chỉ định vị phân bố sàng tọa. Chỉ định vị giữ kho đồ đạc, v.v...
- [331] Chỉ định vị phân chia vật linh tinh. Cách thức phân chia vật linh tinh
- [334] Chỉ định các công việc khác. Chỉ định vị quản trị các sa di
- [336] Bài kệ tóm lược

[07] VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG

(SAṄGHABHEDAKKHANDHAKAM):

1. Tụng phẩm thứ nhất:

- [337] Câu chuyện Mahānāma và Anuruddha dòng Sākya, công việc gia đình
- [340] Câu chuyện Anuruddha dòng Sākya và đức vua Bhaddiya dòng Sākya
- [341] Câu chuyện bảy vị xuất gia
- [344] Câu chuyện bốn vị dòng Sākya. Câu chuyện về tỳ khuru Bhaddiya
- [347] Bài kệ cảm hứng
- [349] Câu chuyện Devadatta và hoàng tử Ajātasattu
- [350] Câu chuyện thiên tử Kakudha và ngài Mahāmoggallāna
- [352] Giảng về năm hạng đạo sư
- [359] Devadatta được lợi lộc. Ví dụ về cây chuối, cây tre, cây sậy, con lừa cái

2. Tụng phẩm thứ nhì:

- [361] Devadatta xin cai quản hội chúng tỳ khuru
- [362] Hành sự công bố về Devadatta
- [366] Câu chuyện hoàng tử Ajātasattu. Sự ra sức giết chết cha

[368] Việc sai người giết bậc Đạo Sư của Devadatta. Sự hóa độ những người ấy

[372] Việc làm Như Lai chảy máu của Devadatta. Giảng về năm hạng đạo sư

[377] Việc thả voi Nālāgiri của Devadatta. Voi Nālāgiri được thuần phục

[382] Devadatta mất lợi lộc. Devadatta yêu cầu năm sự việc

[387] Devadatta tuyên bố sẽ hành lễ Uposatha (Bố Tát) riêng

[388] Bài kệ cảm hứng

3. Tụng phẩm thứ ba:

[389] Tiến hành chia rẽ hội chúng

[391] Sāriputta và Moggallāna thu phục năm trăm tỳ khuru từ Devadatta

[394] Sự ứa ra máu nóng từ miệng của Devadatta

[396] Câu chuyện về các con long tượng

[398] Tám điều kiện để làm vị sứ giả

[401] Nghiệp quả của tám điều phi Pháp và ba điều phi Pháp của Devadatta

[404] Câu hỏi của trưởng lão Upāli: Sự bất đồng trong hội chúng. Sự chia rẽ hội chúng.

Chỉ có tỳ khuru mới chia rẽ hội chúng

[405] Thế nào gọi là hội chúng bị chia rẽ?

[406] Thế nào gọi là hội chúng được hợp nhất?

[407] Nghiệp quả của kẻ chia rẽ hội chúng và của vị làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ

[411] Thế nào là kẻ chia rẽ hội chúng phải gánh chịu sự bất hạnh?

[412] Thế nào là kẻ chia rẽ hội chúng không phải gánh chịu sự bất hạnh?

[413] Bài kệ tóm lược

[08] VIII. CHƯƠNG PHẬN SỰ (VATTAKKHANDHAKAM):

1. Phận sự của tỳ khuru vắng lai (Āgantuka):

[414] Câu chuyện về các tỳ khuru vắng lai

[415] Phận sự của vị vắng lai

2. Phận sự của tỳ khuru thường trú (Āvāsika):

[416] Câu chuyện về các tỳ khuru thường trú

[417] Phận sự của vị thường trú

3. Phận sự của vị xuất hành (Gamika):

[418] Câu chuyện về các tỳ khuru xuất hành

[419] Phận sự của vị xuất hành

4. Phận sự tùy hỷ:

[420] Cho phép sự tùy hỷ ở chỗ thọ thực

[421] Các câu chuyện xảy ra ở chỗ thọ thực

5. Phận sự ở chỗ thọ thực:

[424] Câu chuyện về các tỳ khuru nhóm Lục Sư

[425] Phận sự khi đi đến chỗ thọ thực, lúc thọ thực, và khi đi về lại tu viện

6. Phận sự của vị đi khát thực:

[426] Câu chuyện về vị tỳ khuru đi khát thực

[427] Phận sự của vị đi khát thực

7. Phận sự của vị ngụ ở rừng:

[428] Câu chuyện về vị tỳ khuru ở rừng

[429] Phận sự của vị ngụ ở rừng

8. Phận sự ở nơi cư ngụ:

[430] Câu chuyện về các tỳ khuru nhóm Lục Sư

[431] Phận sự ở nơi cư ngụ

9. Phận sự ở nhà tắm:

[432] Câu chuyện về các tỳ khuru nhóm Lục Sư

[433] Phận sự ở nhà tắm

10. Phận sự ở nhà vệ sinh:

[434] Câu chuyện về vị tỳ khuru dòng dõi bà-la-môn

[435] Vào nhà vệ sinh theo thứ tự đi đến

[436] Câu chuyện về các tỳ khuru nhóm Lục Sư

[437] Phận sự ở nhà vệ sinh

11. Phận sự đối với thầy tế độ:

[438] Câu chuyện về các vị đệ tử (saddhivihārika)

[439] Phận sự đối với thầy tế độ

12. Phận sự đối với đệ tử:

[440] Câu chuyện về các thầy tế độ

[441] Phận sự đối với vị đệ tử

13. Phận sự đối với thầy dạy học:

[442] Câu chuyện về các học trò (antevāsika)

[443] Phận sự đối với thầy dạy học

14. Phận sự đối với học trò:

[444] Câu chuyện về các thầy dạy học

[445] Phận sự đối với học trò

[446] Bài kệ tóm lược

[09] IX. CHƯƠNG ĐÌNH CHỈ GIỚI BỒN PĀTIMOKKHA

(PĀTIMOKKHAṬṬHAPANAKKHANDHAKAM):

1. Tụng phẩm thứ nhất:

[447] Câu chuyện trưởng lão Ānanda thỉnh đức Thế Tôn tuyên đọc giới bốn

[449] Tám pháp kỳ diệu phi thường trong biển cả

[457] Tám pháp kỳ diệu phi thường trong Pháp và Luật

[466] Sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha của vị phạm tội

[467] Câu chuyện về các tỳ khuru nhóm Lục Sư

[468] Các tiêu đề của sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha

[469] Giảng giải và phân tích các tiêu đề của sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha

[489] Giảng về sự đình chỉ giới bốn Pātimokkha đúng Pháp

2. Tụng phẩm thứ nhì:

[499] Các câu hỏi của Upāli: Áp dụng sự hành xử

[500] Nên quán xét bản thân bao nhiêu pháp trước khi khiển trách vị khác?

[506] Sự ân hận của vị khiển trách không đúng Pháp

[507] Sự không ân hận của vị bị khiển trách không đúng Pháp

[508] Sự không ân hận của vị khiển trách đúng Pháp

[509] Sự ân hận của vị bị khiển trách đúng Pháp

[510] Nên tác ý nội tâm bao nhiêu pháp trước khi khiển trách vị khác?

[511] Vị tỳ khuru bị khiển trách nên an trú bao nhiêu pháp?

[512] Bài kệ tóm lược

[10] X. CHƯƠNG TỶ KHUU NI (BHIKKHUNĪKHANDHAKAM):

1. Tụng phẩm thứ nhất:

[513] Câu chuyện bà Mahāpajāpati Gotamī cầu xin việc xuất gia

[515] Câu chuyện trưởng lão Ānanda cầu xin việc xuất gia cho phụ nữ

[516] Tám Trọng Pháp

[518] Giảng về sự tồn tại không lâu dài của Phạm hạnh

[519] Sự tu lên bậc trên của các tỳ khuru ni

[521] Câu chuyện bà Mahāpajāpati Gotamī cầu xin đặc ân

[523] Giảng về các đặc điểm để xác định Pháp và Luật

[524] Việc đọc tụng giới bốn Pātimokkha cho các tỳ khuru ni

[526] Sự sám hối tội. Sự ghi nhận tội. Sự thực thi hành sự cho các tỳ khuru ni

[532] Câu chuyện về tỳ khuru ni đệ tử của trưởng lão ni Uppalavaṇṇā

2. Tụng phẩm thứ nhì:

[533] Câu chuyện về các tỳ khuru nhóm Lục Sư: Việc không cần đánh lễ

[534] Câu chuyện về các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư: Cho phép đình chỉ việc giáo giới

[537] Giảng giải về sự đình chỉ việc giáo giới

[553] Các câu chuyện về tỳ khuru ni: Việc mang dây buộc thân loại dài

[556] Việc thoa dầu ở mặt, v.v... Việc mặc y toàn màu xanh đậm, v.v...

[559] Câu chuyện vị tỳ khuru ni lâm chung

[561] Câu chuyện người đàn bà ngoại tình và việc mang đi bào thai bằng bình bát

[563] Việc nhìn chăm chú vào vật biểu tượng nam tánh

[564] Sự san sẻ vật thực

[571] Sự cho phép về các vật dụng dành riêng cho người nữ: y nội trợ, v.v...

3. Tụng phẩm thứ ba:

[573] Hai mươi bốn pháp chương ngại

[574] Sự cho phép người nữ được tu lên bậc trên ở hội chúng tỳ khuru ni trước rồi ở hội chúng tỳ khuru sau.

[575] Chỉ định vị giảng giải: Chỉ định cho chính mình. Chỉ định cho người khác

[578] Sự tu lên bậc trên ở hội chúng tỳ khuru ni

[579] Sự tu lên bậc trên ở hội chúng tỳ khuru

[581] Sự chỉ dạy

[582] Quy định chỗ ngồi

[584] Giảng về lễ Pavāraṇā (Tự Tứ) ở hai hội chúng

[590] Việc cấm tỳ khuru ni đình chỉ lễ Uposatha (Bố Tát), v.v... của tỳ khuru

[591] Việc cho phép tỳ khuru đình chỉ lễ Uposatha, v.v... của tỳ khuru ni

[592] Việc di chuyển bằng xe, v.v...

[595] Sự tu lên bậc trên thông qua người đại diện: Câu chuyện Aḍḍhakāsī

[597] Tỳ khuru ni không nên cư ngụ ở trong rừng. Chỗ ở của tỳ khuru ni

[599] Chỉ định vị cộng sự với tỳ khuru ni có con trai

[600] Chỉ định vị cộng sự với tỳ khuru ni là vị đang thực hành mānatta

[601] Không có việc từ bỏ học giới đối với tỳ khuru ni

[602] Cô ni sinh hoạt trong khu vực của ngoại đạo

[604] Không được ngồi thế kiết già

[607] Bột phấn thoa. Việc tắm, v.v...

[613] Bài kệ tóm lược

[11] XI. CHƯƠNG LIÊN QUAN NĂM TRĂM VỊ

(PĀÑCASATIKAKKHANDHAKAM):

[614] Nguyên nhân của cuộc kết tập lần thứ nhất: Câu chuyện trưởng lão Mahākassapa và Subhadda

[615] Chỉ định năm trăm tỳ khuru

[616] Việc sửa chữa những nơi bị hư hỏng

[617] Quả vị A-la-hán của trưởng lão Ānanda

[618] Kết tập về điều học Pārājika: Sự trả lời về Luật của trưởng lão Upāli

[619] Kết tập về kinh Brahmajāla (Phạm Võng), v.v... Sự trả lời về Pháp của trưởng lão Ānanda

[620] Giảng về các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng

[621] Sự quyết định không thêm vào và không bỏ bớt

[622] Giảng về các tội dukkaṭa (tác ác) của đại đức Ānanda

[623] Câu chuyện trưởng lão Purāṇa

[624] Việc áp đặt hình phạt Phạm Thiên (Brahmaḍaṇḍa) cho tỳ khuru Channa

[625] Câu chuyện vua Udena: Sự dâng cúng năm trăm thượng y

[627] Trưởng lão Channa thể nhập trạng thái A-la-hán

[629] Bài kệ tóm lược

[12] XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRĂM VỊ

(SATTASATIKKHANDHAKAM):

1. Tụng phẩm thứ nhất:

- [630] Câu chuyện về các tỳ khuru dòng dõi Vajji: Việc truyền bá mười sự việc
- [631] Câu chuyện về các tỳ khuru dòng dõi Vajji và trưởng lão Yasa
- [634] Bốn vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Bốn điều làm ô nhiễm đối với sa-môn và bà-la-môn
- [637] Câu chuyện thôn trưởng Maṇicūḷaka
- [638] Câu chuyện Upananda dòng dõi Sākya
- [639] Trở lại câu chuyện về các tỳ khuru dòng dõi Vajji và trưởng lão Yasa
- [640] Câu chuyện về trưởng lão Sambhūta Sāṇavāsī. Câu chuyện về các tỳ khuru ở Pāvā
- [641] Câu chuyện về trưởng lão Revata
- [642] Sự hỏi và trả lời mười sự việc
2. Tụng phẩm thứ nhì:
- [643] Các tỳ khuru Vajji chuẩn bị vật dụng để mua chuộc trưởng lão Revata
- [644] Tư tưởng suy tầm của trưởng lão Sālha
- [645] Câu chuyện về trưởng lão Uttara, thị giả của trưởng lão Revata
- [646] Việc mong muốn dàn xếp sự tranh tụng của hội chúng
- [647] Câu chuyện về trưởng lão của hội chúng: Sabbakāmī
- [648] Câu hỏi của trưởng lão Sambhūta Sāṇavāsī
- [649] Giải quyết sự tranh tụng bằng đại biểu: Chỉ định các tỳ khuru
- [650] Câu chuyện về trưởng lão Ajita, chọn địa điểm kết tập
- [651] Giải quyết mười sự việc
- [663] Cuộc kết tập về Luật liên quan đến bảy trăm vị
- [664] Bài kệ tóm lược

Phần 3

Tập yếu (Parivāra)

PARIVĀRA (Tập Yếu): phân tích về Giới và Luật theo các tiêu đề và được trình bày dưới dạng vấn đáp, có thể được xem như là cuốn cẩm nang hướng dẫn việc hành xử Luật.

Mục lục tổng quát

I. CHƯƠNG MƯỜI SÁU PHẦN CHÍNH THUỘC PHÂN TÍCH GIỚI TỖ KHUU:

1. TÁM PHẦN VỀ TỘI VI PHẠM:

Phần Quy Định Tại Đâu là phần thứ nhất:

- [1] Các câu hỏi liên quan đến điều pārajika thứ nhất
- [2] Hỏi và đáp về điều pārajika thứ nhất
- [3] Bài kệ kể tên các vị trưởng lão đã truyền thừa Tạng Luật
- [4] Hỏi và đáp về điều pārajika thứ nhì, thứ ba, thứ tư
- [7] Bài kệ tóm lược
- [8] Các câu hỏi liên quan đến các điều saṅghādisesa thứ nhất
- [9] Hỏi và đáp về điều saṅghādisesa thứ nhất, thứ nhì, ..., thứ mười ba
- [22] Bài kệ tóm lược
- [23] Các câu hỏi liên quan đến điều aniyata thứ nhất
- [24] Hỏi và đáp về điều aniyata thứ nhất, thứ nhì
- [26] Bài kệ tóm lược
- [27] Hỏi và đáp về các điều nissaggiya pācittiya thuộc phần Kaṭhina
- [38] Hỏi và đáp về các điều nissaggiya pācittiya thuộc phần Tư Tầm
- [49] Hỏi và đáp về các điều nissaggiya pācittiya thuộc phần Bình Bát
- [59] Bài kệ tóm lược
- [01b]
- [60] Hỏi và đáp về các điều pācittiya thuộc phần Nói Dối
- [71] Hỏi và đáp về các điều pācittiya thuộc phần Thảo Mộc
- [82] Hỏi và đáp về các điều pācittiya thuộc phần Giáo Giới
- [93] Hỏi và đáp về các điều pācittiya thuộc phần Vật Thực
- [104] Hỏi và đáp về các điều pācittiya thuộc phần Đạo Sĩ Lỗa Thể
- [115] Hỏi và đáp về các điều pācittiya thuộc phần Rượu và Chất Say
- [126] Hỏi và đáp về các điều pācittiya thuộc phần Có Sinh Vật
- [137] Hỏi và đáp về các điều pācittiya thuộc phần Theo Pháp
- [150] Hỏi và đáp về các điều pācittiya thuộc phần Đức Vua
- [161] Bài kệ tóm lược
- [01c]
- [162] Hỏi và đáp về bốn điều pāṭidesanīya
- [166] Bài kệ tóm lược

- [167] Hỏi và đáp về các điều sekhiya thuộc phần Tròn Đều
- [177] Hỏi và đáp về các điều sekhiya thuộc phần Cười Vang
- [187] Hỏi và đáp về các điều sekhiya thuộc phần Chổng Nạnh
- [197] Hỏi và đáp về các điều sekhiya thuộc phần Đồ Ăn Khất Thực
- [207] Hỏi và đáp về các điều sekhiya thuộc phần Vắt Cơm
- [217] Hỏi và đáp về các điều sekhiya thuộc phần Tiếng Sột Sột
- [227] Hỏi và đáp về các điều sekhiya thuộc phần Giày Dép
- [242] Bài kệ tóm lược

[01d]

Phần Bao Nhiêu Tội là phần thứ nhì:

- [244] Hỏi và đáp về các loại tội liên quan bốn điều pārajika
- [248] Hỏi và đáp về các loại tội liên quan mười ba điều saṅghādisesa
- [261] Hỏi và đáp về các loại tội liên quan ba mươi điều nissaggiya pācittiya
- [291] Hỏi và đáp về các loại tội liên quan chín mươi hai điều pācittiya
- [383] Hỏi và đáp về các loại tội liên quan bốn điều pāṭidesanīya
- [387] Hỏi và đáp về các loại tội liên quan các điều sekhiya

Phần Sự Hư Hỏng là phần thứ ba:

- [462] Hỏi và đáp về sự phân chia theo bốn sự hư hỏng của các tội vi phạm

Phần Sự Quy Tụ là phần thứ tư:

- [463] Hỏi và đáp về sự quy tụ vào bảy nhóm tội của các tội vi phạm

Phần Nguồn Sanh Tội là phần thứ năm:

- [464] Hỏi và đáp về các nguồn sanh tội của các tội vi phạm

Phần Sự Tranh Tụng là phần thứ sáu:

- [465] Hỏi và đáp về các sự tranh tụng liên quan đến các tội vi phạm

Phần Dàn Xếp là phần thứ bảy:

- [466] Hỏi và đáp về các cách dàn xếp liên quan đến các tội vi phạm

Phần Tổng Hợp là phần thứ tám:

- [467] Tổng hợp bảy phần trên

- [468] Bài kệ tóm lược

2. TÁM PHẦN VỀ NGUYÊN NHÂN:

Phần Quy Định Tại Đâu là phần thứ nhất:

[469] Hỏi và đáp về nơi quy định vì nguyên nhân tội vi phạm

Phần Bao Nhiêu Tội là phần thứ nhì:

[487] Hỏi và đáp về bao nhiêu loại tội vì nguyên nhân tội vi phạm

Phần Sự Hư Hỏng là phần thứ ba:

[505] Hỏi và đáp về sự phân chia theo bốn sự hư hỏng vì nguyên nhân tội vi phạm

Phần Sự Quy Tụ là phần thứ tư:

[506] Hỏi và đáp về sự quy tụ vào bảy nhóm tội vì nguyên nhân tội vi phạm

Phần Nguồn Sanh Tội là phần thứ năm:

[507] Hỏi và đáp về các nguồn sanh tội vì nguyên nhân tội vi phạm

Phần Sự Tranh Tụng là phần thứ sáu:

[508] Hỏi và đáp về các sự tranh tụng vì nguyên nhân tội vi phạm

Phần Dàn Xếp là phần thứ bảy:

[509] Hỏi và đáp về các cách dàn xếp vì nguyên nhân tội vi phạm

Phần Tổng Hợp là phần thứ tám:

[510] Tổng hợp bảy phần trên

[02a]

II. CHƯƠNG MƯỜI SÁU PHẦN CHÍNH THUỘC PHÂN TÍCH GIỚI TỶ KHUÛ NI:

1. TÁM PHẦN VỀ TỘI VI PHẠM:

Phần Quy Định Tại Đâu là phần thứ nhất:

[511] Các câu hỏi liên quan đến điều pārajika thứ năm

[512] Hỏi và đáp về điều pārajika thứ năm

[513] Hỏi và đáp về điều pārajika thứ sáu, thứ bảy, thứ tám

[516] Bài kệ tóm lược

[517] Hỏi và đáp về điều saṅghādisesa thứ nhất, thứ nhì, ..., thứ mười

[528] Bài kệ tóm lược

[529] Hỏi và đáp về mười hai điều nissaggiya pācittiya

[541] Bài kệ tóm lược

[542] Hỏi và đáp về các điều pācittiya thuộc phần Tội

[552] Hỏi và đáp về các điều pācittiya thuộc phần Bóng Tội

[562] Hỏi và đáp về các điều pācittiya thuộc phần Lỗa Thê

[572] Hỏi và đáp về các điều pācittiya thuộc phần Dùng Chung

[582] Hỏi và đáp về các điều pācittiya thuộc phần Nhà Triễn Lãm Tranh

[592] Hỏi và đáp về các điều pācittiya thuộc phần Tu Viện

[602] Hỏi và đáp về các điều pācittiya thuộc phần Sản Phụ

[612] Hỏi và đáp về các điều pācittiya thuộc phần Thiếu Nữ

[625] Hỏi và đáp về các điều pācittiya thuộc phần Dù Dếp

[638] Bài kệ tóm lược

[640] Hỏi và đáp về tám điều pāṭidesanīya

[648] Bài kệ tóm lược

[02b]

Phần Bao Nhiêu Tội là phần thứ nhì:

[649] Hỏi và đáp về các loại tội liên quan các điều pārājika

[653] Hỏi và đáp về các loại tội liên quan các điều saṅghādisesa

[663] Hỏi và đáp về các loại tội liên quan các điều nissaggiya pācittiya

[675] Hỏi và đáp về các loại tội liên quan các điều pācittiya

[769] Hỏi và đáp về các loại tội liên quan bốn điều pāṭidesanīya

Phần Sự Hư Hỏng là phần thứ ba:

[777] Hỏi và đáp về sự phân chia theo bốn sự hư hỏng của các tội vi phạm

Phần Sự Quy Tụ là phần thứ tư:

[779] Hỏi và đáp về sự quy tụ vào bảy nhóm tội của các tội vi phạm

Phần Nguồn Sanh Tội là phần thứ năm:

[781] Hỏi và đáp về các nguồn sanh tội của các tội vi phạm

Phần Sự Tranh Tụng là phần thứ sáu:

[783] Hỏi và đáp về các sự tranh tụng liên quan đến các tội vi phạm

Phần Dàn Xếp là phần thứ bảy:

[785] Hỏi và đáp về các cách dàn xếp liên quan đến các tội vi phạm

Phần Tổng Hợp là phần thứ tám:

[787] Tổng hợp bảy phần trên

2. TÁM PHẦN VỀ NGUYÊN NHÂN:

Phần Quy Định Tại Đâu là phần thứ nhất:

[789] Hỏi và đáp về nơi quy định vì nguyên nhân tội vi phạm

Phần Bao Nhiêu Tội là phần thứ nhì:

[804] Hỏi và đáp về bao nhiêu loại tội vì nguyên nhân tội vi phạm

Phần Sự Hư Hỏng là phần thứ ba:

[819] Hỏi và đáp về sự phân chia theo bốn sự hư hỏng vì nguyên nhân tội vi phạm

Phần Sự Quy Tụ là phần thứ tư:

[820] Hỏi và đáp về sự quy tụ vào bảy nhóm tội vì nguyên nhân tội vi phạm

Phần Nguồn Sanh Tội là phần thứ năm:

[821] Hỏi và đáp về các nguồn sanh tội vì nguyên nhân tội vi phạm

Phần Sự Tranh Tụng là phần thứ sáu:

[822] Hỏi và đáp về các sự tranh tụng vì nguyên nhân tội vi phạm

Phần Dàn Xếp là phần thứ bảy:

[823] Hỏi và đáp về các cách dàn xếp vì nguyên nhân tội vi phạm

Phần Tổng Hợp là phần thứ tám:

[824] Tổng hợp bảy phần trên

[03]

III. TÓM LƯỢC VỀ NGUỒN SANH TỘI:

[826] Bài kệ giảng giải về mười ba nhóm tội có chung nguồn sanh tội.

[827] Các tội có chung nguồn sanh tội với điều Pārājika Thứ Nhất

[828] Các tội có chung nguồn sanh tội với điều Pārājika Thứ Nhì

[829] Các tội có chung nguồn sanh tội với điều Làm Mai Mối

[830] Các tội có chung nguồn sanh tội với điều Nói Nhắc Nhở

[831] Các tội có chung nguồn sanh tội với điều Kāṭhina

[832] Các tội có chung nguồn sanh tội với điều Lông Cừu

[833] Các tội có chung nguồn sanh tội với điều Pháp Theo Từng Câu

[834] Các tội có chung nguồn sanh tội với điều Đường Xa

[835] Các tội có chung nguồn sanh tội với điều Đám Người Đạo Tặc

[836] Các tội có chung nguồn sanh tội với điều Thuyết Giảng Pháp

[837] Các tội có chung nguồn sanh tội với điều Thực Chứng

[838] Các tội có chung nguồn sanh tội với điều Tiếp Độ Nữ Đạo Tặc

[839] Các tội có chung nguồn sanh tội với điều Chưa Được Phép

[04]

IV. (a) SỰ TRÙNG LẬP LIÊN TỤC:

Phần Câu Hỏi Bao Nhiêu:

[814] Các câu hỏi và đáp về: Bao nhiêu tội vi phạm? Bao nhiêu nhóm tội? v.v...

[854] Sáu nguyên nhân tranh cãi

[855] Sáu pháp cần ghi nhớ

[856] Mười tám sự việc gây ra chia rẽ

[860] Bài kệ tóm lược

Hai Mươi Phần:

[861] Sáu Nguồn Sanh Tội là phần thứ nhất

[867] Bao Nhiêu Tội do Sáu Nguồn Sanh Tội là phần thứ nhì

[873] Bài Kệ về Nguồn Sanh Tội là phần thứ ba

[874] Do Duyên Hư Hỏng là phần thứ tư

[878] Do Duyên Tranh Tụng là phần thứ năm

[883] Bài kệ tóm lược

IV. (b) PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP:

[884] Phương Thức Trình Bày là phần thứ sáu

[890] Có Liên Quan là phần thứ bảy

[891] Có Cùng Quan Hệ là phần thứ tám

[892] Các Cách Dàn Xếp Có Liên Quan Đối Với Cách Dàn Xếp là phần thứ chín

[893] Các Cách Dàn Xếp Có Cùng Quan Hệ Đối Với Cách Dàn Xếp là phần thứ mười

[894] Cách Dàn Xếp và Hành Xử Luật Với Sự Hiện Diện là phần thứ mười một.

[895] Cách Hành Xử là phần thứ mười hai

[897] Tốt Đẹp là phần thứ mười ba

[899] Nơi Nào là phần thứ mười bốn

[901] Trong Trường Hợp là phần thứ mười lăm

[902] Liên Kết là phần thứ mười sáu

[903] Được Làm Lắng Dịu là phần thứ mười bảy

[904] Được Làm Lắng Dịu - Không Được Làm Lắng Dịu là phần thứ mười tám

[905] Cách Dàn Xếp và Sự Tranh Tụng là phần thứ mười chín

[911] Làm Sanh Khởi là phần thứ hai mươi

[915] Phân tích cách dàn xếp

[917] Bài kệ tóm lược

[05]

V. CÁC CÂU HỎI VỀ BỘ HỢP PHẦN:

[918] Hỏi và đáp về các chương thuộc Đại Phẩm

[928] Hỏi và đáp về các chương thuộc Tiểu Phẩm

[940] Bài kệ tóm lược.

[06]

VI. TẦNG THEO TỪNG BẬC:

[941] Nhóm Một.

[943] Nhóm Hai, Nhóm Ba, Nhóm Mười.

[1004] Nhóm Mười Một.

[1006] Bài kệ tóm lược

[07]

VII. CÁC CÂU VẤN ĐÁP VỀ LỄ UPOSATHA:

[1007] Vấn đáp về cách hành sự: Lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, v.v...

[1009] Lời giải thích về điều lợi ích

[1015] Bài kệ tóm lược

[08]

VIII. SƯU TẬP CÁC BÀI KỆ:

[1016] Các điều học đã được quy định ở tám địa điểm

[1018] Các điều học được quy định ở mỗi địa điểm

[1019] Giải thích về tội nặng và tội nhẹ, Bốn sự hư hỏng, v.v...

[1024] Các điều học của tỳ khuru và tỳ khuru ni

[1027] Các điều học được quy định chung và quy định riêng

[1031] Tổng kết và giải thích về các loại tội

[1045] Bài kệ tóm lược

[09]

IX. PHÂN TÍCH SỰ TRANH TỤNG:

[1046] Bốn sự tranh tụng

[1047] Mười hai sự khơi dậy

[1058] Bảy cách dàn xếp

[1068] Bài kệ tóm lược

[10]

X. SƯU TẬP KHÁC VỀ CÁC BÀI KỆ:

[1069] Hỏi đáp về việc kết tội, nhớ lại, v.v... Thái độ vị xét xử

[1070] Hỏi đáp về hạng người vô liêm sỉ

[1072] Hỏi đáp đề hạng cáo tội ngu dốt và thông thái

[11]

XI. CHƯƠNG CÁO TỘI:

[1077] Sự thực hành của vị xét xử

[1078] Bài kệ về hạng người nên hành lễ Uposatha chung

[1079] Giảng giải về các yếu tố cần biết trong việc cáo tội

[1081] Mục đích của lễ Uposatha, v.v... Vị cáo tội sai trái

[1082] Bài kệ tóm lược

[12]

XII. XUNG ĐỘT (PHẦN PHỤ):

[1083] Sự thực hành của vị tỳ khưu theo đuổi sự xung đột

[1084] Mục đích của điều học

[1085] Bài kệ về sự thực hành của vị xét xử

[1086] Bài kệ tóm lược

[13]

XIII. XUNG ĐỘT (PHẦN CHÍNH):

[1087] Giảng giải về các điều nên biết: sự việc, sự hư hỏng, tội vi phạm, v.v...

[1098] Giảng giải về việc không nên bị chi phối bởi bốn pháp thiên vị

[1108] Giảng giải về các điều nên thực hành

[1116] Sự thực hành của vị xét xử. Các câu hỏi của việc xét xử

[1117] Bài kệ về hạng người nên hành lễ Pavāraṇā chung

[1118] Giải thích về các câu hỏi của việc xét xử

[1123] Bài kệ tóm lược

[14]

XIV. PHÂN TÍCH KATHINA:

[1124] Giảng giải về Kathina

[1127] Hai mươi bốn lý do khiến Kathina không được thành tựu

- [1129] Mười bảy lý do khiến Kaṭhina được thành tựu
[1130] Mười lăm pháp sanh lên với sự thành tựu Kaṭhina. Giảng về duyên
[1139] Bảy việc làm trước tiên
[1146] Nên biết về Kaṭhina
[1149] Bài kệ về sự hết hiệu lực Kaṭhina.
[1157] Hỏi đáp về sự hết hiệu lực Kaṭhina
[1160] Bài kệ tóm lược
[15]

XV. NHÓM NĂM CỦA UPĀLI:

Phần Không Nương Nhờ:

- [1161] Các điều kiện không được sống không nương nhờ
[1162] Không được ban phép tu lên bậc trên, v.v...
[1163] Hành sự nên được thực thi. Bài kệ tóm lược

Phần Không Thâu Hối:

- [1165] Hành sự không nên thâu hối. Bài kệ tóm lược

Phần Phát Biểu:

- [1170] Không nên phát biểu ở hội chúng. Bài kệ tóm lược

Phần Trình Bày Quan Điểm:

- [1172] Sự trình bày quan điểm sai pháp, đúng pháp.
[1173] Sự thọ lãnh đúng pháp. Vật không phải là đồ thừa, v.v... Bài kệ tóm lược

Phần Hành Xử:

- [1183] Nên quán xét bao nhiêu pháp trước khi khiển trách
[1187] Nên áp dụng sự hành xử, v.v... Bài kệ tóm lược

Phần Đầu Đà:

- [1191] Các hạng tỳ khuru (đầu đà). Bài kệ tóm lược

Phần Nói Dối:

- [1193] Năm loại tội liên quan đến nói dối, v.v... Bài kệ tóm lược

Phần Giáo Giới Tỳ Khuru Ni:

- [1202] Hội chúng tỳ khuru ni nên thực thi hành sự đối với vị tỳ khuru
[1204] Đình chỉ sự giáo giới.
[1205] Nhận lãnh việc giáo giới các tỳ khuru ni. Bài kệ tóm lược

Phần Đại Biểu:

[1208] Chỉ định theo lối đại biểu

[1209] Vị tỳ khuru bị xem là “kẻ ngu dốt.” Bài kệ tóm lược

Phần Giải Quyết sự Tranh Tụng:

[1211] Không đủ khả năng để giải quyết sự tranh tụng

[1212] Hội chúng bị chia rẽ do năm cách. Bài kệ tóm lược

Phần Chia Rẽ Hội Chúng:

[1215] Hậu quả xác định dành cho kẻ chia rẽ hội chúng. Bài kệ tóm lược

Phần Chia Rẽ Hội Chúng thứ nhì:

[1217] Hậu quả không xác định dành cho kẻ chia rẽ hội chúng. Bài kệ tóm lược

Phần Vị Thường Trú:

[1219] Điều kiện bị đọa vào địa ngục của vị tỳ khuru thường trú, v.v... Bài kệ tóm lược

Phần Thành Tựu Kāṭhina:

[1223] Năm điều thuận lợi trong việc thành tựu Kāṭhina

[1225] Các hạng người không nên được đánh lễ, v.v... Bài kệ tóm lược

[1229] Bài kệ tóm lược mười bốn phần

[16]

XVI. NGUỒN SANH KHỞI:

[1230] Vi phạm tội không có ý thức, thoát tội có ý thức, v.v...

[1231] Nguồn sanh tội của các tội vi phạm: pārājika, v.v... Bài kệ tóm lược

[17]

XVII. SƯU TẬP CÁC BÀI KỆ (PHẦN HAI):

[1242] Các tội do thân, các tội do khẩu, v.v...

[1247] Các tội đưa đến việc sám hối, sửa chữa được, v.v...

[1250] Tội liên quan đến hành động: Tự đánh mình, chia rẽ hội chúng, v.v...

[1263] Các tội vi phạm cho đến lần thứ ba, các tội do phát biểu

[1276] Việc hư hỏng hành sự. Việc thành tựu hành sự, v.v...

[1289] Các loại tội của cả hai hội chúng

[18]

XVIII. CÁC BÀI KỆ LÀM XUẤT MỒ HÔI:

[1296] Các câu hỏi về: sự không đồng cộng trú, sự không thể phân tán, v.v...

[1301] Các câu hỏi về tội pārajika, saṅghādisesa, v...

[1317] Các câu hỏi về tội liên quan đến hành động. Bài kệ tóm lược

[19]

XIX. NĂM PHẦN:

Phần Hành Sự:

[1340] Bốn loại hành sự. Năm nguyên nhân hư hỏng hành sự. Phần giảng giải

[1346] Nhân sự của hành sự

[1353] Các trường hợp hành xử của bốn loại hành sự

Phần Điều Lợi Ích:

[1359] Lợi ích của việc quy định điều học

Phần Sự Quy Định:

[1360] Lợi ích của việc quy định về giới bốn, về sự đọc tụng giới bốn, v.v...

Phần Đã Được Quy Định:

[1361] Các sự việc về Luật đã được quy định: các điều quy định, cách dàn xếp

Phần Chín Cách Xếp Loại:

[1362] Chín cách xếp loại

[1364] Cần hiểu biết sự việc. Cần hiểu biết sự phân loại, v.v...

[1365] Bài kệ tóm lược. Bài kệ tổng kết.

Bài 2

Kinh Tạng (Sutta Pitaka)

Kinh Tạng (Sutta Pitaka) gồm 5 bộ chính: Trường Bộ (Digha Nikaya), Trung Bộ (Majjhima Nikaya), Tương Ứng Bộ (Samyutta Nikaya), Tăng Chi Bộ (Anguttara Nikaya), và Tiểu Bộ (Khuddaka Nikaya).

Trường Bộ là tập hợp các bài kinh dài, gồm 34 bài kinh, đã được dịch sang Việt ngữ, trong đó có hai quyển phổ thông nhất: Kinh Đại Bát Niết Bàn (Maha Parinibanna Sutta) và Kinh Đại Quán Niệm (Maha Satipattana Sutta). Ngoài các bài thuyết giảng của Đức Phật, Bộ này cũng có các bài giảng của Đại Đức Sariputta (Xá Lợi Phất), vị đệ tử hàng đầu có tài thuyết giảng hùng biện nhất thời đó, và các vị đệ tử nổi tiếng khác.

Trung Bộ gồm có 152 bài kinh sắp xếp trong 15 phẩm, theo từng chủ đề. Bộ kinh này rất phổ thông trong giới Phật tử sử dụng Anh ngữ và cũng đã được dịch sang Việt ngữ. Bản dịch Anh ngữ được hiệu chỉnh nhiều lần, và bản dịch mới nhất đã được hội Buddhist Publication Society, Tích Lan, xuất bản năm 1995. Các bài kinh quan trọng thường có liên quan đến phép hành thiền quán niệm (Satipattana Sutta), chính kiến (Sammaditthi), cách tịnh tâm (Kakacupama), cuộc đời Đức Phật (Ariyaparyesana), tứ diệu đế (Mahahatthipadopama), không tính (Culasunnata), quán niệm hơi thở (Anapanasati), vv. Có thể nói đây là một bộ kinh quan trọng nhất, bao gồm các bài giảng thiết yếu trên đường tu tập, thực hành lời Phật dạy.

Tương Ứng Bộ gồm 2,889 bài kinh ngắn, chia làm 5 chương và 56 phẩm. Đây là tập hợp các bài kinh có chủ đề giống nhau về một điểm thảo luận, hoặc về một nhân vật nào đó trong thời Đức Phật. Có những bài giảng quan trọng về 12 nhân duyên và về 37 phần bồ đề (37 phẩm trợ đạo).

Tăng Chi Bộ là bộ kinh dựa theo cách sắp xếp số học (pháp số), từ các chủ đề có liên quan đến 1 phần tử, 1 yếu tố, dần dần lên đến các chủ đề có 11 phần tử hay yếu tố. Vì vậy, bộ kinh được chia làm 11 chương, gồm 2,308 bài kinh.

Tiểu Bộ thật ra không phải là bộ sách nhỏ, mà là tập hợp 15 bộ sách nhỏ: 1) Tiểu Tụng, Khuddaka Patha; 2) Pháp Cú, Dhammapada; 3) Phật Tự Thuyết, Udana; 4) Như Thị Ngữ (Phật Thuyết Như Vậy), Itivuttaka; 5) Kinh Tập, Sutta Nipata; 6) Thiên Cung Sự,

Vimana Vatthu; 7) Nga Quỷ Sự, Peta Vatthu; 8) Trưởng Lão Tăng Kệ, Theragatha; 9) Trưởng Lão Ni Kệ, Therigatha; 10) Bốn Sanh, Jataka; 11) Nghĩa Thích, Niddesa; 12) Vô Ngại Giải Đạo, Patisambhidamagga; 13) Thí Dụ, Apadana; 14) Phật Sử, Buddhavamsa; 15) Sở Hạnh Tạng, Cariya Pitaka.

Phần 1

Trường Bộ Kinh (Dīgha Nikāya)

Trường bộ kinh là bộ Kinh thứ nhất trong Hệ 5 tạng kinh Pali, Phật giáo nguyên thủy do Hoà thượng Thích Minh Châu phiên dịch sang tiếng Việt, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành năm 1991.

Trường bộ kinh phân ra làm 3 Phẩm (Vagga), gồm có 34 bản Kinh; vì nội dung mỗi bản Kinh khá dài so với các bản Kinh Phật khác, nên được kết tập lại dưới nhan đề Trường bộ kinh.

Mục lục tổng quát

Tập I (Kinh số 1-16)

- (01) Kinh Phạm võng (Brahmajāla Sutta)
- (02) Kinh Sa-môn quả (Sāmaṇa-phala Sutta) (a)
- (03) Kinh A-ma-trú (Ambattha Sutta)
- (04) Kinh Chủng Đức (Sonadanda Sutta)
- (05) Kinh Cứu-la-đàn-đầu (Kutadanta Sutta)
- (06) Kinh Ma-ha-li (Mahāli Sutta)
- (07) Kinh Cha-li-da (Jālīya Sutta)
- (08) Kinh Ca-diếp Sư tử hống (Kassapa-Sīhanāda Sutta) - Kinh Đại Sư tử hống (Mahā-Sīhanāda Sutta)
- (09) Kinh Bó-sá-bà-lâu (Potthapāda Sutta)
- (10) Kinh Tu-ba (Subha Sutta)
- (11) Kinh Kiên cố (Kevaddha Sutta) (a)
- (12) Kinh Lô-hi-gia (Lohicca Sutta) (a)
- (13) Kinh Tam minh (Tevijja Sutta)
- (14) Kinh Đại bốn (Mahā-Padāna Sutta)

- (15) Kinh Đại duyên (Mahà-Nidàna Sutta) (a)
- (16) Kinh Đại Bát-niết-bàn (Mahà-parinibbàna Sutta) (a)
- Tập II (Kinh số 17-34)
- (17) Kinh Đại Thiện-kiến vương (Mahà-Sudassana Sutta)
- (18) Kinh Xà-ni-sa (Janavasabha Sutta)
- (19) Kinh Đại Điền-tôn (Mahà-Govinda Sutta)
- (20) Kinh Đại hội (Mahà-Samaya Sutta) (a)
- (21) Kinh Đế-thích sở vấn (Sakka-panha Sutta) (a)
- (22) Kinh Đại niệm xứ (Mahà-Satipatthàna Sutta) (a)
- (23) Kinh Tệ-túc (Pàyàsi Sutta)
- (24) Kinh Ba-lê (Pàtika Sutta)
- (25) Kinh Ưu-đàm-bà-la Sư tử hống (Udumbarika-Sìhanàda Sutta)
- (26) Kinh Chuyển luân thánh vương Sư tử hống (Cakkavatti-Sìhanàda Sutta)
- (27) Kinh Khởi thế nhân bốn (Agganana Sutta)
- (28) Kinh Tự hoan hỷ (Sampasàdaniya Sutta)
- (29) Kinh Thanh tịnh (Pàsàdika Sutta)
- (30) Kinh Tướng (Lakkhana Sutta)
- (31) Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt (Singàlovàda Sutta) (a)
- (32) Kinh A-sá-nang-chi (Atànàtiya Sutta)
- (33) Kinh Phúng tụng (Sangiti Sutta)
- (34) Kinh Thập thượng (Dasuttara Sutta)

Phần 2

Trung Bộ Kinh Majjhima Nikaya

Trung Bộ kinh bao gồm các bài giảng quan trọng của Đức Phật về các pháp môn tu hành, tịnh tâm. Bộ kinh cũng miêu tả các sinh hoạt hằng ngày của Đức Phật và Tăng Đoàn trong 45 năm truyền đạo.

Nhiều bài kinh trong Trung Bộ Kinh là để giảng dạy các tu sĩ, cũng có nhiều bài kinh Đức Phật giảng dạy cho các thành phần khác trong xã hội, trong nhiều trường hợp và hoàn cảnh khác nhau: từ các bậc vua chúa vương giả, chư thiên, các bậc chân tu khổ

hạnh của các giáo phái khác, cho đến những nông dân, thương gia, tướng cướp, học giả, và các nhà hùng biện, v.v... Trong đó gồm những pháp môn quan trọng của Ngài như: Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Vô Ngã, Niết Bàn, Thập Nhị Nhân Duyên, Nghiệp Hành và Tái Sinh, Các Tầng Thiên-na, Các Pháp Quán Niệm, Các Bậc Giải Thoát, Các Thế Giới Luân Hồi, v.v...

Trung Bộ kinh kết tập các bài giảng của Đức Phật, kết tập các bài giảng quan trọng của các vị đại đệ tử của Ngài vào thời đó. Ngoài các bài kinh giảng của Đức Phật, còn thấy có 9 bài kinh của ngài Xá Lợi Phất (Sariputra), 7 bài kinh của ngài A Nan (Ananda), 4 bài của ngài Đại Ca Chiên (Maha Kaccana), 2 bài của ngài Đại Mục Kiền Liên (Maha Moggallana) và một bài pháp thoại của Ni sư Dhammadinna được Đức Phật khen ngợi là bậc Đại Trí Tuệ.

Mục lục tổng quát

TẬP I

01. Kinh Pháp môn căn bản
02. Kinh Tất cả lậu hoặc
03. Kinh Thừa tự Pháp
4. Kinh Sợ hãi khiếp đảm (Bhayabherava sutta)
5. Kinh Không uế nhiễm (Anangana sutta)
6. Kinh Ước Nguyện (Akankheyya sutta)
7. Kinh Ví dụ tấm vải (Vatthupama sutta)
8. Kinh Đoạn giảm (Sallekha sutta)
9. Kinh Chánh tri kiến (Sammàditthi sutta)
10. Kinh Niệm xứ (Satipatthana sutta)
11. Tiểu kinh Sư tử hống (Cùlasihanada sutta)
12. Đại kinh Sư tử hống (Mahāsihanada sutta)
13. Đại kinh Khổ uẩn (Mahādukkhakkhanda sutta)
14. Tiểu kinh Khổ uẩn (Cūladukkhakkhanda sutta)
15. Kinh Tư lượng (Anumāna sutta)
16. Kinh Tâm hoang vu (Cetokhila sutta)
17. Kinh Khu rừng (Vanapattha sutta)
18. Kinh Mật hoàn (Madhupindika sutta)

19. Kinh Song tâm (Dvedhàvitakka sutta)
20. Kinh An trú tâm (Vtakkasanthàna sutta)
21. Kinh Ví dụ cái cửa (Kakacùpama sutta)
22. Kinh Ví dụ con rắn (Alagaddùpama sutta)
23. Kinh Gò mối (Vammika sutta)
24. Kinh Trạm xe (Rathavinìta sutta)
25. Kinh Bầy mối (Nivàpa sutta)
26. Kinh Thánh cầu (Ariyapariyesanà sutta)
27. Tiểu kinh Dụ dấu chân voi (Cùlahatthipadopama sutta)
28. Đại kinh Dụ dấu chân voi (Mahàhatthipadopama sutta)
29. Đại kinh Thí dụ Lỗi cây Mahasaropama-sutta
30. Tiểu kinh Dụ lỗi cây (Cùlasàropama sutta)
31. Tiểu kinh Rừng sừng bò (Cùlagosinga sutta)
32. Đại kinh Rừng sừng bò (Mahàgosinga sutta)
33. Đại kinh Người chăn bò (Mahàgopàlaka sutta)
34. Tiểu kinh Người chăn bò (Cùlagopàlaka sutta)
35. Tiểu kinh Saccaka (Cùlasaccaka sutta)
36. Đại kinh Saccaka (Mahàsaccaka sutta)
37. Tiểu kinh Đoạn tận ái (Cùlatanhàsankhaya sutta)
38. Đại kinh Đoạn tận ái (Mahàtanhàsankhaya sutta)
39. Đại kinh Xóm ngựa (Mahà-Assapura sutta)
40. Tiểu kinh Xóm ngựa (Cùla-Assapura sutta)
41. Kinh Sàleyyaka (Sàleyyaka sutta)
42. Kinh Veranjaka (Veranjaka sutta)
43. Đại kinh Phương quảng (Mahàvedalla sutta)
44. Tiểu kinh Phương quảng (Cùlavedalla sutta)
45. Tiểu kinh Pháp hành (Cùladhammasamàdàna sutta)
46. Đại kinh Pháp hành (Mahàdhammasamàdàna sutta)
47. Kinh Tư sát (Vimamsaka sutta)
48. Kinh Kosambiya (Kosambiya sutta)
49. Kinh Phạm Thiên cầu thỉnh (Brahmanimantanika sutta)

50. Kinh Hàng ma (Màratajjanìya sutta)

TẬP II

51. Kinh Kandaraka (Kandaraka sutta)

52. Kinh Bát thành (Atthakanàgara sutta)

53. Kinh Hữu học (Sekha sutta)

54. Kinh Potaliya (Potaliya sutta)

55. Kinh Jìvaka (Jìvaka sutta)

56. Kinh Ưu-ba-ly (Upàli sutta)

57. Kinh Hạnh con chó (Kukkuravatika sutta)

58. Kinh Vương tử Vô Úy (Abhayaràjakumàra sutta)

59. Kinh Nhiều cảm thọ (Bahuvedanìya sutta)

60. Kinh Không gì chuyển hướng (Apannaka sutta)

61. Kinh Giáo giới La-hầu-la ở rừng Ambala (Ambalatthikà Ràhulovàda sutta)

62. Đại kinh Giáo giới La-hầu-la (Mahà Ràhulovàda sutta)

63. Tiểu kinh Mālunkya (Cula Mālunkya sutta)

64. Đại kinh Mālunkya (Mahà Mālunkya sutta)

65. Kinh Bhaddàli (Bhaddàli sutta)

66. Kinh Ví dụ Con chim cáy (Latukikopama sutta)

67. Kinh Cātuma (Cātuma sutta)

68. Kinh Nalakapàna (Nalakapàna sutta)

69. Kinh Gulisàni (Gulisàni sutta)

70. Kinh Kìtāgiri (Kìtāgiri sutta)

71. Kinh Dạy Vacchagotta về Tam Minh (Tevijjavacchagotta sutta)

72. Kinh Dạy Vacchagotta về Lửa (Aggivacchagotta sutta)

73. Đại kinh Vaccaghotta (Mahàvacchagotta sutta)

74. Kinh Trường Trảo (Dìghanakha sutta)

75. Kinh Māgandiya (Māgandiya sutta)

76. Kinh Sandaka (Sandaka sutta)

77. Đại kinh Sakuludāyi (Mahāsakuludāyin sutta)

78. Kinh Samanamandikā (Samanamandikāputta sutta)

79. Tiểu kinh Sakuludāyi (Thiện sanh Ưu đà di) (Cūlasakuludāyi sutta)

80. Kinh Vekhanassa (Vekhanassa sutta)
81. Kinh Ghatikàra (Ghatikàra sutta)
82. Kinh Ratthapàla (Ratthapàla sutta)
83. Kinh Makhàdeva (Makhàdeva sutta)
84. Kinh Madhurà (Madhurà sutta)
85. Kinh Vương tử Bồ-đề (Bodhirajàkumàra sutta)
86. Kinh Angulimàla (Angulimàla sutta)
87. Kinh Ái sanh (Piyajàtika sutta)
88. Kinh Bàhitika (Bàhitika sutta)
89. Kinh Pháp trang nghiêm (Dhammacetiya sutta)
90. Kinh Kannakatthala (Kannakatthala sutta)
91. Kinh Brahmàyu (Brahmàyu sutta)
92. Kinh Sela (Sela sutta)
93. Kinh Assalàyana (Assalàyana sutta)
94. Kinh Ghotamukha (Ghotamukha sutta)
95. Kinh Canki (Canki sutta)
96. Kinh Esukàrì (Esukàrì sutta)
97. Kinh Dhànanjani (Dhànanjani sutta)
98. Kinh Vasettha (Vasettha sutta)
99. Kinh Subha (Subha sutta)
100. Kinh Sangàrava (Sangàrava sutta)

TẬP III

101. Kinh Devadaha (Devadaha sutta)
102. Kinh Năm và Ba (Pancattaya sutta)
103. Kinh Nghĩ như thế nào? (Kinti sutta)
104. Kinh Làng Sama (Sàmagàma sutta)
105. Kinh Thiện tinh (Sunakkhatta sutta)
106. Kinh Bất động lợi ích (Anenjasappàya sutta)
107. Kinh Ganaka Moggallàna (Ganakamoggallàna sutta)
108. Kinh Gopaka Moggallàna (Gopakamoggallàna sutta)
109. Đại kinh Mãn nguyệt (Mahàpunnama sutta)

110. Tiểu kinh Mãn nguyệt (Cùlapunnama sutta)
111. Kinh Bất đoạn (Anupada sutta)
112. Kinh Sáu Thanh tịnh (Chabbisodhana sutta)
113. Kinh Chân nhân (Sappurisa sutta)
114. Kinh Nên hành trì, không nên hành trì (Sevitabba-asevitabba sutta)
115. Kinh Đa giới (Bahudhātuka sutta)
116. Kinh Thôn tiên (Isigili sutta)
117. Đại kinh Bốn mươi (Mahācattārisaka sutta)
118. Kinh Nhập tức, Xuất tức niệm (Kinh Quán niệm hơi thở) (Anāpānasati sutta)
119. Kinh Thân hành niệm (Kāyagatāsati sutta)
120. Kinh Hành sanh (Sankhārūpapatti sutta)
121. Kinh Tiểu không (Cūlasunnata sutta)
122. Kinh Đại không (Mahāsunnata sutta)
123. Kinh Hy hữu vị tăng hữu pháp (Acchariya-abbhūta-dhamma sutta)
124. Kinh Bạc-câu-la (Bakkula sutta)
125. Kinh Điều ngự địa (Dantabhūmi sutta)
126. Kinh Phù-di (Bhūmija sutta)
127. Kinh A-na-luật (Anuruddha sutta)
128. Kinh Tùy phiền não (Upakkilesa sutta)
129. Kinh Hiền Ngu (Bālāpandita sutta)
130. Kinh Thiên sứ (Devadūta sutta)
131. Kinh Nhất dạ hiền giả (Bhaddekaratta sutta)
132. Kinh A-nan Nhất dạ hiền giả (Anandabhaddekaratta sutta)
133. Kinh Đại Ca-chiên-diên Nhất dạ hiền giả (Mahākaccānabhaddekaratta sutta)
134. Kinh Lomasakangiya Nhất dạ hiền giả (Lomasakāṅgiyabhaddekaratta sutta)
135. Tiểu kinh Nghiệp phân biệt (Cūlakammavibhaṅga sutta)
136. Đại kinh Nghiệp phân biệt (Mahākammavibhaṅga)
137. Kinh Phân biệt sáu xứ (Salāyatana-vibhaṅga sutta)
138. Kinh Tổng thuyết và Biệt thuyết (Uddesavibhaṅga sutta)
139. Kinh Vô tránh phân biệt (Araṇavibhaṅga sutta)
140. Kinh Giới phân biệt (Dhātuvibhaṅga sutta)

141. Kinh Phân biệt về Sự thật (Saccavibhanga sutta)
142. Kinh Phân biệt cúng dường (Dakkhinàvibhanga sutta)
143. Kinh Giáo giới Cấp Cô Độc (Anàthapindikovàda sutta)
144. Kinh Giáo giới Channa (Channovàda sutta)
145. Kinh Giáo giới Phú-lâu-na (Punnovàda sutta)
146. Kinh Giáo giới Nandaka (Nandakovàda sutta)
147. Tiểu kinh Giáo giới La-hầu-la (Cùlaràhulovàda sutta)
148. Kinh Sáu sáu (Chachakka sutta)
149. Đại kinh Sáu xứ (Mahàsalàyanika sutta)
150. Kinh Nói cho dân Nagaravinda (Nagaravindeyya sutta)
151. Kinh Khất thực thanh tịnh (Pindapàtapàrisuddhi sutta)
152. Kinh Căn tu tập (Indriyabhàvanà sutta)

Phần 3

Tương Ứng Bộ Kinh Samyutta Nikaya

Tương Ứng Bộ kinh là một tập hợp các bài kinh dài ngắn không đều, nhưng đa số là các bài kinh ngắn, được sắp xếp và kết nhóm theo từng loại chủ đề, gọi là Tương Ứng (Samyutta). Có tất cả là 56 Tương Ứng, được bố trí vào 5 tập, gọi là 5 Thiên (Vagga):

1. Thiên Có Kệ (Sagàthavagga Samyuttapàli): 11 Tương Ứng
2. Thiên Nhân Duyên (Nidānavagga Samyuttapàli): 10 Tương Ứng
3. Thiên Uẩn (Khandavagga Samyuttapàli): 13 Tương Ứng
4. Thiên Sáu Xứ (Salāyanavagga Samyuttapàli): 10 Tương Ứng
5. Thiên Đại Phẩm (Mahāvagga Samyuttapàli): 12 Tương Ứng

Mục lục tổng quát

Tập I - Thiên Có Kệ

- [01] Chương Một: Tương Ứng Chư Thiên
- [02] Chương Hai: Tương Ứng Thiên Tử
- [03] Chương Ba: Tương Ứng Kosala
- [04] Chương Bốn: Tương Ứng Ác Ma
- [05] Chương Năm: Tương Ứng Tỷ Kheo Ni

- [06] Chương Sáu: Tương Ứng Phạm Thiên
- [07] Chương Bảy: Tương Ứng Bà La Môn
- [08] Chương Tám: Tương Ứng Trưởng Lão Vangisa
- [09] Chương Chín: Tương Ứng Rừng
- [10] Chương Mười: Tương Ứng Dạ Xoa
- [11] Chương Mười Một: Tương Ứng Sakka

Tập II - Thiên Nhân Duyên

- [12] Chương Một: Tương Ứng Nhân Duyên [a, b, c]
- [13] Chương Hai: Tương Ứng Minh Kiến
- [14] Chương Ba: Tương Ứng Giới
- [15] Chương Bốn: Tương Ứng Vô Thi
- [16] Chương Năm: Tương Ứng Kassapa
- [17] Chương Sáu: Tương Ứng Lợi Ích Đắc Cung Kính
- [18] Chương Bảy: Tương Ứng Rahula
- [19] Chương Tám: Tương Ứng Lakkhana
- [20] Chương Chín: Tương Ứng Thí Dụ
- [21] Chương Mười: Tương Ứng Tỷ Kheo

Tập III - Thiên Uẩn

- [22] Chương Một: Tương Ứng Uẩn [a, b, c, d, e, f, g]
- [23] Chương Hai: Tương Ứng Radha
- [24] Chương Ba: Tương Ứng Kiến
- [25] Chương Bốn: Tương Ứng Nhập
- [26] Chương Năm: Tương Ứng Sanh
- [27] Chương Sáu: Tương Ứng Phiền Nảo
- [28] Chương Bảy: Tương Ứng Sàriputta
- [29] Chương Tám: Tương Ứng Loài Rồng
- [30] Chương Chín: Tương Ứng Kim Xí Điều
- [31] Chương Mười: Tương Ứng Càn-Thát-Bà
- [32] Chương Mười Một: Tương Ứng Thần Mây
- [33] Chương Mười Hai: Tương Ứng Vacchagota
- [34] Chương Mười Ba: Tương Ứng Thiên

Tập IV - Thiên Sáu Xứ

[35] Chương Một: Tương Ứng Sáu Xứ [a, b, c, d, e, f, g]

[36] Chương Hai: Tương Ứng Thọ

[37] Chương Ba: Tương Ứng Nữ Nhân

[38] Chương Bốn: Tương Ứng Jambukhàdaka

[39] Chương Năm: Tương Ứng Sàmandaka

[40] Chương Sáu: Tương Ứng Moggalàna

[41] Chương Bảy: Tương Ứng Tâm

[42] Chương Tám: Tương Ứng Thân Trưởng

[43] Chương Chín: Tương Ứng Vô Vi

[44] Chương Mười: Tương Ứng Không Thuyết

Tập V - Thiên Đại Phẩm

[45] Chương Một: Tương Ứng Đạo [a, b]

[46] Chương Hai: Tương Ứng Giác Chi [a, b]

[47] Chương Ba: Tương Ứng Niệm Xứ [a, b]

[48] Chương Bốn: Tương Ứng Căn [a, b]

[49] Chương Năm: Tương Ứng Chánh Căn

[50] Chương Sáu: Tương Ứng Lực

[51] Chương Bảy: Tương Ứng Như Ý Túc

[52] Chương Tám: Tương Ứng Anuruddha

[53] Chương Chín: Tương Ứng Thiền

[54] Chương Mười: Tương Ứng Hơi Thở Vô, Hơi Thở Ra

[55] Chương Mười Một: Tương Ứng Dự Lưu [a, b]

[56] Chương Mười Hai: Tương Ứng Sự Thật [a, b]

Phần 4

Tăng Chi Bộ Kinh (*Anguttara Nikaya*)

Kinh Tăng Chi Bộ là một bộ kinh được sắp theo pháp số, từ một pháp đến mười một pháp, phân thành 11 chương (nipàtas). Mỗi chương lại chia thành nhiều phẩm (vaggas). Chương Một Pháp (Ekaka Nipàta) gồm các kinh đề cập đến một pháp. Chương Hai

Pháp (Duka Nipàta) gồm các kinh có liên quan đến hai pháp, v.v... và tuần tự như thế đến Chương Mười Một Pháp (Ekàdasaka Nipata) gồm các kinh có đề cập đến 11 pháp. Tổng cộng số kinh được ghi nhận là 2,308 bài kinh, nhưng con số này không thống nhất vì số kinh phân biệt không được rõ ràng, và có học giả tính theo số đoạn, tổng cộng là 7,557.¹

Mục lục tổng quát

Chương Một Pháp

Phẩm 01-14

- | | | |
|--------------------------|----------------------------------|------------------------|
| 01. Phẩm Sắc | 02. Phẩm Đoạn Triền Cái | 03. Phẩm Khó Sử Dụng |
| 04. Phẩm Không Điều Phục | 05. Phẩm Đặt Hướng Và Trong Sáng | 06. Phẩm Búng Ngón Tay |
| 07. Phẩm Tinh Tấn | 08. Phẩm Làm Bạn Với Thiện | 09. Phẩm Phóng Dật |
| 10. Phẩm Phi Pháp | 11. Phẩm Thứ Mười Một | 12. Phẩm Vô Phạm |
| 13. Phẩm Một Người | 14. Phẩm Người Tối Thắng | |

Phẩm 15-21

- | | | |
|----------------------------|--------------------------|-------------------------|
| 15. Phẩm Không Thê Có Được | 16. Phẩm Một Pháp | 17. Phẩm Chung Từ |
| 18. Phẩm Makkhali | 19. Phẩm Không Phóng Dật | 20. Phẩm Thiện Định (1) |
| 21. Phẩm Thiện Định (2) | | |

Chương Hai Pháp

Phẩm 01-04

- | | | |
|-------------------------|---------------------|--------------------|
| 01. Phẩm Hình Phạt | 02. Phẩm Tranh Luận | 03. Phẩm Người Ngu |
| 04. Phẩm Tâm Thăng Bằng | | |

Phẩm 05-17

- | | | |
|------------------|-----------------------|--------------------|
| 07. Phẩm Lạc | 05. Phẩm Hội Chúng | 06. Phẩm Người |
| 10. Phẩm Kẻ Ngu | 08. Phẩm Tướng | 09. Phẩm Các Pháp |
| 13. Phẩm Bồ Thí | 11. Phẩm Các Hy Vọng | 12. Phẩm Hy Cầu |
| 16. Phẩm Phần Nô | 14. Phẩm Đón Chào | 15. Phẩm Nhập Định |
| | 17. Phẩm Thứ Mười Bảy | |

Chương Ba Pháp

Phẩm 01-04

- | | | |
|--------------------------|------------------------|----------------|
| 01. Phẩm Người Ngu | 02. Phẩm Người Đóng Xe | 03. Phẩm Người |
| 04. Phẩm Sứ Giả Của Trời | | |

Phẩm 05-07

¹ Bình Anson (2000), lời giới thiệu Kinh Tăng Chi Bộ, trích từ <https://www.budsas.org/uni/u-kinh-tangchibo/tangchi00.htm>

05. Phẩm Nhỏ

06. Phẩm Các Bà-la-môn

07. Phẩm Lớn

Phẩm 08-10

08. Phẩm Ananda

09. Phẩm Sa-môn

10. Phẩm Hạt Muối

Phẩm 11-16

11. Phẩm Chánh Giác

12. Phẩm Đọa Xứ

13. Phẩm Kusinàra

14. Phẩm Kẻ Chiến Sĩ

15. Phẩm Cát Tường

16. Phẩm Lỏa Thề

Chương Bốn Pháp

Phẩm 01-03

01. Phẩm Bhandagàma

02. Phẩm Hành

03. Phẩm Uruvelà

Phẩm 04-06

04. Phẩm Bánh Xe

05. Phẩm Rohitassa

06. Phẩm Nguồn Sanh Phước

Phẩm 07-12

07. Phẩm Nghiệp Công Đức

08. Phẩm Không Hý Luận

09. Phẩm Không Có Rung Động

10. Phẩm Asura

11. Phẩm Mây Mưa

12. Phẩm Kesi

Phẩm 13-18

13. Phẩm Sợ Hãi

14. Phẩm Loài Người

15. Phẩm Ánh Sáng

16. Phẩm Các Căn

17. Phẩm Đạo Hành

18. Phẩm Tư Tâm Sở

Phẩm 19-21

19. Phẩm Chiến Sĩ

20. Đại Phẩm

21. Phẩm Bạc Chân Nhân

Phẩm 22-28

22. Phẩm Ô Uế

23. Phẩm Diệu Hạnh

24. Phẩm Nghiệp

25. Phẩm Sợ Hãi Phạm Tội

26. Phẩm Thắng Trí

27. Phẩm Nghiệp Đạo

28. Phẩm Tham

Chương Năm Pháp

Phẩm 01-06

01. Phẩm Sức Mạnh Hữu Học

02. Phẩm Sức Mạnh

03. Phẩm Năm Phần

04. Phẩm Sumana

05. Phẩm Vua Munda

06. Phẩm Triền Cái

Phẩm 07-12

07. Phẩm Tướng

08. Phẩm Chiến Sĩ

09. Phẩm Trưởng Lão

10. Phẩm Kakudha

11. Phẩm An Ôn Trú

12. Phẩm Andhakavinda

Phẩm 13-18

13. Phẩm Bệnh

14. Phẩm Vua

15. Phẩm Tikandaki

16. Phẩm Diệu Pháp

17. Phẩm Hiềm Hận

18. Phẩm Nam Cư Sĩ

Phẩm 19-26

19. Phẩm Rừng
22. Phẩm Măng Nhiếc
25. Phẩm Ác Hành

20. Phẩm Bà-la-môn
23. Phẩm Du Hành Dài
26. Phẩm Cự Túc Giới

21. Phẩm Kimbila
24. Phẩm Trú Tại Chỗ

Chương Sáu Pháp

Phẩm 01-03

01. Phẩm Đáng Được Cung Kính

02. Phẩm Cần Phải Nhớ

03. Phẩm Trên Tất Cả

Phẩm 04-05

04. Phẩm Chư Thiên

05. Phẩm Dhammika

Phẩm 06-12

07. Phẩm Chư Thiên
10. Phẩm Lợi Ích

08. Phẩm A-la-hán
11. Phẩm Ba Pháp

06. Đại Phẩm
09. Phẩm Mát Lạnh
12. Phẩm Các Kinh Không Nhiếp Trong Phẩm

Chương Bảy Pháp

Phẩm 01-03

01. Phẩm Tài Sản

02. Phẩm Tùy Miên

03. Phẩm Vaji (Bạt-kỳ)

Phẩm 04-06

04. Phẩm Chư Thiên

05. Phẩm Đại Tế Đàn

06. Phẩm Không Tuyên Bố

Phẩm 07-09

07. Đại Phẩm

08. Phẩm Về Luật

09. Phẩm Các Kinh Không Nhiếp

Chương Tám Pháp

Phẩm 01-03

01. Phẩm Từ

02. Phẩm Lớn

03. Phẩm Gia Chủ

Phẩm 04-06

04. Phẩm Bồ Thái

05. Phẩm Ngày Trai Giới

06. Phẩm Gotamì

Phẩm 07-10

07. Phẩm Đất Rung Động
10. Tham Ái

08. Phẩm Song Đôi

09. Phẩm Niệm

Chương Chín Pháp

Phẩm 01-03

01. Phẩm Chánh Giác

02. Phẩm Tiếng Rống Sư Tử

03. Phẩm Chỗ Cư Trú Các Hữu Tình

Phẩm 04-10

04. Đại Phẩm

07. Phẩm Niệm Xứ

10. Phẩm Tham

05. Phẩm Pancala

08. Phẩm Chánh Cần

06. Phẩm An Ổn

09. Phẩm Bốn Như Ý Túc

Chương Mười Pháp

Phẩm 01-03

01. Phẩm Lợi Ích

02. Phẩm Hộ Trì

03. Phẩm Lớn

Phẩm 04-06

04. Phẩm Upàli và Ananda

05. Phẩm Măng Nhiếp

06. Phẩm Tâm Của Minh

Phẩm 07-09

07. Phẩm Song Đôi

08. Phẩm Ước Nguyên

09. Phẩm Trưởng Lão

Phẩm 10-12

10. Phẩm Nam Cư Sĩ

11. Phẩm Sa-môn Tướng

12. Phẩm Đi Xuống

Phẩm 13-22

13. Phẩm Thanh Tịnh

16. Phẩm Người

19. Phẩm Thánh Đạo

22. Phẩm Không Có Đầu Đè

14. Phẩm Thiên Lương

17. Phẩm Janussoni

20. Phẩm Các Hạng Người

15. Phẩm Thánh Đạo

18. Phẩm Thiện Lương

21. Phẩm Thân Do Nghiệp Sanh

Chương Mười Một Pháp

Phẩm 01-03

01. Phẩm Y Chỉ

02. Phẩm Tùy Niệm

3. Phẩm Tổng Kết

Phần 5

Tiểu Bộ Kinh (Khuddaka Nikaya)

Tiểu Bộ kinh chứa đựng số lượng kinh lớn nhất trong năm bộ Nikàya, 15 tập, trong khi Trường Bộ (3 tập), Trung Bộ (3 tập), Tương Ưng Bộ (5 tập) và Tăng Chi Bộ (3 tập).

Chữ "Tiểu" ở đây, theo các vị luận sư, muốn chỉ tính cách hỗn hợp nhiều đề tài được diễn tả bằng nhiều thể văn khác nhau, từ các kinh kệ ngắn gọn do Đức Phật thuyết giảng, các tiền thân Đức Phật với hàng ngàn bài kệ do các vị Tỷ kheo cảm tác, tiểu sử các Đức Phật, các vị A la hán, sự tích Thiên cung, Ngạ quỷ do chư vị kết tập kinh điển biên soạn v.v..., đến các luận thư phân tích giáo lý mở đầu cho văn học A Tì Đàm (Abhidhamma) của Luận tạng về sau. Nói chung, Tiểu Bộ kinh là một hợp tuyển đa diện gồm 15 tập theo thứ tự như sau:

1) Khuddaka Pàtha (Tiểu tụng): gồm 9 kinh và kệ ngắn gọn do Đức Phật thuyết về Tam quy, Thập giới, Các điềm lành, Phật bảo, Lòng từ v.v. cho các đệ tử mới học đạo.

2) Dhammapada (Pháp cú): gồm 423 bài kệ do Đức Phật thuyết được sắp theo các chủ đề trong 26 phẩm, là tập kinh phổ biến nhất trong các nước theo đạo Phật Nam truyền vì tính cách cô đọng phần cốt tủy của giáo lý qua các bài kệ ngắn gọn làm nền tảng của nếp sống đạo, từ đó nhiều bộ kinh lớn được phát triển về sau.

3) Udàna (Cảm hứng ngữ, Phật tự thuyết): gồm 80 chuyện gọi niềm cảm hứng để Đức Phật phát biểu những vấn đề hoan hỷ có tính cách giáo dục và khích lệ hội chúng, được chia làm 8 phẩm.

4) Itivuttaka (Phật thuyết như vậy): gồm 112 kinh chia ra 4 chương theo lối văn xuôi pha lẫn thơ kệ. Tập này cũng trích dẫn những cảm hứng ngữ trang nghiêm của Đức Phật nhưng bắt đầu bằng câu "Đây là điều được Đức Thế Tôn thuyết và tôi nghe như vậy".

5) Suttanipàta (Kinh tập): gồm 71 kinh trong 5 chương viết theo thể kệ, miêu tả hoàn cảnh xã hội cổ Ấn Độ và bàn luận những lời dạy đầy tính cách triết học và đạo đức của Đức Phật, cùng lý tưởng trong nếp sống thanh tịnh của các Tỷ kheo.

6) Vimanavatthu (Chuyện Thiên cung): gồm 85 chuyện chia ra 7 chương, miêu tả mọi cảnh huy hoàng của các lâu đài Thiên giới ở đời sau dành cho những người sống theo chánh đạo và làm thiện sự ở đời này.

7) Petavatthu (Chuyện Ngạ quỷ): gồm 51 chuyện trong 4 chương miêu tả cảnh giới khổ đau của các loài quỷ do ác nghiệp của chúng tạo ra ở đời này. Cả hai tập chuyện Thiên cung và Ngạ quỷ này nhằm nói lên tương quan giữa Nghiệp và Quả, cùng khích lệ sự tu tập của giới tại gia.

8) Theragàthà (Trưởng lão Tăng kệ): gồm 1,360 bài thơ kệ do 264 vị Tỷ kheo cảm tác từ đời sống tu tập của chư vị.

9) Therigàthà (Trưởng lão Ni kệ): gồm 524 bài kệ do 73 Tỷ kheo ni cảm tác. Cả hai tập thi kệ Theragàthà và Therigàthà được đánh giá là những tác phẩm đẹp nhất trong văn học Ấn Độ vì tính cách mang nặng tình người hòa lẫn thiên vị của các đệ tử Phật. Đây là những khúc hoan ca phản ánh đời sống thanh tịnh của những người tầm cầu giải thoát giác ngộ, chân hạnh phúc.

10) Jātaka (Bổn sanh hay Chuyện tiền thân Đức Phật): gồm 547 chuyện ngắn và dài theo thể văn xuôi xen kẽ thi kệ trong 22 chương, theo thứ tự các bài kệ tăng dần từ chương một với một bài kệ cho đến chương 22, chấm dứt với tiền thân Vessantara nổi tiếng qua cả ngàn bài kệ. Các chuyện tiền thân có mục đích tạo niềm tin vào đạo pháp trong mọi tầng lớp xã hội từ vua chúa, Bà la môn cho đến các giới bình dân cùng khổ. Đối với các học giả, các chuyện tiền thân có tầm quan trọng lịch sử vì chúng được xây dựng trong khung cảnh Ấn Độ cổ đại.

11) Nidesa (Nghĩa tích): là một luận thư trình bày sự phân tích bình giải các vấn đề giáo lý của tập kinh Sutta Nipata. Sách này gồm hai phần: Đại nghĩa tích và Tiểu nghĩa tích.

12) Patisambhidāmagga (Vô ngại giải đạo): một luận thư trình bày các vấn đề phân tích giáo lý theo hình thức hỏi đáp như trong bộ A Tì Đàm. Hai tập kinh này được đánh giá là các tác phẩm tiên phong của văn học A Tì Đàm và được xem là do Tôn giả Sariputta (Xá Lợi Phất) thuyết giảng và bình luận 32 vấn đề giáo lý trong 3 phẩm.

13) Apadana (Sự nghiệp anh hùng): kể theo thể thơ kệ cuộc đời Đức Phật và các Thánh đệ tử của Ngài. Tập kinh gồm 4 phần: cuộc đời Đức Phật Gotama (Thích Ca), 41 vị Độc giác Phật, và 559 vị Tỷ kheo và Tỷ kheo ni đã trải qua những cuộc chiến đấu anh hùng cao thượng để đạt cứu cánh giải thoát giác ngộ.

14) Buddhavamsa (Phật sử): tập kinh theo thể thơ kệ nói về sự tích 24 vị cổ Phật từ Đức Phật Dipankara (Nhiên Đăng) đến Đức Phật Kassapa (Ca Diếp) và phương cách các Đức Phật chuyển Pháp luân. Tất cả đều do Đức Phật Gotama kể lại từ khi Ngài còn là Bồ tát được Đức Phật Dipankara thọ ký cho đến khi Ngài diệt độ trong Niết bàn Vô dư y.

15) Cariyā Pitaka (Sở hạnh tạng): gồm 35 chuyện tiền thân Đức Phật được kể theo lời thỉnh cầu của Tôn giả Sariputta, với mục đích nêu rõ ý chí tầm cầu giải thoát với nỗ

lực cao độ và sự hy sinh vô thượng mà Bồ tát đã thực hiện qua mười công hạnh Ba la mật (viên mãn) của Ngài.¹

Mục lục tổng quát

Tập I

1.1 Kinh Tiểu Tụng (Việt-Anh)

1.2 Kinh Pháp Cú (Việt-Anh)

1.3 Kinh Phật Tự Thuyết

1.4 Kinh Phật Thuyết Như Vậy

1.5 Kinh Tập

Tập II

2.1 Chuyện Thiên Cung

2.2 Chuyện Nga Quỷ

Tập III

3.1 Trưởng Lão Tăng Kệ

3.2 Trưởng Lão Ni Kệ

Tập IV

Chuyện Tiền Thân I (số 1-120)

Tập V

Chuyện Tiền Thân II (số 121-263)

Tập VI

Chuyện Tiền Thân III (số 264-395)

Tập VII

Chuyện Tiền Thân IV (số 396-472)

Tập VIII

Chuyện Tiền Thân V (số 473-520)

Tập IX

Chuyện Tiền Thân VI (số 521-539)

Tập X

Chuyện Tiền Thân VII (số 540-547)

¹ Giáo sư Trần Phương Lan (1999), lời giới thiệu Kinh Tiểu Bộ, Trích Nguyệt san Giác Ngộ, 01-1999, <https://www.budsas.org/uni/u-kinh-tieubo1/tieubo-00.htm>

Bài 3

Thăng Pháp Tạng (Abhidhamma Pitaka)

Thăng Pháp Tạng (Abhidhamma Pitaka) còn gọi là Vi Diệu Pháp hay Luận Tạng, đây là tập hợp các bài giảng của Đức Phật về thể tính và sự tương của vạn pháp, phân giải triết học và tâm lý học. Thăng Pháp Tạng gồm có 7 quyển: 1. Pháp tụ (Dhammasangani); 2. Phân biệt (Vibhanga); 3. Giới thuyết (Dhatukatha); 4. Nhân thi thiết (Puggala Pannatti); 5. Biện giải (Kathavathu); 6. Song luận (Yamaka); 7. Nhân duyên thuyết (Patthana).

Phần 1

Pháp Tụ (Dhammasangani)

Bộ Pháp Tụ (Dhammasangani) được Đức Phật thuyết trọn mười hai ngày, trong thời gian ba tháng an cư tại Cung Đạo Lợi (tāvatisa) gồm có 1300 pháp uẩn (Dhammakhandha), 987 đoạn (pabba), bốn chương (kaṇḍa):

- a- Cittupāḍakaṇḍam - Chương tâm sanh
- b- Rūpakaṇḍam - Chương sắc
- c- Nikkhepaṇḍam - Chương toát yếu
- d- Atthuddhāraṇḍam - Chương trích yếu

Bộ Dhammasangani, nội dung xoay chuyển quanh ba loại mẫu đề (mātikā) là:

- Mẫu đề tam: - Tikamātikā
- Mẫu đề nhị: - Dukamātika
- Mẫu đề kinh: - Suttantamātikā.

Mẫu đề tam có hai mươi hai đề tài, gồm sáu mươi sáu câu, như đề thiện (kusalatika) gồm: - các pháp thiện (kusalā dhammā) - các pháp bất thiện (akusalā dhammā) - các pháp vô ký (abyākatā dhammā) v.v... Như vậy mỗi đề có ba câu, nên hai mươi hai đề có sáu mươi sáu câu.

Mẫu đề nhị có một trăm đại đề, gồm hai trăm tiểu đề, như đề nhân (hetuduka) gồm: - Các pháp nhân (hetū dhammā) - Các pháp phi nhân (no hetū dhammā) v.v... Như vậy mỗi đại đề có hai tiểu đề, nên một trăm đại đề có hai trăm tiểu đề.

Mẫu đề kinh có bốn mươi hai đầu đề, gồm tám mươi bốn câu. Mẫu đề này, mỗi đề cũng nói lên hai khía cạnh, nhưng không cân đối nhau, chỉ nói từng đôi pháp theo ý nghĩa kinh tạng, như đề phần minh (Vijjābhāgīduka) có hai câu là: - các pháp phần minh (Vijjābhāgino dhammā) và - các pháp phần vô minh (Avijjābhāgino dhammā) v.v...

Khi nêu lên một đề pháp nào trong mỗi đại tiền đề, Bộ Dhammasangani đã trình bày chi pháp của đề pháp đó. Điểm đặc sắc khác của Bộ Dhammasangani là định nghĩa làm

sáng tỏ tâm, sở hữu tâm, sắc pháp. Đặc điểm này đã gây hứng thú và lợi ích cho những học giả nghiên cứu.

Về hình thức, Bộ Dhammasaṅgani dẫn giải theo cách vấn đáp, nghĩa là có một câu hỏi đưa ra thì có một câu giải đáp liền đó. Đặc điểm này cũng giúp nhiều lợi ích, do có sự nhấn mạnh mỗi vấn đề, nên dễ chú ý, dễ nắm lấy ý nghĩa.

Như vậy bộ Dhammasaṅgani là một Bộ Luận có giá trị then chốt, là chìa khóa để mở cửa kho tàng vô tỷ, không thể không nắm căn bản Bộ Pháp Tụ này mà nghiên cứu để dàng các Bộ luận khác; một cơ sở mà các học giả nghiên cứu Tạng Abhidhamma phải đứng trên đó.

Bộ Dhammasaṅgani cũng có thể là Bộ sách làm cơ sở cho Pháp môn Thiền Quán, là một cẩm nang cho các hành giả tu tuệ, muốn thấu đáo tinh tường đề mục tu tập như:

- Danh sắc, ngũ uẩn, trạng thái tâm, sở hữu tâm, sắc pháp v.v...

Chính Bộ Dhammasaṅgani này giải rõ các vấn đề.¹

Mục lục tổng quát

- [01] Mẫu đề
 - I. Chương Tâm Sanh
 - Thiện dục giới
- [02] Thiện sắc giới
 - Thiện vô sắc giới
 - Thiện siêu thế
- [03] Pháp bất thiện
 - Pháp vô ký
- [04] II. Chương Sắc
- [05] II. Chương Sắc (tiếp theo)
- [06] III. Chương Toát Yếu
- [07] III. Chương Toát Yếu (tiếp theo)
- [08] IV. Chương Trích Yếu
- [09] Trích cú Từ điển

Phần 2

Phân biệt Vibhaṅga

Theo truyền thuyết, Bộ Phân biệt / Phân tích (Vibhaṅga), được Đức Phật thuyết 12 ngày, trong thời gian an cư mùa mưa năm thứ 7 (kể từ lúc thành đạo) tại Tāvātimsa, gồm có 6.500 Pháp uẩn (Dhammakkhanda), 1.118 đoạn (Pabba), 18 chương (Kanda), và có 70 triệu chư Thiên chứng quả. Bộ Vibhaṅga có tầm quan trọng đáng kể về hệ phân tích; đóng vai trò phân tích chi tiết, cụ thể và sáng tỏ cho từng vấn đề. Sự tỉ mỉ này giúp người thừa kế Đạo nghiệp không lầm lẫn chánh pháp với tà đạo bởi những cụm từ tối nghĩa, ẩn ngữ và mật ngôn.

Là các pháp căn bản cho sự tu tập, nhất là thiền quán (Vipassanā):

- Uẩn phân tích (Khandhavibhaṅga)
- Xứ phân tích (Āyatanavibhaṅga)

¹ Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ SANTAKICCA Mahā Thera (1975), dịch giả Bộ Pháp Tụ DHAMMASAṅGANI.

- Giới phân tích (Dhātuviḥaṅga)
- Đế phân tích (Saccaviḥaṅga)
- Quyền phân tích (Indriyaviḥaṅga)
- Duyên phân tích (Paccayaviḥaṅga)
- Niệm phân tích (Sativihāṅga)
- Cần phân tích (Viriyaḥaṅga)
- Thần túc phân tích (Iddhipādaḥaṅga)
- Giác chi phân tích (Bodhipakkhiyaḥaṅga)
- Đạo phân tích (Maggaviḥaṅga) v.v...¹

Mục lục tổng quát

Tập 1

- [00] Lời tựa
Lời giới thiệu
- [01] Uẩn Phân tích theo Kinh
Uẩn Phân tích theo Vi Diệu Pháp
- [02] Uẩn Phân tích theo Vi Diệu Pháp (tiếp theo)
Phần Uẩn Vấn Đáp
- [03] Xứ Phân tích theo Kinh
Xứ Phân tích theo Vi Diệu Pháp
Phần Xứ Vấn Đáp
- [04] Giới Phân tích theo Kinh
Giới Phân tích theo Vi Diệu Pháp
Phần Giới Vấn Đáp
- [05] Đế Phân tích theo Kinh
Đế Phân tích theo Vi Diệu Pháp
Phần Đế Vấn Đáp
- [06] Quyền Phân tích theo Vi Diệu Pháp
Phần Quyền Vấn Đáp
- [07] Duyên khởi Phân tích theo Kinh
Mẫu Đề Vi Diệu Pháp
Duyên khởi Phân theo Vi Diệu Pháp
- [08] Duyên khởi Phân theo Vi Diệu Pháp (tiếp theo)
- [09] Niệm Xứ Phân tích theo Kinh
Niệm Xứ Phân tích theo Vi Diệu Pháp
Phần Niệm Xứ Vấn Đáp
- [10] Tứ Chánh Cần Phân tích theo Kinh
Tứ Chánh Cần Phân tích theo Vi Diệu Pháp
Phần Tứ Chánh Cần Vấn Đáp
Tứ Thần Túc Phân tích theo Kinh
Tứ Thần Túc Phân tích theo Vi Diệu Pháp
Phần Tứ Thần Túc Vấn Đáp
- [11] Giác chi Phân tích theo Kinh
Giác chi Phân tích theo Vi Diệu Pháp
Phần Giác chi Vấn Đáp

¹ Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ SANTAKICCA Mahā Thera (1975), dịch giả Bộ Phân Tích Vibhaṅga.

Đạo Phân tích theo Kinh
Đạo Phân tích theo Vi Diệu Pháp
Phần Đạo Vấn Đáp

Tập 2

- [01] Thiền Phân tích theo Kinh
Thiền Phân tích theo Vi Diệu Pháp
Phần Thiền Vấn Đáp
- [02] Tứ Vô Lượng Phân tích theo Kinh
Tứ Vô Lượng Phân tích theo Vi Diệu Pháp
Phần Tứ Vô Lượng Vấn Đáp
- [03] Điều Học Phân tích theo Vi Diệu Pháp
Phần Điều Học Vấn Đáp
- [04] Tứ Đạt Thông Phân tích theo Kinh
Tứ Đạt Thông Phân tích theo Vi Diệu Pháp
Phần Tứ Đạt Thông Vấn Đáp
- [05] Trí Phân Tích
- [06] Tiểu Tông Phân Tích
- [07] Pháp Tâm Phân Tích
- [08] Từ vựng Pali-Việt

Phần 3

Giới thuyết (Dhatukatha)

Bộ Giới thuyết (Dhatukatha) luận kỹ thêm về Uẩn, Xứ và Giới, gồm vài trăm câu hỏi và trả lời về uẩn, xứ và giới. Bộ luận này là một siêu tác phẩm về tâm lý học đạo đức. Tâm lý con người được chẻ ra từng miếng nhỏ, phân tích tỉ mỉ. Điểm đáng chú ý, sự rất khó hiểu của Uẩn, Xứ và Giới được diễn giải qua các đồ biểu, giúp cho việc nghiên cứu được dễ dàng hơn.

Mục lục tổng quát

- [01] PHẦN ĐẦU ĐỀ [1]
XIÊN MINH CÂU YẾU HIỆP VÀ BẤT YẾU HIỆP [2]
- [02] XIÊN MINH CÂU BẤT YẾU HIỆP THEO YẾU HIỆP [167]
XIÊN MINH CÂU YẾU HIỆP THEO BẤT YẾU HIỆP [175]
XIÊN MINH CÂU YẾU HIỆP THEO YẾU HIỆP [187]
XIÊN MINH CÂU BẤT YẾU HIỆP THEO BẤT YẾU HIỆP [189]
XIÊN MINH CÂU TƯƠNG ỨNG, BẤT TƯƠNG ỨNG [224]
- [03] XIÊN MINH CÂU BẤT TƯƠNG ỨNG THEO TƯƠNG ỨNG [302]
XIÊN MINH CÂU TƯƠNG ỨNG THEO BẤT TƯƠNG ỨNG [313]
XIÊN MINH CÂU TƯƠNG ỨNG THEO TƯƠNG ỨNG [315]
XIÊN MINH CÂU BẤT TƯƠNG ỨNG THEO BẤT TƯƠNG ỨNG [349]
XIÊN MINH CÂU TƯƠNG ỨNG, BẤT TƯƠNG ỨNG THEO YẾU HIỆP [405]
XIÊN MINH CÂU YẾU HIỆP, BẤT YẾU HIỆP THEO TƯƠNG ỨNG [413]

- [04] XIÊN MINH CÂU TƯƠNG ỨNG, BẤT TƯƠNG ỨNG THEO BẤT YẾU HIỆP [444]
 XIÊN MINH CÂU YẾU HIỆP, BẤT YẾU HIỆP THEO BẤT TƯƠNG ỨNG [452]
- [05] TRÍCH CÚ TỪ ĐIỂN

Phần 4

Nhân thi thuyết Puggala Pannatti

Bộ Nhân thi thuyết (Puggala pannatti) luận bàn và phân biệt giữa giới xuất gia và tại gia, luận về 142 loại người khác nhau. Đây là bộ luận ngắn nhất trong 7 bộ luận của Luận Tạng Pali. Bộ luận chỉ rõ Đức Phật rất hiểu từng loại người trong thế gian qua sự phân loại tinh vi.

Mục lục tổng quát

- [01] PHẦN XIÊN THUẬT [1]
 UÂN CHẾ ĐỊNH [2]
 XỨ CHẾ ĐỊNH [3]
 GIỚI CHẾ ĐỊNH [4]
 ĐẾ CHẾ ĐỊNH [5]
 QUYỀN CHẾ ĐỊNH [6]
 NHƠN CHẾ ĐỊNH
- ĐẦU ĐỀ MỘT CHI [7]
 ĐẦU ĐỀ HAI CHI [8]
 ĐẦU ĐỀ BA CHI [9]
 ĐẦU ĐỀ BỐN CHI [10]
 ĐẦU ĐỀ NĂM CHI [11]
 ĐẦU ĐỀ SÁU CHI [12]
 ĐẦU ĐỀ BẢY CHI [13]
 ĐẦU ĐỀ TÁM CHI [14]
 ĐẦU ĐỀ CHÍN CHI [15]
 ĐẦU ĐỀ MƯỜI CHI [16]
- [02] PHẦN XIÊN MINH
 XIÊN MINH PHẦN MỘT CHI [17]
 XIÊN MINH PHẦN HAI CHI [58]
 XIÊN MINH PHẦN BA CHI [84]
- [03] XIÊN MINH PHẦN BỐN CHI [104]
 XIÊN MINH PHẦN NĂM CHI [141]
 XIÊN MINH PHẦN SÁU CHI [147]
 XIÊN MINH PHẦN BẢY CHI [148]
 XIÊN MINH PHẦN TÁM CHI [150]
 XIÊN MINH PHẦN CHÍN CHI [151]
 XIÊN MINH PHẦN MƯỜI CHI [152]
- [04] TRÍCH CÚ TỪ ĐIỂN

Phần 5

Biện giải (Kathavatthu)

Bộ Kathavatthu dịch là "Những điểm dị biệt" (Points of Controversy) là bộ thứ năm trong bảy bộ của Luận tạng thuộc hệ thống Pāli tạng. Tác giả của bộ sách này là Đại Đức Trưởng lão Moggaliputta Tissa thời vua A Dục, chính ngài làm chủ tọa kỳ kết tập Tam Tạng lần thứ ba tại Palalipputta vào năm 246 trước Tây Lịch. Tại hội nghị này, bộ sách của Ngài được đưa vào Luận tạng.

Bản chú giải tập Athāsālini ghi nhận rằng thời đại Vua A Dục có tám tông phái khác nhau, về sau lại phát triển thêm và đến thế kỷ thứ hai sau Phật lịch, người ta tìm thấy có 18 tông phái. Tập "Những điểm dị biệt" gồm có 216 luận điểm, liên hệ đến các vấn đề Phật đà quan, về các bậc Thánh, về Thánh đạo, về nhân sinh quan, phàm phu - Chư thiên, về vũ trụ quan, trạng thái hiện hữu, hư không, địa ngục v.v..¹

Theo truyền thống Thượng Tọa bộ (Theravāda), Bộ Biện giải / Ngũ Tông (Kathavatthu) được hình thành trong kỳ kết tập thứ ba vào năm 246 trước Tây Lịch, dưới thời vua A Dục và đặt dưới sự chủ tọa của Ngài Moggaliputta Tissa.

Đây là một tập, vừa ghi chép các quan điểm của các bộ phái không thuộc phái Thượng Tọa bộ (Theravāda) vừa trình bày quan điểm của phái Thượng Tọa bộ về những điểm ấy. Như vậy, tập này là những tư liệu để những ai muốn tìm hiểu sự hình thành các bộ phái, các quan điểm dị đồng và những tranh cãi không thể nào tránh khỏi giữa các bộ phái ấy, có thể có những tư liệu quý giá về sự sai biệt giữa các bộ phái Phật giáo.

Tập này chỉ lưu hành nội bộ dành cho Phật tử, Tăng ni, những nhà nghiên cứu về luận A-tỳ-đàm (Abhidhamma).²

Mục lục tổng quát

- [00] Lời giới thiệu
- Lời nói đầu
- Những chữ viết tắt
- Phân loại theo đề tài
- Phân loại theo tông phái

[01] CHƯƠNG I.

1. Vấn đề hiện hữu của một thực ngã (Puggalakathā)

- [02] 2. Vấn đề hoại lìa quả vị A-la-hán (Panihānikathā)
- 3. Vấn đề đời sống Phạm hạnh (Brahmacariyakathā)
- 4. Vấn đề thanh lọc (Odhisokathā)
- 5. Vấn đề thanh lọc ô nhiễm (Jahatikathā)
- 6. Vấn đề hiện hữu cùng các pháp (Sabbamatthīkathā)
- 7. Vấn đề uẩn quá khứ (Atītakhandahātīkathā)
- 8. Vấn đề hiện hữu của quá khứ và vị lai (Ekaccamatthīkathā)
- 9. Vấn đề niệm xứ (Satipatthānakathā)

¹ Lược trích lời giới thiệu Bộ Kathavatthu. Dịch giả Phật Tử Tâm An - Minh Tuệ. <https://www.budsas.org/uni/u-vdp5/vdp5-00.htm>

² Lược trích lời giới thiệu Bộ Kathavatthu, dịch giả Phật Tử Tâm An - Minh Tuệ, của Hòa Thượng THÍCH MINH CHÂU, 1987. <https://www.budsas.org/uni/u-vdp5/vdp5-00.htm>

10. Vấn đề hiện hữu của các pháp (Hevatthitikathā)

[03] CHUỖNG II

1. Vấn đề ô nhiễm của bậc A-la-hán (Parupahāarakathā)
2. Vấn đề trị kiến của bậc A-la-hán (Annānakathā)
3. Vấn đề hoài nghi của bậc A-la-hán (Kankhākathā)
4. Vấn đề siêu phàm của bậc A-la-hán (Paravitāranākathā)
5. Vấn đề phát âm trong lúc nhập thiền (Vacibhedakathā)
6. Vấn đề thành đạt tuệ bằng tiếng "Khổ" (Dukkāhāarakathā)
7. Vấn đề đình trụ của tâm (Cittatthikathā)
8. Vấn đề thống khổ của thế gian (Kukkulakathā)
9. Vấn đề tiến trình chứng ngộ (Anupubbābhisamayakathā)
10. Vấn đề ngôn ngữ của Đức Phật (Vohāarakathā)
11. Vấn đề diệt độ (Nirodha Kathā)

[04] CHUỖNG III.

1. Vấn đề Như Lai Lực (Balakathā)
2. Vấn đề thánh lực (Ariyantikathā)
3. Vấn đề giải thoát (Vimuccatikathā)
4. Vấn đề tiến trình giải thoát (Vimuccamānakathā)
5. Vấn đề người thứ tám (Atthamakakathā)
6. Vấn đề Quyền của người thứ tám (Atthamkssaindriyakathā)
7. Vấn đề Thiên Nhân (Dibbacakkhukathā)
8. Vấn đề Thiên Nhĩ (Dibbasotakathā)
9. Vấn đề Thiên Nhân minh và hạnh nghiệp chúng sanh (Yāthkammūpaganānakathā)
10. Vấn đề thu thúc ở cõi Chư thiên (Samvarakathā)
11. Vấn đề cõi vô tướng (Asannakathā)
12. Vấn đề cõi Phi tướng phi phi tướng (Nevasannanā sannayatanakathā)

[05] CHUỖNG IV

1. Vấn đề cư sĩ và A-la-hán (Gahissa arahātikathā)
2. Vấn đề tục sinh (Upapattikathā)
3. Vấn đề A-la-hán và cảnh lậu (Anāsavakathā)
4. Vấn đề thánh quả (Samannāgatakathā)
5. Vấn đề A-la-hán và lục xả (Upekkhāsamannāgatakathā)
6. Vấn đề giác ngộ (Bodhiyābuddhotikakathā)
7. Vấn đề tướng hảo (Lakkhannakathā)
8. Vấn đề thánh đạo của bồ tát (Niyāmokkantikathā)
9. Vấn đề tùy dụng quả (Aparāpisamannagatakathā)
10. Vấn đề đoạn tận triền cái (Sabbasaññājannappahānakathā)

CHUỖNG V

1. Vấn đề giải thoát (Vimuttakathā)
2. Vấn đề tuệ của bậc vô học (Asekhanāññākathā)
3. Vấn đề ảo giác trong thiền (Viparītakathā)
4. Vấn đề Thánh đạo nhất định (Niyāmakathā)
5. Vấn đề tuệ phân tích (Patisambhidakathā)
6. Vấn đề phàm tuệ (Sammattiñānakathā)
7. Vấn đề đối tượng của tâm (Cittarammarakathā)
8. Vấn đề tuệ vị lai

9. Vấn đề tuệ hiện tại
10. Vấn đề tuệ quả (Phalanāna kathā)

CHƯƠNG VI

1. Vấn đề định luật cố nhiên (Niyāmakathā)
2. Vấn đề Y Tương sinh (Paticcasamuppādakathā)
3. Vấn đề Tứ đế (Saccakathā)
4. Vấn đề cõi vô sắc (Arupakathā)
5. Vấn đề nhập Diệt thọ Tưởng định (Nirodhasamāpatti kathā)
6. Vấn đề hư không (Akāsa kathā)
7. Vấn đề hư không là đối tượng của nhãn (Akāsa sanidassanati kathā)
8. Vấn đề Tứ Đại ngũ quyền và Thân nghiệp là đối tượng của nhãn (Pathavidhatu Cakkhundriya kāyakamma Sanidassanāyādikathā)

[06] CHƯƠNG VII

1. Vấn đề phân loại các pháp (Sangahita kathā)
2. Vấn đề tương ứng của các pháp (Sampayutta kathā)
3. Vấn đề sở hữu tâm ((Cetasikakathā)
4. Vấn đề bố thí. (Dānakathā)
5. Vấn đề hưởng dụng phước báu (Paribhoga mayapunnakathā)
6. Vấn đề quả của sự bố thí (Itodinnakathā)
7. Vấn đề đại địa và nghiệp (Pathavikammavipākatikathā)
8. Vấn đề lão tử và nghiệp. (Jarāmaranavipākatikathā)
9. Vấn đề nghiệp và quả của bậc thánh (Ariyākammavipākatikathā)
10. Vấn đề pháp nhân và pháp quả (Vipāko vipākadhannadhammoti kathā)

CHƯƠNG VIII

1. Vấn đề lục đạo (Gatikathā)
2. Vấn đề trung hữu (Thân trung âm) (Antarābhavakathā)
3. Vấn đề lạc ở dục giới. (Kāmagunakathā)
4. Vấn đề dục (Kāmakathā)
5. Vấn đề sắc pháp trong cõi sắc giới (Rūpadhatū kathā)
6. Vấn đề phi sắc pháp trong cõi vô sắc giới (Arūpadhatū kathā)
7. Vấn đề xứ trong cõi sắc giới (Rūpadhātuyā āyatana kathā)
8. Vấn đề sắc pháp ở cõi vô sắc giới (Arūperūpa kathā)
9. Vấn đề sắc nghiệp (Rūpamkammatikathā)
10. Vấn đề sắc mạng quyền (Rupejivitindriyakathā)
11. Vấn đề quả nghiệp (Kammahetukathā)

[07] CHƯƠNG IX

1. Vấn đề đoạn tận triền cái (Anisamsakathā)
2. Vấn đề bất tử là đối tượng của triền (Amātarammanakathā)
3. Vấn đề sắc có thể biết cảnh (Rūpam sārammanantikathā)
4. Vấn đề pháp tùy miên không biết cảnh (Anusaya anārammanantikathā)
5. Vấn đề tuệ không biết cảnh (Nānam anārammanantikathā)
6. Vấn đề tâm biết cảnh quá khứ (Atitārammanakathā)
7. Vấn đề tâm biết cảnh vị lai (Anāgatārammanakathā)
8. Vấn đề chi tâm và các sự liên hệ (Vitakhānupatitakathā)
9. Vấn đề Tầm và Tứ là điều kiện phát sanh (Vitakkavipphara saddakathā)
10. Vấn đề ngôn ngữ phù hợp với tư tưởng (Nayathācittassa vā catikathā)

11. Vấn đề hành động phù hợp với tư tưởng (Nayathā cittassakāya kammantikathā)
12. Vấn đề quá khứ, vị lai và hiện tại (Atītānāgata paccupanna kathā)

CHƯƠNG X

1. Vấn đề Diệt độ (Niradhakathā)
2. Vấn đề đạo và sắc pháp (Rūpammaggotikathā)
3. Vấn đề chứng đạo và ngũ thức (Pañcaviññāna sāmangimaggabhāvanākathā)
4. Vấn đề tính cách đạo đức của ngũ thức (Pañcaviññāna kusalāpitikathā)
5. Vấn đề ngũ thức và kiến phước (Pañcaviññāna sabhogātikathā)
6. Vấn đề nguyên tắc của giới luật (Dvīhisīlehi sanannagatotikathā)
7. Vấn đề giới và sở hữu tâm (Sīlam acetasikantikathā)
8. Vấn đề giới và tâm (Sīlam nacittānuparivattītikathā)
9. Vấn đề giới và thọ nguyện giới (Samādānahetukakathā)
10. Vấn đề biểu tri và giới (Viññatti sīlantikathā)
11. Vấn đề vô biểu tri và phi giới (Aviññatti dussīlyantikathā)

CHƯƠNG XI

1. Vấn đề tùy miên (Tissopi anusayakathā)
2. Vấn đề tuệ (Ñānakathā)
3. Vấn đề Tuệ và Tâm (Ñānam citta vippayuttantikathā)
4. Vấn đề phát âm "Đây là Khô" (Idandukkhantikathā)
5. Vấn đề thần thông (Iddhibalakathā)
6. Vấn đề tâm định (Samādhikathā)
7. Vấn đề sự hiện hữu của các pháp (Dhammathitatākathā)
8. Vấn đề vô thường (Aniccatākathā)

CHƯƠNG XII

1. Vấn đề Thu Thúc và Nghiệp (Samvaro kammantikathā)
2. Vấn đề Nghiệp (Kammakathā)
3. Vấn đề Thịnh và Quả (Saddo vipākotikathā)
4. Vấn đề lục nhập (Salāyatannakathā)
5. Vấn đề giới hạn về cách tái sanh của bậc Thất lai (Sattakkhattuparamakathā)
6. Vấn đề lục lai của bậc Dự lưu (Kolankola ekavijīkathā)
7. Vấn đề giới sát sanh của bậc hữu học (Jīvitavoropanakathā)
8. Vấn đề khuynh hướng tà kiến của người chánh kiến (Duggatikathā)
9. Vấn đề khuynh hướng tà kiến của bậc Thất lai (Sattamabhavikakathā)

[08] CHƯƠNG XIII

1. Vấn đề hình phạt trong Vô gián địa ngục (Kappatthakathā)
2. Vấn đề tâm thiện của chúng sanh ở đạo xứ (Kusalacitta patilabhakathā)
3. Vấn đề người xúi giục tạo nghiệp vô gián (Anantarāpayuttakathā)
4. Vấn đề chứng đạo của Bồ tát. (Niyatassa niyamākathā)
5. Vấn đề chướng ngại (Nivutakathā)
6. Vấn đề pháp trói buộc và giải thoát (Sammukhībhūtakathā)
7. Vấn đề pháp lạc của thiền (Samāpanno assādetikathā)
8. Vấn đề đối tượng bất khả ái (Ahātarācakathā)
9. Vấn đề đối tượng của pháp ái là vô ký (Dhammatanhā abyākatātikathā)
10. Vấn đề pháp ái và tập đế (Dhammatanhā na dukkha samudāyotikathā)

CHƯƠNG XIV

1. Vấn đề hòa hợp hỗ tương giữa thiện và bất thiện (Kusalākusalā patisandahanakathā)
2. Vấn đề tăng trưởng của lúc nhập (Sālāya tanuppattikathā)
3. Vấn đề sanh khởi liên tục của các thức (Anantarapaccayakathā)
4. Vấn đề biểu hiện của một bậc Thánh (Ariyarūpakathā)
5. Vấn đề Tùy miên (Anno anusayotikathā)
6. Vấn đề cái bất tương ưng với tâm (Pariyuthāna citta vippayuttantikathā)
7. Vấn đề Sắc ái và Sắc giới (Pariyāpannakathā)
8. Vấn đề vô ký (Abyākataṭṭhā)
9. Vấn đề bất liên quan luân hồi (Apariyāpannakathā)

CHƯƠNG XV

1. Vấn đề lý duyên khởi (Paccāyakathā)
2. Vấn đề Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccayakathā)
3. Vấn đề thời gian (Addhākathā)
4. Vấn đề sát na của thời gian (Khanalayamuhuttakathā)
5. Vấn đề lậu hoặc (A,savakathā)
6. Vấn đề Lão và Tử (Jārāmapanakathā)
7. Vấn đề thiền Diệt thọ tưởng định I (Saññā vedāyitakathā)
8. Vấn đề thiền Diệt Thọ tưởng định II (Dutiya saññā vedāyitakathā)
9. Vấn đề thiền Diệt Thọ tưởng định III (Tatiya saññā vedāyitakathā)
10. Vấn đề thiền Diệt Thọ tưởng định và cõi Vô tưởng (Asaññā sattūpīkākathā)
11. Vấn đề nghiệp và sự tích trữ nghiệp (Kammū pacāyakathā)

CHƯƠNG XVI

1. Vấn đề chế ngự tâm (Niggahakathā)
2. Vấn đề hộ trì tâm (Paggahakathā)
3. Vấn đề ban bố hạnh phúc (Sukhanuppadanakathā)
4. Vấn đề Tác ý (Adhiggaṃ hamasikārakathā)
5. Vấn đề sắc pháp là nhân thiện (Rūpamhetūtikathā)
6. Vấn đề sắc pháp là pháp hữu nhân (Rūpasahetukantikathā)
7. Vấn đề sắc pháp thiện và bất thiện (Rūpam kusalā kusalantikathā)
8. Vấn đề sắc pháp là Di thực quả. (Rūpam vipākotikathā)
9. Vấn đề sắc pháp trong sắc giới và vô sắc giới. (Rūpam rūpāva carārūpavacarantikathā)
10. Vấn đề sắc ái và vô sắc ái. (Rūpārago Rūpadhatu pariyā panrnoti ādikathā)

CHƯƠNG XVII

1. Vấn đề A-la-hán và sự tích trữ phước báu (Atthi arahato puññūpacayotikathā)
2. Vấn đề A-la-hán và sự chết bất đắc kỳ tử (Natthi arahato akālanaccūtikathā)
3. Vấn đề tất cả đều do Nghiệp (Sabbamadan Kammatotikathā)
4. Vấn đề Khổ đế và Quyền (Indriyabaddhakathā)
5. Vấn đề Khổ đế và Thánh đạo (Thapet vā ariya maggantikathā)
6. Vấn đề Tăng bảo và sự thọ dụng phước báu (Na vattabam sangho dukkhinam patiggaṇhātītikathā)
7. Vấn đề Tăng bảo và sự bố thí (Na vattabam sangho dukk chinam Visodhetitikathā)
8. Vấn đề Tăng bảo và sự độ thực (Na vattabam sangho bhhunjaṭītikathā)
9. Vấn đề Tăng bảo và quả bố thí (Na vattabam sanghassa dinram mahapphalantikathā)
10. Vấn đề Đức Phật và quả bố thí (Na vattabam buddhassa dinnam mahapphalantikathā)
11. Vấn đề sự bố thí trong sạch (Dakkinā visuddhikathā)

[09] **CHƯƠNG XVIII**

1. Vấn đề Đức Phật và thế giới nhân loại (Manussa Lokakathā)
2. Vấn đề Đức Phật và sự thuyết pháp (Dhamma desanākathā)
3. Vấn đề Đức Phật và tâm đại bi (Karunākathā)
4. Vấn đề Đức Phật và sự bài tiết (Gandhajātikathā)
5. Vấn đề Thánh đạo duy nhất (Ekamaggakathā)
6. Vấn đề chuyển bậc trong thiền (Jhāra sankantikathā)
7. Vấn đề sự gián đoạn của Thiền (Jhānantarikakathā)
8. Vấn đề Thiền và Cảnh tỉnh (Samāpanno saddam sunatitikathā)
9. Vấn đề Nhân vật và Cảnh sắc (Cakkhunā rūpam passatītikathā)

CHƯƠNG XIX

1. Vấn đề đoạn tận phiền não (Kilesajahanakathā)
2. Vấn đề sự trống rỗng (Suññatākathā)
3. Vấn đề quả của Thánh đạo (Sāmañña phalakathā)
4. Vấn đề sự chứng ngộ (Pattikathā)
5. Vấn đề Chân đế (Tathatākathā)
6. Vấn đề Niết bàn giới (Kusalakathā)
7. Vấn đề phạm phu và định luật cố nhiên (Accanta niyāmakathā)
8. Vấn đề Ngũ quyền (Indriyakathā)

CHƯƠNG XX

1. Vấn đề tội lỗi không cố ý (Asañciccakathā)
2. Vấn đề Tuệ (và phạm phu) (Ñānakathā)
3. Vấn đề Diêm Vương (Nirāyapalakathā)
4. Vấn đề bàng sanh (Tiracchānakathā)
5. Vấn đề Thánh đạo (Maggakathā)
6. Vấn đề Tuệ (Ñānakathā)

CHƯƠNG XXI

1. Vấn đề giáo pháp (Sasanakathā)
2. Vấn đề định nghiệp (Avivittathākathā)
3. Vấn đề Triền (Saññojanakathā)
4. Vấn đề thần thông (Iddhikathā)
5. Vấn đề Chư Phật (Buddhakathā)
6. Vấn đề Phật thị hiện mười phương (Sabba disākathā)
7. Vấn đề Pháp (Dhammakathā)
8. Vấn đề Nghiệp (Kammakathā)

CHƯƠNG XXII

1. Vấn đề sự viên mãn của đời sống Phạm hạnh (Parinibbānanathā)
2. Vấn đề tam thiện (Kusalacittakathā)
3. Vấn đề tâm bất động hành (Aneñjakkathā)
4. Vấn đề chứng ngộ Tứ đế (Dhammābhisamayakathā)
5. Vấn đề chứng ngộ (Tissopīkathā)
6. Vấn đề pháp Vô ký (Abyākatakathā)
7. Vấn đề Cố hưởng duyên (Āsevanapaccayatākathā)
8. Vấn đề thời gian sát na (Khaṇīkakathā)

CHƯƠNG XXIII

1. Lời nguyện kết giao (Ekādhīppāyakathā)
2. Vấn đề hành dâm với bậc A-la-hán giả hiệu (Arahantavannakathā)
3. Vấn đề thị hiện của Bồ tát (Issariyakāmakārikakathā)
4. Vấn đề những trạng thái giả hiện của tâm (Rāgapatirūpa kādikathā)
5. Vấn đề Bất định pháp (Apurinipphannakathā)

Phần 6

Song luận Yamaka

Bộ Song Đối (Yamaka) là bộ thứ sáu trong bảy bộ luận tạng Adhidhamma (A Tỳ Đàm) đã được Đại Lão Hòa Thượng Tịnh Sự phiên dịch từ Thái ngữ vào năm 1975 (PL 2519). Bộ Song Đối (Yamaka) gồm có mười đề tài, tổng cộng là 5.100 pháp môn, 960.000 chữ, được Đức Phật thuyết trong 18 ngày. Chánh tạng Pāli làm thành 2 quyển.

Quyển Thượng gồm 7 đề tài là:

- Căn song (mūlayamaka).
- Uẩn song (khandhayamaka).
- Xứ song (āyatanayamaka).
- Giới song (dhātuyamaka).
- Đế song (saccayamaka).
- Hành song (sankhārayamaka).
- Tùy miên song (anusayayamaka).

Quyển Hạ, gồm 3 đề tài là:

- Tâm song (cittayamaka).
- Pháp song (dhammayamaka).
- Quyền song (indriyayamaka).

Bộ Yamaka (Song Đối) là tên bộ luận; vì nội dung của bộ này pháp được lập luận dưới hình thức vấn đáp từng đôi, hỏi chiều xuôi (anulomam) rồi hỏi chiều ngược (pacaniyam).

Thí dụ: Sắc là uẩn phải chăng? Hay uẩn là sắc phải chăng? v.v...

Lẽ đó mới gọi là bộ Song Đối.¹

Mục lục tổng quát

Tập 1 (Quyển Thượng)

I- Căn song (mūlayamaka)

II- Uẩn song (khandhayamaka)

III- Xứ song (āyatanayamaka)

IV- Giới song (dhātuyamaka)

V- Đế song (saccayamaka)

Tập 2 (Quyển Thượng)

VI- Hành song (sankhāyamaka)

VII- Tùy miên song (anusayayamaka)

Tập 3 (Quyển Hạ)

¹ Lược trích lời giới thiệu về Bộ Song Đối / Song Luận, dịch giả Đại Lão Hòa Thượng Tịnh Sự, của Hòa Thượng SIÊU VIỆT và Tỳ khưu GIÁC GIỚI. <https://www.budsas.org/uni/u-vdp6/vdp61-00.htm>

VIII- Tâm song (cittayamaka)
 IX- Pháp song (dhammayamaka)
 X- Quyền song (indriyayamaka)
 Tập 4 (Quyển Hạ)
 X- Quyền song (indriyayamaka)
 - tiếp theo

MỤC LỤC TẬP MỘT

I- CĂN SONG

- Phần xiển thuật
- Phần xiển minh
- Xiển minh pháp thiện
- Xiển minh pháp bất thiện
- Xiển minh pháp vô ký
- Xiển minh danh pháp

II- UẨN SONG

- Phần định danh
- Phần xiển thuật
- Phần xiển minh
- Phần câu lạc
- Phần câu lạc căn luân
- Phần thuần uẩn
- Phần thuần uẩn căn luân
- Phần chuyển biến
- Phần sanh
- Phần diệt
- Phần sanh diệt
- Phần biến tri

III- XỨ SONG

- Phần định danh
- Phần xiển thuật
- Phần xiển minh
- Phần câu lạc
- Phần câu lạc căn luân
- Phần thuần xứ
- Phần thuần xứ căn luân
- Phần chuyển biến
- Phần sanh
- Phần diệt
- Phần sanh diệt
- Phần biến tri

IV- GIỚI SONG

- Phần định danh
- Phần xiển thuật
- Phần xiển minh
- Phần câu lạc
- Phần câu lạc căn luân
- Phần thuần giới
- Phần thuần giới căn luân
- Phần chuyển biến
- Phần sanh
- Phần biến tri

V- ĐẾ SONG

- Phần định danh
- Phần xiển thuật
- Phần xiển minh
- Phần câu lạc
- Phần câu lạc căn luân
- Phần thuần đế căn luân

- Phần chuyển biến
- Phần sanh
- Phần diệt
- Phần sanh diệt
- Phần biến tri

MỤC LỤC TẬP HAI

VI- HÀNH SONG

- Phần định danh
- Phần xiển thuật
- Phần xiển minh
- Phần câu lạc
- Phần câu lạc căn luân
- Phần thuần hành
- Phần chuyển biến
- Phần diệt
- Phần sanh
- Phần sanh diệt
- Phần biến tri

VII- TÙY MIÊN SONG

- Phần ngũ ngâm
- Phần tiềm tàng
- Phần đoạn trừ
- Phần biến tri
- Phần được đoạn trừ
- Phần sanh khởi
- Phần giới (cảnh)

MỤC LỤC TẬP BA

VIII- TÂM SONG

Xiển thuật phần NGƯỜI
 Xiển thuật phần PHÁP
 Xiển thuật phần NGƯỜI và PHÁP
 Xiển thuật phần HỖN HỢP
 Xiển minh phần NGƯỜI
 Xiển minh phần PHÁP
 Xiển minh phần NGƯỜI và PHÁP
 Xiển minh phần HỖN HỢP

IX- PHÁP SONG

Phần định danh
 Xiển thuật
 Xiển minh
 Phần câu lạc
 Phần câu lạc căn luân
 Phần thuần pháp
 Phần thuần pháp căn luân
 Phần chuyển biến

Phần sanh
Phần diệt
Phần sanh diệt
Phần tiến tu

X- QUYỀN SONG

Phần định danh
Xiển thuật
Xiển minh
Phần câu lạc
Phần câu lạc căn luân
Phần thuần quyền
Phần thuần quyền căn luân
Phần chuyển biến
Phần biến tri

Tập 4, tập cuối trình bày phần còn lại của Quyền Song (Indriyayamaka). Quyền Song là chương lớn nhất trong 10 Song của bộ Song Đối.

Phần 7

Nhân duyên thuyết (Paṭṭhāna)

Bộ Paṭṭhāna (Nhân duyên thuyết/ Bộ Vị trí) là bộ thứ bảy cũng là bộ cuối cùng của Tạng Abhidhamma (Vi Diệu Pháp). Vì pháp giới bao la, cảnh giới huyền diệu, hàm tàng vạn pháp, nên bộ Luận này đời sau gọi là Mahāpaṭṭhāna, Đại xứ Luận.

Bộ sách này được gọi là Bộ Vị-trí, vì danh từ Paṭṭhāna có nghĩa là cứ điểm, điểm tựa, nơi chỗ v.v... mặt khác các nhà chú giải có giải thích rằng bộ Paṭṭhāna là đỉnh cao của trí tuệ, nhất thiết chủng trí (sabbaññutā) của Đức Phật được phát huy tột độ khi thâm nghiệm lý pháp duyên hệ trong bộ Paṭṭhāna này.

Bộ Vị Trí được trình bày theo bốn luận cứ:

1. Pháp Thuận (anuloma) như là "Pháp thiện liên quan pháp thiện bằng Nhân duyên" v.v...
2. Pháp Nghịch (paccaniya), như là "Pháp phi thiện liên quan pháp phi thiện bằng Nhân duyên" v.v...
3. Pháp Thuận Nghịch (anuloma paccaniya), như là "Pháp thiện liên quan pháp phi thiện bằng Nhân duyên" v.v...
4. Pháp Nghịch Thuận (paccaniyānuloma), như là "Pháp phi thiện liên quan pháp thiện bằng Nhân duyên" v.v...

Cả 4 luận cứ ấy, mỗi luận cứ được phân tích theo 6 phạm trù:

1. Tam đề vị trí (tikapaṭṭhāna) là phân tích 24 duyên theo 22 Đề Đề Tam.

2. Nhị đề vị trí (dukapaṭṭhāna) là phân tích 24 duyên theo 100 Đầu Đề Nhị.
 3. Nhị đề tam đề vị trí (dukatikaṭṭhāna) là lấy 100 nhị đề làm năng đối và 22 Tam Đề làm sở đối để phân tích 24 duyên. Phạm trừ này có được 6.600 vị trí.
 4. Tam đề nhị đề vị trí (tikadukapaṭṭhāna) là lấy 22 tam đề làm năng đối và 100 nhị đề làm sở đối để phân tích 24 duyên. Phạm trừ này có được 4.400 vị trí.
 5. Tam đề tam đề vị trí (tikatikaṭṭhāna) là lấy 22 tam đề làm năng đối và cũng lấy 22 tam đề làm sở đối để phân tích 24 duyên. Phạm trừ này có được 1.386 vị trí.
 6. Nhị đề nhị đề vị trí (dukadukapaṭṭhāna) là lấy 100 nhị đề làm năng đối và cũng lấy 100 nhị đề làm sở đối để phân tích 24 duyên. Phạm trừ này có được 19.800 vị trí.
- Như vậy ở mỗi luận cứ có được 6 phạm trừ và 32.308 vị trí. Tổng cộng 4 luận cứ sẽ có 24 phạm trừ và 129.232 vị trí.

Mỗi vị trí phân tích theo 24 duyên (paccaya), đó là:

1. Nhân duyên (hetupaccayo)
2. Cảnh duyên (ārammaṇapaccayo)
3. Trưởng duyên (adhipatipaccayo)
4. Vô gián duyên (anantarapaccayo)
5. Đồng Vô gián duyên (samanantarapaccayo)
6. Câu sanh duyên (sahajātapaccayo)
7. Hỗ tương duyên (aññamaññapaccayo)
8. Y chỉ duyên (nissayapaccayo)
9. Cận y duyên (upanissayapaccayo)
10. Tiền sanh duyên (purejātapaccayo)
11. Hậu sanh duyên (pacchājātapaccayo)
12. Trùng dụng duyên (āsevanapaccayo)
13. Nghiệp duyên (kammaṇapaccayo)
14. Di thực quả duyên (vipākaṇapaccayo)
15. Vật thực duyên (āhārapaccayo)
16. Quyền duyên (indriyapaccayo)
17. Thiền na duyên (jhānapaccayo)
18. Đồ đạo duyên (maggapaccayo)
19. Tương ưng duyên (sampayuttapaccayo)
20. Bất tương ưng duyên (vippayuttapaccayo)
21. Hiện hữu duyên (atthipaccayo)
22. Vô hữu duyên (natthipaccayo)
23. Ly khứ duyên (vigatapaccayo)
24. Bất ly duyên (avigatapaccayo)

Mỗi duyên được minh định theo 3 khía cạnh:

- a. Pháp năng duyên (paccayadhamma) tức là pháp làm nhân trợ.
- b. Pháp sở duyên (paccayuppannadhamma), tức là pháp được trợ.
- c. Pháp dịch duyên (paccanikadhamma), tức là pháp ngược với sở duyên hay phi sở duyên.¹

Tập 1 - Tam đề vị trí

Tập 2 - Tam đề vị trí (tiếp theo)

Tập 3 - Nhị đề vị trí

¹ Lược trích lời giới thiệu Bộ Vị trí của Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ - SANTAKICCA Mahā Thera trong tập Bộ Vị trí do Ngài là dịch giả.

Tập 4 - Nhị đề vị trí (tiếp theo)
Tập 5 - Nhị đề Tam đề vị trí
Tập 6 - Nhị đề Tam đề vị trí (tiếp theo)
Mục lục tổng quát
Tập 1
[00] Lời nói đầu
Phần yếu lược đầu đề [1]
Phần phân giải duyên

[01] VỊ TRÍ TAM ĐỀ PHẦN THUẬN
1. TAM ĐỀ THIỆN [26]

Phần liên quan
Xiển thuật
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng
Xiển minh
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

[02]
Phần đồng sanh [236]
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

Phần duyên
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

Phần y chỉ
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

[03]
Phần hòa hợp [390]
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

Phần tương ung
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

[04]
Phần yếu tri [484]
Phân giải
Đếm thuận tùng

[05]
Rút ngược đối lập [674]
Đếm đối lập

[06]
Đếm thuận tùng đối lập [752]

[07]
Đếm thuận tùng đối lập (tiếp theo) [900]

[08]
Đếm đối lập thuận tùng [1008]

[09] 2. TAM ĐỀ THỌ [1077]
Phần liên quan
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

Phần tương ung
Phần yếu tri
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

[10] 3. TAM ĐỀ QUẢ [1238]
Phần liên quan
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

Phần câu sanh
Phần duyên
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

Phần y chỉ
Phần hoà hợp
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

Phần tương ung
Phần yếu tri
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

[11] 4. TAM ĐỀ BỊ THỦ [1418]

Phần liên quan
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

Phần câu sanh
Phần duyên
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

Phần y chỉ
Phần hoà hợp
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

Phần tương ung
Phần yếu tri
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

[12] 5. TAM ĐỀ PHIÊN TOÁI [1660]

Phần liên quan
Phần yếu tri
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

[13] Trích cú tự điển Pāli-Việt

Tập 2

[00] Lời giới thiệu

Lời nói đầu

[01] VỊ TRÍ PHẦN THUẬN TÙNG

TAM ĐỀ TÂM

Phần liên quan [1]

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

Phần trợ duyên

Thuận tùng

Đối lập

Phần hòa hợp

Thuận tùng

Đối lập

[02] Phần yếu tri [118]

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

[03] TAM ĐỀ HỖ

Phần liên quan [465]

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

Phần yếu tri

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

[04] TAM ĐỀ KIẾN ĐẠO

Phần liên quan [577]

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

Phần câu sanh

Phần duyên

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

Phần hòa hợp

Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng
Phần tương ung
Phần yếu tri
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

[05] TAM ĐỀ HỮU NHÂN KIẾN ĐẠO ỨNG TRỪ

Phần liên quan [767]

Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng
Phần duyên sở
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng
Phần hòa hợp
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng
Phần yếu tri
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

[06] TAM ĐỀ NHÂN TÍCH TẬP

Phần liên quan [1016]

Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng
Phần duyên sở
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng
Phần hòa hợp
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng
Phần yếu tri

Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

[07] TAM ĐỀ HỮU HỌC

Phần liên quan [1173]

Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng
Phần duyên
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng
Phần hòa hợp
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng
Phần yếu tri
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

[08] TAM ĐỀ HY THIÊU

Phần liên quan [1321]

Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng
Phần duyên
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng
Phần hòa hợp
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng
Phần yếu tri
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

[09] TAM ĐỀ CẢNH HY THIÊU

Phần liên quan [1541]

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

Phần yếu tri

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

TAM ĐỀ TI HẠ

Phần liên quan [1627]

Thuận tùng

TAM ĐỀ TÀ TÁNH

Phần liên quan [1632]

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

Phần duyên sở

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

Phần hòa hợp

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

Phần yếu tri

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

[10] TAM ĐỀ ĐẠO THÀNH CẢNH

Phần liên quan [1768]

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

Phần yếu tri

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

TAM ĐỀ DĨ SANH

Phần yếu tri [1888]

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

TAM ĐỀ QUÁ KHỨ

Phần yếu tri

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ

Phần liên quan [1917]

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

Phần yếu tri

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

[11] TAM ĐỀ NỘI PHẦN

Phần liên quan [2033]

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

Phần duyên sở

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

Phần yếu tri

Thuận tùng

Đối lập

Thuận tùng đối lập

Đối lập thuận tùng

TAM ĐỀ HỮU CẢNH NỘI PHẦN

Phần liên quan [2127]

Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng
Phần yếu tri
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

TAM ĐỀ HỮU KIẾN HỮU ĐỐI

Phần liên quan [2175]
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng
Phần yếu tri
Thuận tùng
Đối lập
Thuận tùng đối lập
Đối lập thuận tùng

[12] TRÍCH CÚ TỪ ĐIỂN PĀLI-VIỆT

Tập 3

[00] Lời nói đầu
[01] Nhị đề nhân [1]
Nhị đề hữu nhân [39]
[02] Nhị đề tương ưng nhân [103]
Nhị đề nhân hữu nhân [104]
Nhị đề nhân tương ưng nhân [129]
Nhị đề phi nhân hữu nhân [130]
Nhị đề hữu duyên [166]
Nhị đề hữu vi [184]
Nhị đề hữu kiến [185]
Nhị đề hữu đối chiếu [220]
[03] Nhị đề sắc [255]
Nhị đề hiệp thế [290]
Nhị đề dữ tâm ứng tri [323]
Nhị đề lậu [329]
Nhị đề cảnh lậu [362]
[04] Nhị đề tương ưng lậu [363]
Nhị đề lậu cảnh lậu [403]
Nhị đề lậu tương ưng lậu [405]
Nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu [417]
Nhị đề triền [418]
Nhị đề cảnh triền [444]
[05] Nhị đề tương ưng triền [445]
Nhị đề triền cảnh triền [482]
Nhị đề triền tương ưng triền [483]

Nhị đề bất tương ưng triền cảnh triền [497]
 Nhị đề phược [498]
 Nhị đề cảnh phược [526]
 Nhị đề tương ưng phược [527]
 [06] Nhị đề phược cảnh phược [564]
 Nhị đề phược tương ưng phược [567]
 Nhị đề bất tương ưng phược cảnh phược [574]
 Nhị đề chùm bọc phối [575]
 Nhị đề cái [576]
 Nhị đề cảnh cái [610]
 Nhị đề tương ưng cái [611]
 [07] Nhị đề cái cảnh cái [641]
 Nhị đề cái tương ưng cái [644]
 Nhị đề bất tương ưng cái cảnh cái [661]
 Nhị đề kiến chấp [662]
 Nhị đề cảnh kiến chấp [693]
 Nhị đề tương ưng kiến chấp [694]
 Nhị đề kiến chấp cảnh kiến chấp [727]
 Nhị đề bất tương ưng kiến chấp cảnh kiến chấp [730]
 [08] TRÍCH CÚ TỪ ĐIỂN PĀLI-VIỆT

Tập 4

Trang Lời nói đầu

Đoạn

Trang 1 01- Nhị đề hữu cảnh
 02- Nhị đề tâm
 Trang 2 03- Nhị đề sở hữu tâm
 04- Nhị đề tương ưng tâm
 Trang 3 05- Nhị đề hòa tâm
 06- Nhị đề sanh y tâm
 Trang 4 07- Nhị đề câu hữu tâm
 08- Nhị đề chuyển tùng tâm
 09- Nhị đề hòa hợp sanh y tâm
 10- Nhị đề hòa hợp sanh y câu hữu tâm
 11- Nhị đề hòa hợp sanh y chuyển tùng tâm
 Trang 5 12- Nhị đề nội phần
 Trang 6 13- Nhị đề y sinh
 Trang 7 14- Nhị đề do thủ
 Trang 8 15- Nhị đề thủ
 16- Nhị đề cảnh thủ
 17- Nhị đề tương ưng thủ
 Trang 9 18- Nhị đề thủ cảnh thủ
 19- Nhị đề thủ tương ưng thủ
 20- Nhị đề bất tương ưng thủ cảnh thủ
 21- Nhị đề phiền não
 22- Nhị đề cảnh phiền não
 Trang 10 23- Nhị đề phiền toái
 24- Nhị đề tương ưng phiền não
 25- Nhị đề phiền não cảnh phiền não
 26- Nhị đề phiền não phiền toái
 27- Nhị đề phiền não tương ưng phiền não

28- Nhị đề bất tương ưng phiến não cảnh phiến não

29- Nhị đề kiến đạo

Trang 11 30- Nhị đề tiến đạo

31- Nhị đề hữu nhân kiến đạo ưng trừ

32- Nhị đề hữu nhân tiến đạo ưng trừ

Trang 12 33- Nhị đề hữu tầm

34- Nhị đề hữu tứ

35- Nhị đề hữu hỷ

Trang 13 36- Nhị đề câu hành hỷ

37- Nhị đề câu hành lạc

38- Nhị đề câu hành xả

39- Nhị đề dục giới

Trang 14 40- Nhị đề sắc giới

41- Nhị đề vô sắc giới

42- Nhị đề hệ thuộc

Trang 15 43- Nhị đề dẫn xuất

44- Nhị đề cố định

45- Nhị đề hữu thượng

46- Nhị đề hữu tranh

Trang 16 Trích cú từ điển

Tập 5

[01]

1. VỊ TRÍ NHỊ ĐỀ TAM ĐỀ THUẬN TÙNG

Nhị đề nhân tam đề thiện

Nhị đề nhân tam đề thọ

Nhị đề nhân tam đề quả

Nhị đề nhân tam đề bị thủ

[02] Nhị đề nhân tam đề phiến toái

Nhị đề nhân tam đề tầm

Nhị đề nhân tam đề hỷ

Nhị đề nhân tam đề kiến đạo

Nhị đề nhân tam đề hữu nhân kiến đạo ưng trừ

Nhị đề nhân tam đề dẫn tích tập

[03] Nhị đề nhân tam đề hữu học

Nhị đề nhân tam đề hy thiếu

Nhị đề nhân tam đề cảnh hy thiếu

Nhị đề nhân tam đề ti hạ

Nhị đề nhân tam đề tà tánh

Nhị đề nhân tam đề đạo cảnh

Nhị đề nhân tam đề dĩ sanh

[04] Nhị đề nhân tam đề quá khứ

Nhị đề nhân tam đề cảnh quá khứ

Nhị đề nhân tam đề nội phần

Nhị đề nhân tam đề cảnh nội phần

Nhị đề nhân tam đề hữu kiến hữu đối chiếu

Nhị đề hữu nhân tam đề thiện

Nhị đề tương ưng nhân tam đề thiện

Nhị đề nhân hữu nhân tam đề thiện

[05] Nhị đề nhân tương ưng nhân tam đề thiện
 Nhị đề phi nhân hữu nhân tam đề thiện
 Nhị đề hữu duyên tam đề thiện
 Nhị đề hữu vi tam đề thiện
 Nhị đề hữu kiến tam đề thiện
 Nhị đề hữu đối chiếu tam đề thiện
 Nhị đề sắc tam đề thiện
 Nhị đề hiệp thế tam đề thiện
 Nhị đề tâm ứng tri tam đề thiện
 Nhị đề lậu tam đề thiện
 Nhị đề cảnh lậu tam đề thiện
 Nhị đề tương ưng lậu tam đề thiện
 Nhị đề lậu cảnh lậu tam đề thiện
 Nhị đề lậu tương ưng lậu tam đề thiện
 Nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu tam đề thiện
 Nhị đề triền tam đề thiện
 [06] Nhị đề cảnh triền tam đề thiện
 Nhị đề tương ưng triền tam đề thiện
 Nhị đề triền cảnh triền tam đề thiện
 Nhị đề triền tương ưng triền tam đề thiện
 Nhị đề bất tương ưng triền cảnh triền tam đề thiện
 Nhị đề phược tam đề thiện
 Nhị đề cảnh phược tam đề thiện
 Nhị đề tương ưng phược tam đề thiện
 Nhị đề phược cảnh phược tam đề thiện
 Nhị đề phược tương ưng phược tam đề thiện
 Nhị đề bất tương ưng phược cảnh phược tam đề thiện
 Nhị đề cái tam đề thiện
 Nhị đề cảnh cái tam đề thiện
 Nhị đề tương ưng cái tam đề thiện
 Nhị đề cái cảnh cái tam đề thiện
 Nhị đề cái tương ưng cái tam đề thiện
 Nhị đề bất tương ưng cái cảnh cái tam đề thiện
 Nhị đề kiến chấp tam đề thiện
 Nhị đề cảnh kiến chấp tam đề thiện
 Nhị đề tương ưng kiến chấp tam đề thiện
 Nhị đề kiến chấp cảnh kiến chấp tam đề thiện
 Nhị đề bất tương ưng kiến chấp cảnh kiến chấp tam đề thiện
 [07] Nhị đề hữu cảnh tam đề thiện
 Nhị đề tâm tam đề thiện
 Nhị đề tâm sở tam đề thiện
 Nhị đề tương ưng tâm tam đề thiện
 Nhị đề hòa tâm tam đề thiện
 Nhị đề sanh y tâm tam đề thiện
 Nhị đề câu hữu tâm tam đề thiện
 Nhị đề từng chuyển tâm tam đề thiện
 Nhị đề hòa hợp sanh y tâm tam đề thiện
 Nhị đề hòa hợp sanh y câu hữu tâm tam đề thiện
 Nhị đề hòa hợp sanh y từng chuyển tâm tam đề thiện
 Nhị đề nội phân tam đề thiện

Nhị đề y sinh tam đề thiện
 Nhị đề bị thủ tam đề thiện
 Nhị đề thủ tam đề thiện
 Nhị đề cảnh thủ tam đề thiện
 Nhị đề tương ứng thủ tam đề thiện
 [08] Nhị đề thủ cảnh thủ tam đề thiện
 Nhị đề thủ tương ứng thủ tam đề thiện
 Nhị đề bất tương ứng thủ cảnh thủ tam đề thiện
 Nhị đề phiền não tam đề thiện
 Nhị đề cảnh phiền não tam đề thiện
 Nhị đề phiền toái tam đề thiện
 Nhị đề tương ứng phiền não tam đề thiện
 Nhị đề phiền não cảnh phiền não tam đề thiện
 Nhị đề phiền não phiền toái tam đề thiện
 Nhị đề phiền não tương ứng phiền não tam đề thiện
 Nhị đề bất tương ứng phiền não cảnh phiền não tam đề thiện
 Nhị đề kiến đạo ứng trừ tam đề thiện
 Nhị đề tiến đạo ứng trừ tam đề thiện
 Nhị đề hữu nhân kiến đạo ứng trừ tam đề thiện
 Nhị đề hữu nhân tiến đạo ứng trừ tam đề thiện
 Nhị đề hữu tâm tam đề thiện
 Nhị đề hữu tứ tam đề thiện
 Nhị đề hữu hỷ tam đề thiện
 Nhị đề câu hành hỷ tam đề thiện
 Nhị đề câu hành lạc tam đề thiện
 Nhị đề câu hành xả tam đề thiện
 Nhị đề dục giới tam đề thiện
 Nhị đề sắc giới tam đề thiện
 Nhị đề vô sắc giới tam đề thiện
 Nhị đề hệ thuộc tam đề thiện
 Nhị đề dẫn xuất tam đề thiện
 Nhị đề cố định tam đề thiện
 Nhị đề hữu thượng tam đề thiện
 Nhị đề hữu tranh tam đề thiện
 Nhị đề hữu tranh tam đề thọ
 Nhị đề hữu tranh tam đề quả
 Nhị đề hữu tranh tam đề bị thủ
 Nhị đề hữu tranh tam đề phiền toái
 Nhị đề hữu tranh tam đề tầm
 Nhị đề hữu tranh tam đề hỷ
 Nhị đề hữu tranh tam đề kiến đạo
 Nhị đề hữu tranh tam đề hữu nhân kiến đạo ứng trừ
 Nhị đề hữu tranh tam đề nhân tích tập
 Nhị đề hữu tranh tam đề hữu học
 Nhị đề hữu tranh tam đề hy thiếu
 Nhị đề hữu tranh tam đề cảnh hy thiếu
 Nhị đề hữu tranh tam đề ti hạ
 Nhị đề hữu tranh tam đề tà tánh
 Nhị đề hữu tranh tam đề đạo cảnh
 Nhị đề hữu tranh tam đề khởi sanh

Nhị đề hữu tranh tam đề quá khứ
Nhị đề hữu tranh tam đề cảnh quá khứ
Nhị đề hữu tranh tam đề nội phần
Nhị đề hữu tranh tam đề cảnh nội phần
Nhị đề hữu tranh tam đề hữu kiến

[09]

2. VỊ TRÍ TAM ĐỀ NHỊ ĐỀ THUẬN TÙNG

Tam đề thiện nhị đề nhân
Tam đề thọ nhị đề nhân
Tam đề quả nhị đề nhân
Tam đề bị thủ nhị đề nhân
Tam đề phiền toái nhị đề nhân
Tam đề tầm nhị đề nhân
Tam đề hỷ nhị đề nhân

[10] Tam đề kiến đạo nhị đề nhân
Tam đề hữu nhân kiến đạo ưng trừ nhị đề nhân
Tam đề nhân tích tập nhị đề nhân
Tam đề hữu học nhị đề nhân
Tam đề hy thiếu nhị đề nhân
Tam đề cảnh hy thiếu nhị đề nhân
Tam đề ti hạ nhị đề nhân
Tam đề tà tánh nhị đề nhân
Tam đề đạo cảnh nhị đề nhân
Tam đề dĩ sanh nhị đề nhân
Tam đề quá khứ nhị đề nhân
Tam đề cảnh quá khứ nhị đề nhân

[11] Tam đề nội phần nhị đề nhân
Tam đề cảnh nội phần nhị đề nhân
Tam đề hữu kiến nhị đề nhân
Tam đề thiện nhị đề hữu nhân
Tam đề thiện nhị đề tương ưng nhân
Tam đề thiện nhị đề nhân hữu nhân
Tam đề thiện nhị đề nhân tương ưng nhân
Tam đề thiện nhị đề phi nhân hữu nhân
Tam đề thiện nhị đề hữu duyên
Tam đề thiện nhị đề hữu vi
Tam đề thiện nhị đề hữu kiến
Tam đề thiện nhị đề hữu đối chiếu
Tam đề thiện nhị đề sắc
Tam đề thiện nhị đề hiệp thể
Tam đề thiện nhị đề tâm ứng tri
Tam đề thiện nhị đề lậu
Tam đề thiện nhị đề cảnh lậu

[12] Tam đề thiện nhị đề tương ưng lậu
Tam đề thiện nhị đề lậu cảnh lậu
Tam đề thiện nhị đề lậu tương ưng lậu
Tam đề thiện nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu
Tam đề thiện nhị đề sáu tụ

Tam đề thiện nhị đề hữu cảnh
 Tam đề thiện nhị đề tâm
 Tam đề thiện nhị đề tâm sở
 Tam đề thiện nhị đề tám phần tương ưng tâm v.v...
 Tam đề thiện nhị đề nội phần
 Tam đề thiện nhị đề y sinh
 Tam đề thiện nhị đề bị thủ
 Tam đề thiện nhị đề tự thủ
 Tam đề thiện nhị đề phiền não
 Tam đề thiện nhị đề cảnh phiền não
 Tam đề thiện nhị đề phiền toái
 Tam đề thiện nhị đề tương ưng phiền não
 Tam đề thiện nhị đề phiền não cảnh phiền não
 Tam đề thiện nhị đề phiền não phiền toái
 Tam đề thiện nhị đề phiền não tương ưng phiền não
 Tam đề thiện nhị đề bất tương ưng
 Tam đề thiện nhị đề kiến đạo ung trừ
 Tam đề thiện nhị đề tiến đạo ung trừ
 Tam đề thiện nhị đề hữu nhân kiến đạo ung trừ
 Tam đề thiện nhị đề hữu nhân tiến đạo ung trừ
 Tam đề thiện nhị đề hữu tầm
 Tam đề thiện nhị đề hữu tứ
 Tam đề thiện nhị đề hữu hỷ
 [13] Tam đề thiện nhị đề câu hành hỷ v.v...
 Tam đề thiện nhị đề dục giới
 Tam đề thiện nhị đề sắc giới
 Tam đề thiện nhị đề vô sắc giới
 Tam đề thiện nhị đề hệ thuộc
 Tam đề thiện nhị đề dẫn xuất
 Tam đề thiện nhị đề cố định
 Tam đề thiện nhị đề hữu thượng
 Tam đề thiện nhị đề hữu tranh
 Tam đề thọ nhị đề hữu tranh
 Tam đề quả nhị đề hữu tranh
 Tam đề bị thủ nhị đề hữu tranh
 Tam đề phiền toái nhị đề hữu tranh
 Tam đề tầm nhị đề hữu tranh
 Tam đề hỷ nhị đề hữu tranh
 Tam đề kiến đạo nhị đề hữu tranh
 Tam đề hữu nhân kiến đạo ung trừ nhị đề hữu tranh
 Tam đề nhân tích tập nhị đề hữu tranh
 Tam đề hữu học nhị đề hữu tranh
 Tam đề hy thiếu nhị đề hữu tranh
 Tam đề cảnh hy thiếu nhị đề hữu tranh
 Tam đề ti hạ nhị đề hữu tranh
 Tam đề tà tánh nhị đề hữu tranh
 Tam đề đạo cảnh nhị đề hữu tranh
 Tam đề dĩ sanh nhị đề hữu tranh
 Tam đề quá khứ nhị đề hữu tranh
 Tam đề cảnh quá khứ nhị đề hữu tranh

Tam đề nội phân nhị đề hữu tranh
Tam đề cảnh nội phân nhị đề hữu tranh
Tam đề hữu kiến nhị đề hữu tranh
[14]

3. VỊ TRÍ TAM ĐỀ TAM ĐỀ THUẬN TÙNG

Tam đề thiện tam đề thọ
Tam đề thiện tam đề quả
Tam đề thiện tam đề bị thủ
Tam đề thiện tam đề phiền toái
Tam đề thiện tam đề tâm
Tam đề thiện tam đề hỷ
Tam đề thiện tam đề kiến đạo
Tam đề thiện tam đề hữu nhân kiến đạo ưng trừ
Tam đề thiện tam đề nhân tích tập
Tam đề thiện tam đề hữu học
Tam đề thiện tam đề hy thiếu
Tam đề thiện tam đề cảnh hy thiếu
Tam đề thiện tam đề ti hạ
Tam đề thiện tam đề tà tánh
Tam đề thiện tam đề đạo cảnh
Tam đề thiện tam đề dĩ sanh
Tam đề thiện tam đề quá khứ
Tam đề thiện tam đề cảnh quá khứ
Tam đề thiện tam đề nội phân
Tam đề thiện tam đề cảnh nội phân
Tam đề thiện tam đề hữu kiến
Tam đề thọ tam đề thiện
Tam đề quả tam đề thiện
Tam đề bị thủ tam đề thiện
Tam đề phiền toái tam đề thiện
Tam đề tâm tam đề thiện
Tam đề hỷ tam đề thiện
Tam đề kiến đạo tam đề thiện
Tam đề hữu nhân kiến đạo ưng trừ tam đề thiện
Tam đề nhân tích tập tam đề thiện
Tam đề hữu học tam đề thiện
Tam đề hy thiếu tam đề thiện
Tam đề cảnh hy thiếu tam đề thiện
Tam đề ti hạ tam đề thiện
Tam đề tà tánh tam đề thiện
Tam đề đạo cảnh tam đề thiện
Tam đề dĩ sanh tam đề thiện
Tam đề quá khứ tam đề thiện
Tam đề cảnh quá khứ tam đề thiện
Tam đề nội phân tam đề thiện
Tam đề cảnh nội phân tam đề thiện
Tam đề hữu kiến tam đề thiện

[15] 4. VỊ TRÍ NHỊ ĐỀ NHỊ ĐỀ THUẬN TÙNG

Nhị đề nhân nhị đề hữu nhân
Nhị đề nhân nhị đề tương ưng nhân
Nhị đề nhân nhị đề nhân hữu nhân
Nhị đề nhân nhị đề nhân tương ưng nhân
Nhị đề nhân nhị đề phi nhân hữu nhân
Nhị đề nhân nhị đề hữu duyên
Nhị đề nhân nhị đề hữu vi
Nhị đề nhân nhị đề hữu kiến
Nhị đề nhân nhị đề hữu đối chiếu
Nhị đề nhân nhị đề sắc
Nhị đề nhân nhị đề hiệp thê
Nhị đề nhân nhị đề tâm ứng tri
Nhị đề nhân nhị đề lậu
Nhị đề nhân nhị đề cảnh lậu
Nhị đề nhân nhị đề tương ưng lậu
Nhị đề nhân nhị đề lậu cảnh lậu
Nhị đề nhân nhị đề lậu tương ưng lậu
Nhị đề nhân nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu
Nhị đề nhân nhị đề sáu tụ
Nhị đề nhân nhị đề hữu cảnh
Nhị đề nhân nhị đề tâm
Nhị đề nhân nhị đề tâm sở
Nhị đề nhân nhị đề tương ưng tâm
Nhị đề nhân nhị đề hòa hợp tâm
Nhị đề nhân nhị đề sanh y tâm
Nhị đề nhân nhị đề câu hữu tâm
Nhị đề nhân nhị đề từng chuyển tâm
Nhị đề nhân nhị đề hòa hợp sanh y tâm
Nhị đề nhân nhị đề hòa hợp sanh y câu hữu tâm
Nhị đề nhân nhị đề hòa hợp sanh y
Nhị đề nhân nhị đề nội phần
Nhị đề nhân nhị đề y sinh
Nhị đề nhân nhị đề bị thủ
Nhị đề nhân nhị đề tự thủ
Nhị đề nhân nhị đề tự phiền não
Nhị đề nhân nhị đề yêu bối
Nhị đề hữu nhân nhị đề nhân
Nhị đề tương ưng nhân nhị đề nhân
Nhị đề nhân hữu nhân nhị đề nhân
Nhị đề nhân tương ưng nhân nhị đề nhân
Nhị đề phi nhân hữu nhân nhị đề nhân
Nhị đề tiểu đỉnh nhị đề nhân
Nhị đề tự lậu nhị đề nhân
Nhị đề sáu tụ nhị đề nhân
Nhị đề đại đỉnh nhị đề nhân
Nhị đề tự thủ nhị đề nhân
Nhị đề tự phiền não nhị đề nhân
Nhị đề yêu bối nhị đề nhân

Tập 6

Lời Nói Đầu

1. VỊ TRÍ ĐỐI LẬP

(PACCANĪYAPATTHĀNA)

Vị trí tam đề đối lập

Vị trí nhị đề đối lập

Vị trí nhị đề tam đề đối lập

Vị trí tam đề nhị đề đối lập

Vị trí tam đề tam đề đối lập

Vị trí nhị đề nhị đề đối lập

2. VỊ TRÍ THUẬN TÙNG ĐỐI LẬP

(ANULOMAPACCANĪYAPATTHĀNA)

Vị trí tam đề thuận tùng đối lập

Vị trí nhị đề thuận tùng đối lập

Vị trí nhị đề tam đề thuận tùng đối lập

Vị trí tam đề nhị đề thuận tùng đối lập

Vị trí tam đề tam đề thuận tùng đối lập

Vị trí nhị đề nhị đề thuận tùng đối lập

3. VỊ TRÍ ĐỐI LẬP THUẬN TÙNG

(PACCANĪYĀNULOMAPATTHĀNA)

Vị trí tam đề đối lập thuận tùng

Vị trí nhị đề đối lập thuận tùng

Vị trí nhị đề tam đề đối lập thuận tùng

Vị trí tam đề nhị đề đối lập thuận tùng

Vị trí tam đề tam đề đối lập thuận tùng

Vị trí nhị đề nhị đề đối lập thuận tùng

Kết Luận

Giáo Trình Khái quát Tam Tạng Pali Nikaya do chúng tôi – Tỳ khuru, Tiến sĩ Thiện Minh chọn lọc và biên soạn gồm 3 bài – Tạng Luật (3 phần), Tạng Kinh (5 phần), Tạng Luận (7 phần). Tập giáo trình nhằm giới thiệu khái quát về Tam Tạng Pali Nikaya. Giáo trình được sử dụng cho việc học tập và nghiên cứu kinh điển Pali của các sinh viên chuyên ngành và những học giả quan tâm đến các vấn đề liên quan.

Chúng tôi tán thán quý vị đọc, nghe, tìm tòi, so sánh và chiêm nghiệm. Hãy xem đây như là một phương tiện trong quá trình dẫn dắt quý vị tìm về với đời sống của một xã hội Ấn Độ cách đây hơn 2500 năm, thời kỳ Đức Phật còn hiện tiền, thời đại cho sự ra đời của các lời dạy trong Tam Tạng Kinh Điển. Trong lịch sử truyền thừa và tiếp nối của Đạo Phật, đã có những phân khúc tiến triển khác biệt, cũng như một gốc cây lớn thì rồi cũng chia thêm nhiều cành nhiều nhánh, dầu vậy, chúng vẫn được trường dưỡng chung một gốc. Nghiên cứu Tam tạng Pali Nikaya – Bộ giáo pháp chân thực cổ xưa nhất của Đạo Phật để biết, để hiểu đúng về những lời dạy của Kinh điển, nhằm tránh đưa ra những lập luận theo kinh nghiệm và hiểu biết mang tính chủ quan cá nhân.

Nương theo lời dạy của Đức Phật “...đừng tin một điều gì vì phong văn. Đừng tin một điều gì vì nó là tập quán lưu truyền. Đừng tin một điều gì vì được nhiều người nhắc đi nhắc lại. Đừng tin một điều gì vì đó là bút tích của thánh nhân. Đừng tin một điều gì vì đó là thói quen đã có từ lâu. Đừng tin một điều gì do ta tưởng tượng và lại nghĩ rằng do một thần linh nào đó khai thị cho ta. Đừng tin một điều gì vì đó là do các thầy có uy tín dạy... khi nào tự mình chứng nghiệm và biết rõ như sau: "Các pháp này là thiện; Các pháp này là không có tội; Các pháp này được người có trí tán thán; Các pháp này nếu được thực hiện, được chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc", hãy cố gắng thực hành để tự đạt đến và an trú trong hạnh phúc!”

Hết

Bửu Quang Tự ngày mùng 5 tháng Giêng năm Mậu Tuất

20/2/2018 – DL. 2561

TT. TS. Thiện Minh

Tài liệu tham khảo

- Bình Anson (2006), Tam Tạng Kinh Điển. <https://www.budsas.org/uni/1-bai/phap011.htm>
- Bodhesako (1984), Beginnings: The Pali Suttas, Buddhist Publication Society, Sri Lanka.
- Christmas Humphrey (1962), Buddhism, Penguin Books, UK.
- Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ SANTAKICCA Mahā Thera (1975), dịch giả Bộ Phân Tích Vibhaṅga.
- Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ SANTAKICCA Mahā Thera (1975), dịch giả Bộ Pháp Tụ DHAMMASAṄGANI.
- Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ SANTAKICCA Mahā Thera (1975), dịch giả Bộ Vị Trí Paṭṭhāna.
- Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ SANTAKICCA Mahā Thera (1975), dịch giả Bộ Song Đối (Yamaka)
- Giáo sư Trần Phương Lan (1999), lời giới thiệu Kinh Tiểu Bộ, Trích Nguyệt san Giác Ngộ, 01-1999, <https://www.budsas.org/uni/u-kinh-tieubo1/tieubo-00.htm>
- H.W. Schuman, The Historical Buddha (Đức Phật Lịch Sử, bản dịch Việt ngữ của Trần Phương Lan, Viện Nghiên Cứu Phật Học, Sài Gòn, 1997).
- Narada Mahathera (1980), The Buddha and His Teachings, Buddhist Publication Society, Sri Lanka (Đức Phật và Phật Pháp, bản dịch Việt ngữ của Phạm Kim Khánh).
- Russell Webb (1991), An Analysis of The Pali Canon, Buddhist Publication Society, Sri Lanka.
- Tam Tạng Song Ngữ Pali – Việt (Vesak 2550), Buddhist Culture Centre, Dehiwala, Srilanka.
- Thích Đức Nhuận (1983), Phật Học Tinh Hoa, Phật Học Viện Quốc Tế, USA.